

PHÓ THÔNG

Tạp chí Văn-hóa ra ngày 1 và 15

Giám-Đốc: NGUYỄN VĨ

* 21

Đi-Văn chương và Tín-tưởng V. N.	NGUYỄN-VĨ
Một tội người (bài ký)	THIỀU-SYÂN
Bà Giai với Lãnh-Chinh Khi Cá	THIỀU-QUANG
* Những cuộc Tình-cuynh của nhạc-sĩ CHOPIN	TRẦN THIỀN-LÝ
* Không-Minh	NGUYỄN-QUANG-LƯƠ
Cát (con-yên-nghìn-quốc-tế)	TÙ TRẦM-LƯ
Quê-thi-sĩ cuối-cùng-cửu tỉnh-lập-thành	G.UNG-BÌNH
* Tình-hữu-nghị văn-hóa Pháp-Việt	ĐHOU-HUYỀN
Phá-binh-quyền-thu «Tử-Thú»	THIỀU-SƠN
ĐE-thông-đo cắp-phuynh-nhân	NGUYỄN-VĨ
* Văn-sĩ thi-sĩ tiền-chiến: LAN-KHAI	Võ-DŨC
Xé-giáo	NGUYỄN-VĨ
Minh-đi	GD-BÌNH-MÌNH
Norina I, hoàng-đế nước Mĩ	ĐIỀU-HUYỀN
T-học-phô-thông: BÌ-thám-thi	TÂN-PHONG
Món-đi Huế	GIANG-HOA
* Nhieu-cù Chuẩn-hội	PHƯƠNG-THU
Mộng-nay (lher)	NGUYỄN-HỮU-THU
Đặng-Mỹ (lher)	TÙ-TRẦM-LƯ
Những-người-dối-ma-đo	TUYẾT-LINH
Hà-ba-lấy-vợ (truyện-Ngân-vũ)	NGUYỄN-THU-MÌNH
Tai-lâm-phim	THU-"

TRUYỀN ĐÀ

cô-đài-GIÁP

BẾN NGÂN - HÀ

BẾN NGÂN - HÀ

BẾN NGÂN - HÀ

★ Ông nào, cậu nào cũng muốn có người vợ dịu dàng, duyên dáng, biển lành như nàng Quỳnh-Giao.

★ Bà nào, cô nào muốn có người chồng xứng đáng, cần phải duyên dáng, cương quyết và thủy chung như nàng Quỳnh-Giao trong quyền BẾN NGÂN-HÀ.

★ BẾN NGÂN-HÀ của LÊ VĂN TẤT — 80 trang. Giá ba màu : 32đ
Hỏi nhà sách VIỆT-HƯƠNG và các nhà sách lớn.

ĐÓN XEM

THẦN LIÊN THI TẬP của Thần-Liên LÊ-VĂN-TẤT

★ Đọc THẦN LIÊN THI TẬP để nghe soi soi lòng của một phế nhơn.

★ Đọc THẦN LIÊN THI TẬP để nghe tiếng rea siết của người đang oán oại trên giường bệnh.

★ Tác giả là một thi nhân tàn phế sau Hán mặc Tử và Đè Chùa.
Sách sắp xuất bản 1 ngày gần đây.

Lớp học : PHÚ, VĂN-TẾ, LIỄN-ĐỐI

★ Tôi chẳng may thọ nạn xe hơi, trở thành tàn phế. Tự biết mình chẳng còn sống sót bao lâu nữa, và muốn lưu lại một vài kỷ niệm ở trãi gian, tôi xin đem sự hiểu biết tầm thường của mình về : THI, PHÚ, VĂN-TẾ, LIỄN-ĐỐI để dìu dắt quý bạn văn chương sơ cấp. (Đối với qui bạn sành thơ, chúng tôi chẳng dám mủn riu qua mắt thấy).

★ Quý bạn nào muốn biết thêm về các môn ấy, xin biên thư về địa chỉ sau đây (nhớ đề còi thơ hỏi đáp). Chúng tôi xin tận tâm chỉ giúp. Không lấy học phí. Chỉ nhận số bút phí văn phòng vừa đủ dùng trong việc in loát bài vở và quảng cáo trên báo chí.

Ô. LÊ VĂN TẤT
học làm Thi H Amanda-Thu
Châu đốc (An Giang)

PHỐ THÔNG

TẠP CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỐ BIÊN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CỔ

Glám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VĨ

Quản-ly: TRẦN-VĂN-LANG

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Sài-gòn — B. T. Sài-gòn 307



BỘ MỚI SỐ 21 ★ 15.10.1959

- 1.— Văn chương và tư-trưởng Việt-Nam Nguyễn-Vỹ 6 — 9
- 2.— Nhũng cuộc tình duyên say mê
 của nhạc sĩ Chopin Trần-thiên-Lý 10 — 14
- 3.— Ba Giai với khúc Chinh Khi Ca Thiều-Quang 15 — 19
- 4.— Cát (truyện ngắn quốc tế) Từ Trầm Lệ 20 — 24
- 5.— Một đời người (hồi ký) Thiều Sơn 25 — 27
- 6.— Chuyện cũ người xưa :
 Không Minh Nguyễn-Quang-Lực 28 — 34
- 7.— Mong say, Mong người đêm trước Từ Trầm Lệ — 35.
- 8.— Norton I, hoàng đế nước Mỹ Tân Phong 36 — 40
- 9.— Hai tháng ăn cắp (Truyện ngắn) Võ Đức 41 — 47
- 10.— Dáng mè (lời) Tuyết Linh 48 — 49
- 11.— Bầu cử Quốc hội tại Anh Quốc Nguyễn hữu Thứ 50 — 54

12.— Văn sĩ thi sĩ tiền chiến : Lan-khai . . .	Nguyễn Vỹ	55 — 59
13.— Thi sĩ lão thành : Cụ Ưng-Binh	Diệu Huyền	60 — 63
14.— Nói về tinh hồn nghệ Văn hóa Việt Pháp	Thiếu Sơn	64 — 67
15.— Tao dàn Phồ Thông	P. T.	68 — 73
16.— Tôi làm phim	Thái Thúc Diển	74 — 78
17.— Xã giao	Cô Bình Minh	79 — 81
18.— Cô gái diên (truyện dài)	Vi Huyền Đắc	82 — 86
19.— Y học Phồ Thông : Đì thăm thai	Quang Hoa	87 — 90
20.— Gia Chánh : Món ăn Huế	Cô Phương Thu	91 — 92
21.— Phè binh sách : Từ Thức của Đoàn Thêm	Nguyễn-Vỹ	93 — 98
22.— Hà Bá lấy vợ (chuyện vui)	Thu Phong	99 — 101
23.— Mình ơi !	Diệu Huyền	102 — 118
24.— Giới thiệu sách báo mới	P. T.	119
25.— Đáp bạn khen phuong	Cô Bạch Yến	120 — 129

Sắp xếp bài, trình bày bìa và nội-dung, cho màu. . .	Cô Diệu-Huyền
Tranh vẽ.	Họa sĩ Duy-Liem
	— Ngọc-Tài
★ Bản kẽm	Nguyễn-Diệu
★ Bìa Offset	Vạn-Quốc

● Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích
đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng
yêu-cầu để rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG »
và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO-THON, printed in Viêt-Nam.

* NGUYỄN VĨ

VĂN - CHƯƠNG

và TỰ TƯỞNG

Việt-nam
QUA CÁC THỜI ĐẠI

CHƯƠNG I

(Xem lại P.T. số 20)

TIẾNG Việt-NAM nói của người Việt-NAM không nhurna do nguồn-gốc của cò-ngữ Tàu, hoặc là hòn-hợp các thò-ngữ của các giống người Tàu, mà còn hòn-hợp với các giống thò-dân địa - phương nữa : Chàm, Mường, Thái, Thò, v.v... Cho nên có nhiều tiếng Việt hơi na-ná giống tiếng Chàm, tiếng Khmer, hoặc tiếng Mường, hoặc do những tiếng ấy mà thành, như : NHA-TRANG, PHAN-RANG, SA-DÉC, CÀ-MAU, XOÀI-RÌENG, chẳng hạn.

Một người không bao giờ ở yên một chỗ, và trong cuộc lưu thông từ vùng này qua vùng khác, từ xứ này qua xứ kia, đê buôn bán, học hành, cuộc tiếp xúc với những người khác, hoặc những giống người khác; thường thường đem lại cho ta nhiều sự đổi-thay về tính tình, cũng như về phong tục và ngôn-ngữ. Vì vậy, tiếng nói người Việt-NAM trải qua bao nhiêu thế-kỷ, nào đựng chạm với TÀU, với CHÀM, THÁI, KHMERS, XIÊM, đã dần dần biến-đổi rất nhiều và bồi-bồi thêm vào cõng không ít. Có những tiếng ít thông dụng bị tiêu diệt và được thay thế vào bằng những tiếng mới. Ta đọc thơ của Lê-thánh-Tôn, Nguyễn-Trãi, Nguyễn-Birih-Khiêm và gần hơn như của Hồ-xuân-Hương, Nguyễn-Du, Tú-Xương, đỡ nhận thấy nhiều chữ, nhiều tiếng có lẽ rất thông dụng lúc bấy giờ mà nay đã thành cũ-kỹ, và mai-một.

Từ đầu thế-kỷ XX, tiếng nói của người Việt-NAM càng biến-

Nguồn gốc người Việt và tiếng Việt

- Người Việt-Nam từ đâu đến ?
- Ở đây từ bao giờ ?
- Nói tiếng gì ?
- Viết chữ gì ?

chuyên mau lẹ. Tiếng PHẬP đã đem vào ngôn-ngữ của ta rất nhiều danh-từ mới. Và từ hồi chiến tranh vừa qua, tiếng nói Việt-Nam lại trải qua một cuộc biến-cải khá rộng lớn, càn làm cho nó đổi-dào phong phú thêm.

Có vài người viết sách ức-đoán rằng tiếng nói nguyên thủy của Việt-Nam là gốc nói tiếng MUÔNG. Chúng ta không thể đồng ý về quan-diểm ấy được, bởi lẽ dĩ-nhiên là lịch-sử của Dân-tộc Việt-Nam không có liên-quan gì với gióng dân thiểu số Muông ở vùng Thanh-Hoa.

Tóm lại, tiếng nói của người Việt-Nam là một trong những thò-ngữ (Dialectes) nguồn-gốc Trung-Hoa, cũng như tiếng Triề-Châu, Quảng-Đông, Hài-Nam, Phúc-Kiến... Cũng như tiếng triều-Tiên và Nhựt-Bản.

Tiếng ta lại giàu hơn là nhờ sự phối-hợp với các yếu-tố của thò-ngữ Chàm, Thái và Khmer, các giống người này đã cùng chúng ta chung đựng trong hơn mươi thế-kỷ.

Tiếng Việt lại có một đặc điểm mà nhiều tiếng khác của ngoại quốc không có: là nó có thể phân-tách thành ra hai thứ:

TIẾNG NÔM và TIẾNG CHỮ.

Bên cạnh tiếng Nôm là thứ tiếng thông dụng của tất cả các tầng lớp hân dân, là tiếng nói thông thường, dễ hiểu, có một thứ tiếng văn-hoa hơn, gồm những chữ Hán đã được Việt-nam-hóa.

Vì nguyên thủy của nó là Hán-tự, cho nên thứ tiếng chữ này, trải qua các thế-kỷ trước, chỉ là một thứ ngôn-ngữ đặc-biệt được dùng riêng trong các giới trí-thức Nho-học mà thôi. Các lớp bình dân, tức là đại chúng, ít dùng đến nó. Nhưng dần dần Nho học được phổ biến sâu rộng trong hang cùng ngõ hẽm, tiếng chữ trở nên thích hợp với trình độ văn hóa tiến triển của dân tộc và được sử dụng nhiều hơn, và trong nhiều trường hợp nó còn thay thế cho tiếng Nôm nữa.

Chúng ta có thể đưa ra vài thí dụ thông thường :

Tiếng Nôm = một ông nhà giàu,

Tiếng Chữ = một phú ông, một phú gia.

Nôm = *dẹp quá xá, dẹp hết chỗ nói, dẹp hết sicc, dẹp ghê, dẹp mê hồn, dẹp mê tai, ngọt quá, mùi quá, dẹp quá xá cõ, v.v...*

Chữ = *Tuyệt dẹp, vô cùng diễm lệ, tuyệt thế giải nhân, kiều diễm v.v...*

Nôm = Chết, qua đời.

Chữ = Quá vãng, mệnh chung
tịch, Quy Tiên, thăng hà, hay là:
(băng hà, băng già; nói riêng về
Vua) v.v...

Nhưng từ khi chữ Hán mất, địa vị ưu thặng trong giáo huấn, bị chữ Pháp thay thế, số người học chữ Hán đã ít dần, cho nên nhiều tiếng chữ đã bị dùng sai lầm, không đúng nghĩa. Nhất là từ hồi hậu chiến đến nay, một số rất nhiều tiếng chữ Việt-Nam đã bị sử dụng làm lộn hết. Cho đến đời nhiều người có trí thức Tây học cũng dùng sai, vì không hiểu nghĩa của chữ Hán : Một vài thí dụ :

Tiếng chữ : Quả phụ (người đàn bà góa) bị dùng là : góa phụ.

Tiếng chữ : nhã ý (có ý lịch-sự, tao nhã : Ông ấy có nhã ý đến thăm tôi). Tiếng áy dùng để nói về người khác, rất nhiều người vì không hiểu nghĩa nên dùng để nói về mình : Tôi có «nhã ý» đến thăm ông. Tiếng chữ = Bồn báo (tờ báo của chúng tôi : nhà Báo nói về mình).

Rất nhiều đọc giả viết thư về nhà báo, cũng đã hiểu làm nghĩa mà viết : chúng tôi yêu cầu «bồn báo» mở rộng thêm mục v.v...

Hiện nay, một số văn sĩ và ký giả không am hiểu Hán tự, và chưa thấu triệt ngoại ngữ, đã dịch tiếng Anh và tiếng Pháp ra Việt-nhĩ mà dùng nhiều tiếng chữ sai lầm hết ý nghĩa, lại càng gây thêm cái hậu quả rõ rogn trong văn học Việt-Nam. Sự thiếu thốn một Viện-Hàn-Lâm và một

bộ Tự-Điền Việt-Nam cảng để di hại lớn lao cho tiếng và chữ Việt Nam sau này.



Dân-tộc Việt-Nam đã bị một khuyết - điểm lớn rất tai hại, là ngay từ lúc khởi thủy chúng ta không có một văn-tự riêng.

Có vài nhà khảo-cứu ngạc-nhiên sao người Mường có lối chữ viết của họ, mà người Việt-Nam lại không có, rồi họ đưa ra vài ức-thuyết như sau đây:

1.— Có lẽ người Việt cũng có một thứ chữ vi-el, nhưng vì chính sách của người Tàu lúc bấy giờ là muốn đồng-hoa dân ta cho nên dần-dần thay chữ cổ-lụt của ta bằng diệt.

Thuyết áy thật là mù-mờ và hoàn toàn vô căn-cứ. Vì không có chính-trị nào tiêu-diệt được một văn-tự cả. Vả cháng nếu hồi xưa quả thật người Việt đã có một thứ chữ riêng, thì ít nhứt thứ chữ áy cũng phải còn để lại dấu vết gì trên đá, trên đồng hay trên sắt, như tất cả cá: giống người thượng-cổ. Thế mà sự-kiện áy tuyệt-nhiên là không có.

2.— Lại có kẻ cho rằng người Mường là gốc-tích người Việt và họ quả-quyết rằng chữ Mường bây giờ là chữ Việt hồi xưa.

Thuyết đó lại càng sai hẵn. Vì người Mường không phải là gốc-tích người Việt. Họ là người Môn hay Muông, trước kia ở trên «bán đảo» Xiêm, sau bị người Thái ở phía Nam nước Tàu tràn xuống chiếm đất, họ

mới vượt sông Mekong rồi qua Lào, và miền thượng-du Trung-Việt. Cho nên chữ Mường cũng na-ná như chữ Khmer, vì họ đã chịu ảnh hưởng văn-hóa Khmer, trước khi bị người Thái đuổi đi.

Chúng ta đã biết rằng Tò-Tiên của chúng ta đã chịu ảnh - hưởng của Tàu về mọi phương-diện, cho nên đến thế-kỷ I, trong đời TÂY-HÁN bên Tàu và đời nhà TRIỆU bên ta, khi những viên quan Tàu là TÍCH-QUANG, NHÂM-DIÊN, SĨ-NHIẾP qua dạy chữ Hán cho người Giao-chỉ, thì chữ Hán được thông dụng ngay trong dân-gian. Dân ta học chữ Hán, viết chữ Hán, mãi đến giữa thế-kỷ XIII, gần cuối đời nhà Trần, mới phát hiện ra chữ NÔM.

Chữ NÔM, (nói trại chữ NAM) cũng không phải là hoàn-toàn một lối chữ Việt. Nó là chữ Tàu ghép lại theo âm-thanh Việt để thành chữ Việt. Chữ Nôm không được thông dụng bởi vì muôn viết được nó thì trước hết phải học chữ Hán và viết chữ Hán.

Tuy vậy, chữ Nôm có một ưu-diểm quan-trọng; nó là lối chữ-diễn-đạt trực-tiếp tiếng nói của người mình, trong lúc chữ Hán phải phiên dịch ra nghĩa. Nhờ điều tiện lợi đó mà một số nho sĩ ta bắt đầu từ Nguyễn-Thuyên (Hàn-Thuyên) từ giữa Thế-kỷ XIII, đã dùng chữ Nôm để viết văn.

Từ Thế-kỷ XIII đến cuối thế-kỷ XIX, một số Văn-sĩ Thi-sĩ Việt-Nam viết văn thơ bằng chữ Nôm, nhưng số tác-phẩm văn Nôm rất ít so với tác-phẩm bằng chữ Hán, trừ ra một đôi người, như HỒ-XUÂN-HƯƠNG, TÚ-XƯƠNG, v.v... viết toàn văn Nôm.

Giữa thế-kỷ XVII; ở đời chúa Trịnh có xuất hiện ra một lối chữ mới hẳn, là chữ QUỐC-NGỮ. Lối chữ này do một vị Giáo-sĩ Pháp, tên là ALEXANDRE DE RHODES, đặt ra với vài ba vị Giáo-sĩ khác của Gia-tô-giáo. Thứ chữ « Quốc-Ngữ » mới này mượn mẫu-típ Latinh mà sửa đổi chút ít, phiên âm đúng theo tiếng nói của người Việt-Nam. Một quyền tự-diển đầu tiên, tựa đề là: « *Dictionarium Annamiticum Lusitanum — Latinum* » (Tự-diển Annam — Bồ-dao-nha — La-tinh) do Alexandre de Rhodes soạn ra và xuất bản tại La-Mã năm 1651, đã chính thức hóa lối chữ ấy. Nhưng chữ Quốc-Ngữ chỉ dùng trong các Hội-Thánh Gia-tô, chữ không được truyền bá ra ngoài dân gian, vì lý do chính trị và tôn-giáo.

Mãi đến cuối thế-kỷ XIX ở Nam-Việt và đầu thế-kỷ XX ở Trung-Bắc-Việt, chữ Quốc-Ngữ mới được chính quyền công nhận là văn tự chính thức của nước Việt-Nam.

Từ đó, Văn-chương bằng chữ Quốc-Ngữ mới ra đời và hành trường rất mau chóng toàn cõi Việt-Nam.

* Bạn Hoàng-Hà (H.H.) — Saigon

Bạn « muốn trả lời bằng thư riêng » nhưng trong thư bạn không cho địa chỉ. Vậy bạn cho biết địa chỉ rõ ràng, sẽ có thư riêng đến bạn — Thành miến,

N.V.

NHỮNG CUỘC TÌNH DUYÊN SAY MÊ

của Nhạc-sĩ **CHOPIN**

★ TRẦN THIÊN LÝ



Buổi hòa nhạc đã chấm dứt từ ba giờ trước, mà đám đông còn tụ họp bên lề đường trước cửa rạp Pleyel. Người ta đang nói đến nhà nhạc sĩ tài ba trẻ tuổi, mặc dù người đó đã theo Nam tước James de Rothschild lên xe đi về từ lâu. Đó là một thiên tài trẻ tuổi, mới hai mươi hai tuổi, da trắng nhợt, cặp mắt to và yếu đuối. Người ta kể những giai thoại kỳ lạ về con người đó: mẹ là người Ba-Lan cha là người Pháp vừa từ Varsovie đến và hành lý vốn vẹn một mảnh đất đem từ quê hương!

Tất cả điều đó đều có thật. Tên của nhà dương cầm trẻ tuổi là Frédéric François Chopin. Câu chuyện bắt đầu từ ngày 26



tháng 2 năm 1832. Đó là bước đầu của một tài ba hết sức lôi lạc và cũng hết sức thâm thương trong lịch sử âm nhạc.

Frédéric đãdir buổi hòa nhạc đầu tiên lúc 8 tuổi ở Varsovie để giúp cho một thi sĩ già người Ba-Lan. Trong dịp này cậu mặc một chiếc áo đen cổ trắng, một chiếc quần ngắn và mang một đôi giày bóng khoáng. Tóc cậu màu cỏ lau rơi xuống vai thành từng khóm. Cậu nhìn căn phòng một cách ló ngai. Khi cậu chơi xong bản nhạc đầu tiên, tất cả đều hoan hô. Cậu hàn hoan trờ về nhà và nhảy vào lòng người mẹ đau khổ vì không thể theo các người trong gia đình đến rạp hát.

Tất cả thành phố Varsovie biết đến cậu. Và phu nhân của phò vương Constantin thường nhở

đến tài của cậu để làm dịu những trận lôi đình của đức ông chồng. Mỗi khi trong lâu đài vang lên tiếng cãi nhau của đôi vợ chồng, thì một chiếc xe ngựa ra khỏi chuồng chạy vào thành phố rồi ngừng trước cửa nhà Chopin. Một viên trung úy mặc binh phục với vã mồi Chopin theo. Cậu bé kinh-lạ trước cảnh của gia đình nhưng cũng ngồi xuống cây dương cầm, và bắt đầu đàn. Và vì hoành huynh ngừng cãi nhau, quên hẳn câu chuyện, để ru hồn trong tiếng nhạc.

Theo năm tháng, tài của Chopin càng lộ rõ. Vài cuộc hòa nhạc ở thủ-dò làm cậu nổi danh hơn và xúi dục cậu đem cái may mắn của mình ra thử thách ở nước ngoài. Nước Pháp, quê cha lôi kéo cậu trước hết.

Và ngày 2 tháng 11 năm 1830, cha mẹ chàng trai trẻ Frédéric tràn nước mắt tiễn con ra tận xe. Xe ngang qua vùng ngoại ô của Varsovie, một ca khúc của thầy dạy nhạc cũ của chàng vang bên tai như một ca khúc từ : « Tài con, sinh ra trên mảnh đất của con, vang dội khắp nơi và khắp nơi...»

Paris thời bấy giờ đã có một số người Ba-lan đến rồi, họ đang kiểm cách nhập vào các trung-tâm văn-hóa và mỹ thuật. Ở đây, ông làm quen với Rossini, Cherubiri, Meyerbeer Franz Liszt và Mendelssohn. Hai người sau này trở thành bạn thân của ông và

chính họ đã mở cuộc hòa nhạc đầu tiên cho ông ở rạp Pleyel.

Thứ từ tối tấp gởi đến khen tặng ông. Trong căn nhà của ông ở số 5 đường Chaussée d'Antin, không lúc nào vắng bóng những người đàn bà đẹp. Cứ mỗi người vào thăm ông thì lại đem tặng ông một cành hoa hồng hay hoa lan. Một buổi tối, trong phòng khách, trong khi ông đang chờ đứa bằng cách bắt chước cách nói và di động của các bạn ông, thì bà bà-tước Potocka, một người đàn bà đẹp và kin-dáo nói với ông : « Bây giờ ông hãy thử tưởng-tượng cữ chỉ của tôi ». Đáng lẽ phải tim cách bắt chước, thì ông lại lấy khăn choàng của nàng, trải lên phim đàn và đặt ngay một khúc nhạc, như ngâm tö voi nàng cảm-tình của ông. Rung động bởi sự trang nhã của nhà nhạc-sĩ ít lâu sau, bà bà-tước không từ chối mối tình của ông nữa.

Nhưng Frédéric lấy làm đan khồ vì sự bấp-bênh và tội lỗi của mối tình.

Một hôm vì mối tình phù hoa và không ngày mai, trong một lúc ông tưởng đã tìm thấy người vợ lý tưởng. Trong một cuộc du lịch sang Dresden ông đã gặp Maria Wodzinoka một cô gái 19 tuổi. Da nàng nâu nâu, mắt to và đen, với nụ cười bí ẩn nhưng vô cùng quyến rũ. Ở Ba-le, ông chỉ gặp toàn những người đàn bà kiêu cách, hay trước cô gái ngày thơ ông căm thấy say mê. Nhưng ông

không dám thò lộ tinh yêu bằng lời nói, ông dùng âm nhạc. Những nhạc phẩm CONCERTO EN FA MINEUR, GRANDE POLONAISE POUR PIANO ET ORCHESTRE, BALLADE EN SOL MINEUR là những bản nhạc ông đặt ra để tặng Maria.

Ngày trở về đến, ông rời DRESDE lòng tràn hy vọng. Nhưng định mệnh đã đặt nàng Maria không bao giờ trở thành vợ ông. Cho nên, những thư từ của cô gái làm cho họ xa nhau dần, và cuối cùng mối tình gãy đổ. Chopin đem tất cả thư từ của người yêu bỏ vào một phong bì lớn và đe ở ngoài hai tiếng Ba lan « Moła bieda » nghĩa là « Nỗi khổ của tôi ».

Tĩnh giác mộng tinh, ông ta chỉ thấy khuây khoả nỗi buồn cạnh người bạn thân Franz Liszt — hiện đang sống với nữ bá trước Argoult ở khách sạn nước Pháp. Ở đây ông đã gặp George Sand. Lần đầu tiên ông gặp nàng trong một cuộc nói chuyện thì ngoài nàng ra còn có cả Maurice con trai của nàng và Solange con gái. Thân hình nàng bé nhỏ, da nhợt, mắt đen và tóc dài đến vai. George Sand châm từ điếu này sang điếu khác không cần gộp chuyện gì cả. Tối hôm đó khi trở về nhà ông nói với một người bạn thân « Thật khó thương ! Nàng có thật là một người đàn bà, tôi không tin ». Trái lại George Sand rất cảm động trước vẻ đẹp bệnh hoạn, nỗi buồn cao quý của nhà nhạc-

sĩ. Chàng mới 26 tuổi mà nàng đã 34 tuổi. Nhưng trước người đàn bà ngang tàng này, không lâu, Chopin bị thuyết phục. Nhờ sự an ủi của nàng mà Chopin khuây khỏa về việc Maria.

Mùa hè 1838, nhà nữ tiêu thuyết gia cùng hai người con và Frédéric sang Majorque. Hồi này Chopin rất yếu. George Sand trở thành y-tá của chàng, nàng thuê một căn nhà gần Palma, khá mát mẻ, có thể nghỉ ngơi được và có tên là « Ngôi nhà gió ».

Khốn khổ thay, khi hậu ở đây ấm quá, Chopin ho ra máu và phải dưỡng bệnh ở nơi khác. Họ thuê ba gian phòng của tu viện cũ Valdemosa. Nơi này chỉ cách Palma năm cây số, nhưng phải đi mất ba giờ mới đến, vì đường sá thật gồ ghề hai bên toàn là bụi rậm.

Trong sự yên tĩnh man-dã này, Chopin và George Sand có thể thương yêu nhau, làm việc và nghỉ ngơi. Ông bắt đầu soạn những bản PRELUDE và sáng tác nhạc phẩm MAZURKA EN MI MINEUR mang tên là MAZURKA DE PALERMA. George Sand thì say sưa viết tiểu thuyết cùng đạo chơi với hai con.

Mùa đông đến với những trận mưa như thác đổ, những gió lạnh và những trận mưa tuyết liên miên. Một buổi tối tháng 12, Chopin kinh sợ bởi những tiếng ồn ào huyên náo trong tu viện. Một thầy giảng hóa điên chạy

khắp tu-viện vừa la hét vừa gọi tên những tu-sĩ đã chết như gọi họ đi lê. Vào một đêm khác, những tiếng động kinh-dị đã đánh thức đôi tình nhân, theo George Sand thì đó là tiếng của hàng ngàn hạt đẻ rơi xuống sân. Lo sợ, hai người chạy ra nhà cầu và gặp một đám ma của bọn ma-quỷ, đầu ngựa đuôi chim quay quần xung quanh đồng lúa bốc khói. Thị ra đó là ngày hội của những dân làng kéo đến Val-demosia dự lễ.

Những việc tương-tự như vậy làm cho Chopin thèm bức mình vì chàng thấy mình như luôn luôn bị rình-mò, bởi một quyền lực xa-xăm. Trong tình trạng đó, chàng đã hoàn thành nhạc phẩm **BALLADE EN FA MAJEUR** và hai bản **POLONAISE** mà rạp Pleyel đã trả cho chàng 500 franc tiền.

Vào tháng giêng, sự khủng hoảng của bệnh ho ra máu trở nên kịch liệt, chàng phải nghỉ đến việc ra về. Họ đáp tàu đến Barcelone và trở về Ba-lê.

George Sand trú ngụ trong ngôi nhà riêng của nàng cùng với người yêu mà hơn bao giờ hết cần đến sự săn-sóc an ủi của nàng. Trong căn nhà cũ-kỹ ở chốn thôn quê, chàng đã hoàn thành những nhạc phẩm mà chàng đã khởi soạn ở Majorque : **SONATE EN SI BÉMOL MAJEUR**, **L'IMPROPTU EN FA DIÈSE MAJEUR** và hai bản **NOCTURNE**.

Rồi chàng trở lại Ba-lê, Chopin ở số 5 đường Tronchet, và George Sand ở số 16 đường Pigalle. Nhưng ít lâu sau hai người hiểu rằng khó mà sống xa nhau sau một năm quen chung sống với nhau. Frédéric đón đến ở với tình nhân.

Từ đó, trong căn nhà ở đường Pigalle, một đôi khi bao trùm một không khí khó thở, gày nên bởi những sự ghen túc những mưu mô. Maurice con trai của George Sand lấy làm khó chịu khi thấy có một người đàn ông sống dưới mái nhà của mẹ, cậu không bỏ một dịp nào khiêu khích chàng bằng những câu nói xúc phạm đến chàng.

Một buổi tối, ở bàn ăn hai người đã gây nhau vì một câu chuyện vô lý. George Sand cắt một con gà, đưa cho Maurice một miếng sườn và Frédéric một miếng đùi. Chàng cho đó là một cù-chí si-nhục nên nói lớn : « Tôi không muốn được cư xử như một tên tù hèn mọn ». Rồi họ cãi nhau, George Sand buộc phải chọn Frédéric hay con trai. Nàng về phe Maurice không do dự gì hết. Chopin cúi đầu xuống và nói rằng chàng sẽ đi ngay. Không ai nói một lời để giữ chàng lại.

Cuộc đố vỡ này là một phán quyết cho nhà nghệ-sĩ đau khổ. Kinh sợ cho cuộc sống cô độc của mình chàng nghĩ đến việc rời bỏ Ba-lê. Suốt trong đời chàng, chàng chỉ tham dự những cuộc hòa nhạc hàng năm, nên chàng

quyết định mở một cuộc viễn-
du qua các thành phố và lâu
đài của hai xứ Anh-cát-lợi và Ái-
nhĩ-lan. Cuối cùng theo lời
khuyên của một bác-sĩ Anh,
chàng trở lại Ba-lê. Trong một
năm sống ở lâu đài thuê ở số 12
trong công viên Vendôme chàng
chỉ đợi cái chết. Bên giường của
chàng, luôn luôn có bạn bè của
chàng, trai cũng như gái ai cũng

jo-lảng cho số phận của nhà
nghệ-sĩ

Đến khi sắp chết ông còn nói
với bạn bè : « Các anh sẽ cùng
nhau phung sự âm nhạc, các
anh hãy nhớ đến tôi và tôi sẽ
nghe được các anh.... » Thế rồi
ngày 17 tháng 10 năm 1849 lúc
hai giờ khuya ông từ-trần. Vài kẽ
thì thầm : « Người trong sạch
như một giọt nước mắt ».



* MƯU KẾ

Chàng và nàng đi chơi ở sở thú. Khi đến đứng bên chuồng gấu, nàng
kẹp lấy tay chàng, sát mình vào chàng. Nàng chữa thẹn :

— Xin lỗi anh, tại con gấu trông dữ quá, em sợ.

Chàng vui vẻ, bảo :

— Không có gì. Bây giờ, chúng ta hãy đến xem cọp.

* BẮT ĐỒNG Ý KHẼN

Hai nhà tỉ phú gặp nhau. Tỉ phú A :

— Trông anh có vẻ phiền điều gì ?

Tỉ phú B. — Tại vợ tôi đây, anh à. Chúng tôi bắt đồng ý
kiến nhau.

Tỉ phú A. — Chuyện ra sao vậy anh ?

Tỉ phú B. — Anh tính col, chúng tôi định đi du lịch ; tôi để
nghỉ đi vòng quanh thế giới, vợ tôi nó cứ nâng nãc đòi đi ở một
nơi khác.

* ĐÁNH CƯỚP

Hai anh bạn di chơi đêm về. Đến một khoảng đường tối và
vắng, một nhôm ba bốn người lạ mặt xông ra toan chụp giựt.
Hai anh phải hết sức đỡ gạt, đánh loạn xị mới thoát thân.
Chạy đến nơi có dãy nhà bên đường, hai anh dừng lại.

Anh A bảo : « Tôi phải giở đèn mấy miếng vô bi hiểm mới
thoát được. »

Anh B : « Tôi cũng vậy. Mà tôi lại còn giựt tuột cái cà-vạt
của một thằng dày ».

Anh A : « Đầu, anh đưa xem. Trời ơi, cái cà-vạt của tôi
dày mà ! »

T.L.L.

Ba Giai

* THIỀU-QUANG



Về triều
vua Tự-Đức,
tình - hình
nước ta rất
lộn xộn.
Ở Bắc-kỳ
thành Hà-nội
bị hạ hai lần. Lần đầu thành Hà-
nội do ông Nguyễn-tri-Phương
và phò mã Lâm cầm quân chống
giữ. Về sau bị tướng Francis
Garnier hạ, Nguyễn-tri-Phương
bị bắt rồi tuyệt thực mà chết.
Thế là thành Hà-nội mất, triều
đình ta phải ký hòa-ước giáp-tuất
(1874) rồi hai bên không thỏa
thuận về những điều khoảng bồi
thường trong hòa-ước đó nên
một chiến cuộc khác nỗi lên.

Tông-dốc Hà-nội bấy giờ là
ông Hoàng-Diệu thình lình thấy
chiến thuyền Pháp ra Bắc lấy

Với khúc

CHÍNH - KHÍ CA

làm nghi-ky làm nén lo phòng
và sửa sang thành-trì.
Đại-tá Henri-Rivière vào thành
thấy vậy tỏ ý không bằng lòng.
Sáng ngày 25.4.1882, đại-tá gửi
một bức giác thư cho tông-dốc
Hoàng-Diệu, đại ý bức giác thư
đó là phải giải giáp binh và các
quan văn võ trong thành phải
tề-tựu trước 8 giờ sáng ở Đồn-
Thủy. Nếu quá giờ đó, không
thấy ông Hoàng-Diệu và các quan
đến, Pháp quân sẽ tấn công
thành chứ không cần tin trả lời.

Một giờ sau, (khoảng 7 giờ
30 sáng) ông Hoàng-Diệu cử ông
Tôn-thất-Bá đến điều đình với
Rivière để gia hạn thêm một ngày
nữa. Không xong việc, Bá di
luôn không về Hà-nội để giữ
thành nữa.

Quân Pháp bắn vào thành, sau

một hồi cầm cự ; kho thuốc súng của ta bị cháy, khi đó quan quân ta trong thành đã nao núng. Các quan trấn thủ các cửa thành hốt hoảng bỏ chạy. Ông Hoàng-Diệu biết thế địch không nỗi nên lên voi vào Hành-cung vừa khóc vừa lạy tạ tội trước bàn thờ. Rồi ra Võ-Miếu thắt cổ tự vẫn.

Chiếm được thành rồi, Pháp trao trả thành lại cho quan quân ta. Những người đứng ra đề nhận thành là những ông Tôn-thất Bá và Hoàng-hữu Xứng. Việc nhận lãnh đó đã được vua Tự-Đức bằng lòng.

Những sự kiện đó khiến cho Nguyễn văn Giai làm tác phẩm «Chính-khí-ca».

II.— TIỀU SỬ TÁC GIẢ

Ông tên thật là Nguyễn văn-Giai hay tục gọi là Ba Giai, người làng Hồ khâu, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Hà-nội (nay thuộc huyện Hoàn Long tỉnh Hà-Đông) có tài về văn nôm, thường dùng tài thi họa của mình để chè rởm người dời. Tính tình phóng-khoáng, không chịu lòn cúi ai. Ông học rộng, không minh nhưng không có một bằng cấp nào vì ông không chịu đi thi. Ông là một nhà nho nhưng không phải là hạng quý nho nên nhiễm rất nhiều tính-

chất bình dân. Sự nghiệp văn-chương của ông chỉ có bài văn độc nhất : «Chính khí ca».

Tác phẩm này ông dựa theo một văn phầm của Văn Thiên-Tường đời Tống và viết theo thể thơ lục bát gồm có 140 câu.

Chủ đích của tác giả khi viết «Chính khí ca» là ca tụng sự tự-vấn của lồng đốc Hoàng Diệu và khiền trách các ông án-sát Tôn-thất Bá, tuần phủ Hoàng hữu Xứng để đốc Lê văn Trinh và bố chánh Phan văn Tuyền là những kẻ tham sống sợ chết, hèn nhát.

Bố cục trong «Chính khí ca» ta có thể chia ra 6 đoạn :

1) Từ câu 1 đến câu 6 —
Tác giả mở bài bằng 4 câu và đề trong bài Chính khí ca của Văn thiên Tường đời Nam Tống (1236-1282) soạn ra khi ông bị quân Nguyên bắt giam, đề tán dương cái chí khí chính đại của những bậc trung thần nghĩa sĩ. Tác giả mượn đề mục ấy để đặt tên cho tác phẩm của mình (1).

2) Từ câu 7 đến câu 20 —
Giới thiệu nhân vật chính : ông Hoàng Diệu và nói sự chuẩn bị để phòng thành.

3) Từ câu 21 — 42 : Tả quang

(1) Tài liệu : Văn học sử — Dương Quang Hàm.

3) Từ câu 21-42 : Tả quang cảnh quân Pháp tấn công Hà-thành.

4) Từ câu 43 — 54 : Ông Hoàng-Diệu thắt cổ tự vẫn.

5) Từ câu 55 — 122 : Tác-giả lấy việc xưa để làm gương cho việc nay. Tác-giả lèn án chung và dùng lời châm biếm để hạch tội các vị quan hèn nhát.

Trong đoạn này ta có thể chia làm 5 tiêu đoạn :

a) Tiêu đoạn 1 — (Từ câu 55 — 68). Tác-giả thuật lại những việc đã qua và lèn án chung bọn quan lại.

b) Tiêu đoạn 2 — (từ câu 69 — 84) Tác-giả luận tội ông đế Lê-văn-Trinh.

c) Tiêu đoạn 3 — (từ câu 85 — 100). Tác-giả luận tội ông tuấn Hoàng-hữu-Xứng.

d) Tiêu đoạn 4 — (từ câu 101 — 116). Tác-giả luận tội ông án Tôn-thất-Bá.

e) Tiêu đoạn 5 — (từ câu 117 — 122). Tác-giả luận tội ông bố-chánh Phan-văn-Suyễn.

6) Đoạn cuối : (từ câu 122 — 140). Tác-giả kết luận và chúc mừng nhà Vua và khuyên thiên hạ nên ăn ở cho phai đạo tôi dân.

VIII.— QUAN ĐIỀM, LẬP TRƯỞNG VÀ THÁI ĐỘ CỦA NGUYỄN.VĂN.GIAI QUA TÁC PHẨM «CHÍNH KHÍ.CA».

Lời văn trong Chính-khí-Ca rất bình-dân giản-dị có tính cách sử-liệu, luân-lý và đại chúng Việt-Nam.

1.— Quan điêm.

Nguyễn-văn-Giai thám nhuần nhiều về triết-lý nho-giáo của Khổng-Mạnh nên ông có một quan-diêm rất phong-kiến, tư-tưởng và cốt cách của ông có ảnh-hưởng nhiều về «Chính-khí». Nếu một con người khi gặp đại-sự, gặp lúc rối ren thì phải sáng suốt, bình tĩnh, có những hành-động tự-nhiên và lớn-lao như tinh-hoa chính-khí của trời đất; cho nên mới mở bài ông đã viết :

*Một vầng chính khí lưu hành
Khoảng trong trời đất nhặt.
tinh, son, hè.*

Đó cũng là những hiện tượng của thiên nhiên bao la và ở tấm lòng người ta cũng phải có khí phách cao rộng nên :

*Hạo nhiên ô tại người ta
Tất vuông son sắt, hiện ra khít
cùng*

Vấp phải nguy nan chừng nào
thì con người “quân tử” phải biết
ứng biến để cho trọng đạo trung
chính.

Ông Hoàng Diệu ở trong
trường hợp đó nên đề chung
minh, ông Giai viết :

*Lâm nguy lý hiềm đã từng.
Vâng ra trọng trấn mới chừng
ba năm*

Ngoài ra ông còn tố cáo
những phường vong ân bội nghĩa:
Sao không biết xấu với đời?
Sao không biết thiện với người
tử trung?

Và ông cũng không quên nhắc
lại cho chúng ta cái giáo điều «tận
trung tử tiết» để báo đền ân vua,
nếu không được như thế thì chẳng
xứng đáng gì để sống trong nhân
gian.

Nhưng, ở thế hệ ta hiện giờ,
thời đại nguyên tử này sự nhận
định và quan điểm trên không còn
đứng vững nữa và chúng ta sẽ
không ngạc nhiên vì ông và hầu
hết các nho sĩ thời xưa đều là
môn đệ trung-thành của phái «ly
giới». (Duy chỉ có khi tình trạng
trong nước bị lộn xộn, lòng người
chán nản, muốn nhận lấy cái
sướng cho bản thân mình. Những
nhân sĩ, thân hào nào có một tấm
lòng nhiệt thành ái quốc thì phải

xử thế như vậy nghĩa là khuyên
dân nên lấy sự trung với vua làm
một cử chỉ yêu nước cụ thể ;
nhưng đó chỉ thiêu số).

2.— Lập trường:

Trong suốt bài ca, ta thấy
Nguyễn văn Giai có một lập
trường vững chãi thiên hẳn về
quần chúng mà khen chê phê
phán các quan viên hèn nhát.
Nhà thi sĩ bình dân ấy
đưa ra một nhân vật kiều mẫu :
ông Hoàng-Diệu để so sánh với
lũ quan lại tránh nhiệm vụ mình.

Đặc biệt hơn ông đã thay mặt
toute dân mà đề vài câu «phúng»
cụ tòng-dốc khi cụ tòng-dốc qua
đời :

*«Thương thay gấp buồm truant
nguy.
«Lòng riêng ai chẳng thương,
vì người trung.*

Và ông còn lên tiếng quả phạt
đề-dốc Trinh :

*«Cũng loài úy tử cũng phường
tham sinh.*
và :

«Phép công nên bắt gia-hình !
hay mỉa-mai ông tuần Hoàng-
hữu-Xứng :
*«Hay còn tiếc cái xuân xanh
«Tìm nơi, kíếm chốn gieo mìn
trú chán ?*
rồi lớn tiếng :
«Sao không biết xấu với đời ?

« Sao không biết hẹn với người
tử trung ? »

hoặc cảnh cáo ông án Tôn-thất-Bá đã giao-thiệp riêng rẽ với Pháp để sau lánh lại thàuh ; đây là lời của ông Giai :

« *Tu giao rắp những mưu giàn.*
« *Thùa cơ xin dự hội-thương ra*
ngoài. »

Và đến ngay cả Bố-chánh Phan-văn-Tuyền cũng bị ông cười cho :

« *Sống thừa chí đè kẻ cười*
người chê. »

Vì ông luôn luôn lên tiếng thay cho dân cho nên ông đã lập ra một tòa án mà ông là quan tòa để luận tội tất cả những viên quan từ chức lớn xuống chức nhỏ đe được công bằng.

3.— Thái-độ.

Xét qua bài Chính-khí-Ca ta nhận thấy thái-độ Ba-Giai đã biếu-lộ rõ tính cách phầu-uất, đấu tranh qua câu thơ :

« *Hầm hầm xin quyết một lòng*
tận trung. »

Sở dĩ thái-độ của ông được biếu lộ rõ vì nước ta hồi bấy giờ

có một hoàn cảnh xã-hội đặc-biệt.

Việc Pháp quân đánh chiếm kinh đô đã làm cho nhân dân ta hết sức công phẫn mà ông đã ở trong hoàn cảnh đó. Và có khi ông Giai còn kéo chúng ta đi xa hơn tới có tính bài ngoại nữa.

Như vậy, ta cũng thừa hiểu rằng ông Nguyễn văn Giai có một thái độ hăng hái, tích cực.

IV.— KẾT LUẬN.

Qua những giòng nhận xét trên đây, chúng ta có thể tạm nói : ông Nguyễn văn Giai yêu nước và tranh đấu tích cực.

Nhà thơ bình dân trào phúng ấy thật trung thành với quan-niệm chính khí và như thế ông có một khuynh hướng quốc gia rõ rệt.

Bọc Chính Khí Ca, chúng ta mới biết được trạng thái tinh thần đam nho sĩ của một thời đặc biệt của nước nhà và cũng nhờ đó, thanh niên chúng ta thời nay lượm lặt được những kinh nghiệm quý giá và thiết thực cho đời sống hiện tại một khi ta biết soi sáng mọi vấn đề bằng những nhận định rõ ràng tinh vi khỏi sai-lầm.

Cát

* TÙ-TRẦM-LỆ


EN thật ông ấy là gì không cần lầm. Tôi gọi ông ta là ông Hào-Hiệp. Ông Hào-Hiệp tuổi lối bốn mươi ngoài, tóc người cao lớn mà mảnh khảnh, gương mặt xanh xao.

Vào lúc ấy, tôi được 14 tuổi.

Ông Hào-Hiệp ở một cái nhà nhỏ, sơn trắng, sát bên những cồn cát. Mẹ tôi và tôi ở cách đấy vài ngàn thước, trên một cánh đồng chỉ chít cỏ khô.

Ông Hào-Hiệp thường tôi lầm vì tôi và ông cùng một ý thích : những cồn cát bên nhà ông. Thường khi, tôi cưỡi ngựa đến với ông. Ông và tôi đi với nhau đến một trái đồi lớn nằm cách nhà ông đôi chút. Chúng tôi ngồi lại đây chuyện vãn với nhau, hay cũng chẳng nói gì cả. Ngọn

dồi trông rất xinh đẹp, lộng lẫy trong làn cát, mịn màng ánh chiều như vàng, với những khóm cỏ thưa trơ nêu cao và đượm một sắc xanh thăm vè hè. Đứng trên đỉnh đồi, tầm mắt bao quát khắp mấy ngàn thước chung quanh. Hầu khắp mọi ngày, tôi vẫn nhìn thấy, về phương Bắc, đợt khói của một chuyến xe lửa chạy ngang qua cách ngọn đồi lối mươi ngàn thước, và lúc gần xế, những khói vàng không quang đãng ở ngoài kia một trăm cây số về hướng đông, hình dáng một đỉnh núi phớt một màu xám nhạt nón hiện lên chân trời.

Một buổi kia, như thường lệ, chúng tôi đến ngồi nơi đó chuyện trò với nhau. Ông Hào-Hiệp bốc lên một nắm cát, dè cho cát chảy trôi qua mày kẽ tay. Ông nói nhẹ nhàng :

— Cát của thời gian chồng

chất lên nhau đến nỗi đưa được ta tận trời, mặc dù nó trôi chảy dưới chân như chính thời gian. Và người ta chỉ có thè vốc được một năm mỗi lần.

Ông cười nhẹ nhàng và tiếp :

— Hai năm, cũng lâu, phải không cậu ?

Tôi đáp :

— Phải, cũng lâu. Chừng ấy, tôi được 16 tuổi.

Ông nhìn ra xa, nói :

— Và cậu sẽ còn nhiều năm khác nữa đến với cậu. Cậu sẽ dùng những năm ấy làm gì ?

Tôi đáp rằng tôi không biết gì về những chuyện ấy cả.

Ông bảo :

— Khi người ta còn trẻ, người ta có rất nhiều sự tinh. Nhưng cậu hãy nhớ điều này, cậu có thè thực-hiện tất cả những gì. Không có cái rào nào mà không vượt qua được. Luôn luôn vẫn có một cách để vượt qua nó... hay là đi vòng nó.

Ông thở dài và đè bàn tay lên ngực đè nén một cơn ho. Chúng tôi đứng lên, chậm rãi về nhà.

Cái nhà nhỏ xinh xinh ấy, chính tay ông cắt và bàn ghế trong nhà cũng do ông làm ra hết. Tôi

có hỏi phải chăng ông làm thợ mộc, thì ông đáp :

— Không phải. Nhưng tôi đã phải nằm dài suốt một năm trời trong một căn phòng nhỏ sơn trắng ở viện điều - dưỡng, và chính trong khi nằm « dính » trên giường ở đó, tôi đã phát-họa cái nhà này với những đồ bày biện bên trong. Sau đó, tôi đến đây và cất nó.

Tôi không hiểu rầm ở viện điều dưỡng có nghĩa là gì. Sau tôi hỏi mẹ tôi, mẹ tôi cắt nghĩa cho biết rằng ông Hào - Hiệp bị lao phổi.

Một ngày kia, tôi hỏi sao ông không nuôi gia súc vì ông rất rảnh rang. Ông lắc đầu :

— Đối với tôi giờ đây, nếu có được cái gì mà sự ấy đòi hỏi tôi phải chăm nom đến, thì đó quả là một sự tính sai. Con ngựa của tôi đây, còn có thè được, vì nó cần thiết cho tôi. Điều tôi muốn hơn hết là cái nhà nhỏ bé này. Cách đây một năm trước, mấy bác-sĩ đều bảo tôi chỉ còn hai năm nữa là nhiều. Sống như tôi sống thế này, số tiền tôi dành dụm có được cho tôi qua được hai năm ấy. Nếu không, chỉ sáu tháng là túi tôi rỗn tuếch.

Ông đăm đăm nhìn ra ngọn đồi

phơi mình trong nắng mới, cát vàng óng ánh, đôi mắt ông sáng dịu dàng lên và ông tiếp, như gởi lời cho những thè vụn ngoài kia :

— Còn nữa năm nữa... Tôi đã sống qua mười tám tháng êm thú tuyệt vời.

Bắt đầu vào đông, thời tiết cũng thấy dịu dàng. Nhưng vào một ngày tháng mười một, vào lúc lén đèn, một trận gió to, mạnh liệt như bão, nỗi dậy và kéo dài suốt cả đêm. Vừa tinh sương, chợt có tiếng gó cửa nhà tôi có vẻ cấp bách. Đó là ông Ba, nhà ở cách chúng tôi dãy cây số. Ông bảo rằng thằng con nhỏ của ông bị bệnh nặng. Nó bị lạnh và thấy đau ở ngực. Cơm sốt phát cao lên trong đêm và hiện nó thở rất khó nhọc. Ông có vẻ bối rối, ngập ngừng nói :

— Tôi đến đây để nhờ xem có ai có thể đi gọi điện thoại mời một lương y giùm tôi. Tôi vẫn biết giông bão thế này, sự yêu cầu này là quá, nhưng qua tôi không biết làm sao khác được.

Vào mùa Xuân trước, gia đình ông Ba đến ở đây và từ ấy đến giờ ông không được may mắn lắm. Ông cũng không có ngựa. Hồi mori đến, ông có hai con. Chúng bị đau và chết cả hai sau trước

vài hôm vào cuối hè. Người ta bảo rằng cả gia đình sống đáp dồi nhờ vào mấy khoảnh đậu trong vườn.

Mẹ tôi hỏi tôi có thể đi đến tận giây nói ở kho Quang Minh cách lối 15 ngàn thước và cách nhà ông Hào-Hiệp khoảng 10 ngàn thước. Tôi chịu đi. Tôi cúi đầu xuống ngực chồng lại sức gió rất mạnh đè đến nhà đè xe và bắt kẽ ngựa vào xe. Mẹ tôi lấy theo tất cả thuốc có được trong nhà và lên xe đi với ông Ba. Phần tôi, tôi thằng con Bạch Kim và lên đường đi gọi giây nói.

Cơm giông càng phút càng tăng, bốc bụi cát bay mù. Khoảng hai tiếng đồng hồ sau, con Bạch-Kim mới đến trước nhà ông Hào-Hiệp. Tôi tự hỏi có nên thăng luân đến kho Quang-Minh chăng. Nhưng cảm thấy có hơi lửa ấm áp trong nhà, tôi xuống buộc ngựa lại và đến xô cửa bước vào.

Ông Hào-Hiệp đang nằm trên giường. Ông lộ vẻ kinh ngạc, hỏi liền :

— Kìa, trời giông to gió lớn thế này, mà cậu đi đâu vậy?

Tôi vừa gom nhóm ngọn lửa bên giường vừa thuật lại câu chuyện. Mới nghe có đoạn đầu, ông liền chồi dậy đi lại cái móc

quần áo. Trong lúc mặc đồ, Ông phát ho một tràng dữ dội và phải ngồi xuống trong giây lát. Kế ông lại mở cửa một tủ nhỏ, lấy ra những chai lọ, cho tất cả vào một cái bao nhỏ, đoạn lấy cái áo lạnh khoác lên mình. Tôi liền phản đối :

— Nhưng tôi đi gọi y-sĩ đây mà.

Ông vừa cài khuy áo, vừa bảo:

— Phải mấy tiếng đồng hồ nữa, viên y sĩ mới có mặt ở đó. Thằng bé ấy bị sưng phổi đầy. Những gì có ăn thua đến phổi, tôi biết rõ lắm. Có thể rằng tôi đến kịp cứu nó.

Tôi lưu ý ông rằng trời đầy giông gió có thể hại đến sức khỏe của ông. Ông vừa đi ra cửa day qua, cười bảo :

— Tôi sẽ đến nơi ấy. Không có cái rào nào mà không vượt qua được.

Ba phút sau, chúng tôi cho ngựa đi, ông ta đi về ngã đường tôi vừa đến, tôi thì hướng về kho Quang-Minh.

Vién y sĩ đáp sẽ lên đường ngay đến tôi. Giòng gió đã thay đổi dần. Khi tôi kè cho ông nghe những gì tôi được nghe biết về tình trạng của con ông Ba, viên y sĩ lắc đầu :

— Không còn mong mỏi gì cho lâm. Nhưng ta cứ đến xem, có lẽ chỉ đe thấy là nó đã chết rồi.

Xế trưa, tôi và y sĩ về đến nhà ông Ba. Đầu nhỏ con ông không chết, cơn sốt đã hạ và nó đang ngủ, hơi thở đều hòa. Ông thầy hỏi chuyện, cầm tay đứa nhỏ nghe mạch và quay sang bảo ông Ba :

— Con ông còn sống đầy là nhù nơi ông Hào-Hiệp. Ông ấy đã đến kịp lúc.

Sau đó ông thầy kéo ông Hào-Hiệp qua một bên ở góc nhà. Hai người nói nhỏ với nhau. Sau cùng tôi nghe ông Hào-Hiệp bảo :

— Ô, một hay hai năm nữa có vào đâu đó. Bên một cuộc đời trẻ trung còn dài lắm kia. Một cuộc sống già hư có nghĩa gì hờ bác sĩ.

Ông phát ho lên một tràng dài.

Khi về đến nhà tôi, mẹ tôi bảo ông Hào Hiệp hãy ở lại nghỉ đêm. Ông lắc đầu cười đáp :

— Cám ơn bà lâm. Nhưng tôi về đây thôi. Tôi thấy rằng tôi chỉ vừa đủ thì giờ đe về.

Ông thầy và ông ta chào mẹ con tôi, đoạn lên ngựa đi trong

anh chiều đồ xuống. Mẹ tôi nhìn theo, chép miệng bảo :

— Ông ấy bình nặng lắm !

Ông Hào Hiệp chết sau một tiếng đồng hồ khi về đến nhà.

Người ta chôn ông ở dưới cồn cát như ý ông muốn. Một tảng

đá to được đặt đáy ghi dấu nơi năm mồ ông. Nhưng cát không phải ở một chỗ, mà xoay chuyền, thay chỗ lăm khí.

Mùa thu năm rồi, tôi đến đáy. Tôi tìm không thấy mồ ông đâu cả. Tảng đá cũng không còn. Cát thời gian đã phủ nó mất rồi.



* CÂY

Một anh chàng đến tòa soạn một tờ báo, trao bản thảo hai bài thơ để đăng. Ông chủ bút xem qua, bảo :

— Hai bài thơ này đều của ông làm ?

— Vâng, đều của tôi.

Ông chủ bút đứng lên, đưa tay ra, cười hóm-hỉnh :

— Rất hân hạnh được bắt tay hai ông : Tân-Đà và Chế-Lan-Viên.

* THƠ THẦN

Thi sĩ nhìn theo làn khói thuốc, thở dài, làm bầm :

— Ta sẽ phải chết.

Vợ thi sĩ đì ngang, nghe thế, lo lắng hỏi :

— Có chuyện gì, thế mình ?

Thi sĩ vẫn mơ màng, làm bầm :

— Mình cũng phải chết.

Trời ơi, có gì quan trọng đến vậy, sao mình giàu em ?

Thi sĩ vẫn đăm đăm theo làn khói thuốc, làm bầm :

— Mà tất cả thiên hạ, ai ai cũng phải chết.

Vợ thi sĩ ??

* TÁNH CÀ GHEN

Quan tòa.— Vợ anh tên gì, mấy tuổi, hiện ở đâu, ở một mình hay với ai ?

Bị cáo.— (nỗi ghen) Nay, ông đừng có lôi thôi, tôi bắt được, đưa cả ông ra tòa, chờ chẳng chơi da !

T.L.L.

HỘI KÝ

MỘT ĐỜI NGƯỜI

* THIẾU.SƠN

PHẦN THỨ HAI

I

THÁP NGÀ BẮT ĐẦU RUNG CHUYỀN

(Tiếp theo P. T. số 20)

THƯ C không đẹp bằng
mộng, đời không phải là
thơ, nhưng sống trong Tháp Ngà
cũng tạm gọi là yên ồn. Thành
lành có những tin tức từ phương

Trời Tây đưa lại làm tôi phải
giết mình kinh động về những
viễn ảnh cho những cuộc nô sát
rền trời.

Những trận giặc ngoại giao chỉ
làm chậm lại chứ không dập tắt
được ngọn lửa chiến tranh.

Tôi nhớ lại cuộc chiến tranh
thế giới lần thứ nhất mà Pháp
đã chặn đứng được sức tiến triển
của quân Đức để chiến thắng một
cách vinh quang sau 4 năm khói

lửa. Những tên tuổi của các
bậc danh tướng Pháp như Joffre,
Foch, Pétain, Weygand ... lại
xâm chiếm lòng tôi sau những văn
hào và thi sĩ.

Tôi đã say mê văn hóa Pháp
cho đến nhiều khi không chịu nhìn
rõ bộ mặt khỉ ố của thực dân.

Tôi vẫn kính trọng những nhà
ái quốc Việt Nam nhưng không
thích nghe họ lên án thực dân
một cách quá nghiêm khắc. Tôi
cho rằng làm thế ta sẽ xúc phạm
tới quê hương của những danh
nhân Pháp đã dạy tôi những bài
học về tự-do, nhân đạo, dân chủ
và dân quyền.

Bởi thế nên tôi không tham gia những phong trào tranh đấu chánh trị như «Mặt trận bình dân», «Đông dương đại hội», v.v...

Nhưng trước cuộc thế giới chiến tranh lần thứ hai tôi thấy băn khoăn lo ngại về những biến cố trọng đại có thể xảy đến cho đất nước thân yêu.

Tôi ít lo về chủ nghĩa quốc xã của Hitler mà lo nhiều về cái họa Nhụt bồn dối với các nước Đông Nam-Á.

Tôi đem những lo ngại đó viết thành một bài xã thuyết đăng trong báo «Mai» của ông Đào trình Nhất. Bài đó nhan đề: «Đông dương với Pháp và Đông dương với Nhụt».

Đó là bài báo thứ nhứt mà tôi viết về chính trị theo cái quan điểm hẹp hòi của tôi.

Nhưng, mặc dầu tôi cho Pháp ít nguy hiểm hơn Nhụt, tôi vẫn không cảm được những nhượng bộ liên tiếp của Pháp đối với những yêu sách của Nhụt về Đông dương.

Tôi cũng không cảm được những cuộc khủng bố ngầm ngầm và công khai của Pháp đối với những đồng bào cùng máu mủ.

Tôi không quên được những cảnh tàn sát đẫm máu ở Hốc-môn,

Bà Điem, những cuộc oanh tạc mù quáng ở Chợ Giữa, Vĩnh Kim.

Tôi cũng không quên được câu chuyện sau này do anh em Tòa Bố Gia-dịnh thuật lại:

Hôm đó, ba tên : Phó Tham biện Josa, Trưởng tiền Lataste và Cò Béaille cùng dẫn lính đi bố ở miền Hốc mòn, Bà Điem. Josa trở về tập họp các nhân viên người Việt tới văn phòng mình rồi chỉ một gói đồ lòm và chiếc súng sáu đòn trên bàn mà nói : «Gói này là «gói những vành tai của bọn «đánh xe thô mộ ở miền Hốc mòn, Bà Điem. Chúng nó là «những tên phiến loạn hay những «liên lạc của bọn này. Tôi đã hạ «sát chúng nó và cắt tai đem về cho «các anh coi. Các anh phải cố «thái độ dứt khoát : Hoặc theo «chúng tôi, hoặc chống lại chúng «tôi, chứ không được lung chừng. «Theo chúng tôi thì tốt. Chống «lại chúng tôi thì cây súng sáu «này sẽ nói chuyện với các anh.»

Quí ông, quí thầy đều bật ngửa, mà kẻ được nghe chuyện đó cũng chưa xát trong lòng.

Không còn chối cãi gì nữa. Bàn tay thực dân đã đẫm máu đồng bào mà phần nhiều là đồng bào vô tội. Vả lại, cho rằng họ có tội đin nua thì cũng không thể xử tội

họ một cách đơn giản như thế
được.

Lòng tôi tràn ngập một sự công
phàn, thấy nước Pháp tinh thần
huyền ảo, xa xăm và bất lực còn
nước Pháp thực tế hung hăng,
tàn bạo đã mất hết tín nhiệm
của tôi.

Rồi nước Pháp thất trận và
chính những danh tướng Pétain,
Weygand đứng ra ký giấy đầu
hàng. Nước Pháp đã hết hung-
cường và cũng không còn danh-
dự.

Rồi người Pháp đua nhau ra
cộng tác với kẻ thù và Thống chế
Pétain xưng minh phong trào
«Cách mạng quốc gia» để cao
«Gia đình», «Cần lao» và «Tổ-
quốc».

Phải chi làm cách mạng quốc gia
để chống đối với kẻ thù thì
còn danh chánh và ngôn thuận.

Nhưng làm cách mạng quốc gia
để hợp tác với kẻ thù thì cách
mạng cái nỗi gì?

Ca tụng già đình hay xúi
người ta chui rúc vào già đình để
trốn tránh, ôm ấp lấy già đình để
xin thề thực phẩm, chịu sự kiểm
tra và nhận sự che chở của giặc?

Ca tụng cần lao hay bảo người
ta cứ đúc súng, đúc đạn và ngoan
ngó ăn hợp tác với quân thù?

Ca tụng tờ quốc hay bảo người
ta cứ thần phục kẻ xâm lăng cho
đất nước được yên ổn trong nô
lệ?

Tôi không ngờ nước Pháp sa
đổ đến thế? Nhưng cũng may
mà còn có những tinh thần bất
khuất, những người Pháp kháng
chiến để cứu vãn phần nào danh
dự của giống nòi và dân tộc.



Nhưng tôi là người Việt Nam,
tôi phải nghĩ đến nước tôi trước
đã.

Tôi đã nói chuyện với những
người thân Nhụy. Tôi đã nói
chuyện với những người chống
Nhụy. Không người nào làm thỏa
mản lòng tôi. Tôi chỉ sợ một sự
«địch chủ, tái nô» và ao ước cho
nước tôi khỏi phải làm chiến đaja
cho những xung đột của ngoại
bang. Nhưng việc phải đến đã
đến. Căn cứ Nhụy mọc lên như
nấm và kêu gọi máy bay Đồng
Minh tới oanh tạc làm cho máu
chảy, thịt rơi, nhuộm đỏ cả Sài
gòn mà hầu hết đều là máu thịt
của người Việt Nam.

Gia đình tôi may mắn được an
toàn nhưng đời sống trong tháp
ngà đã bắt đầu mất yên ổn.

(Còn nữa)

Chuyện cũ người xưa



Không-Minh

* NG.. QUANG.LỤC

1) CHÍ - KHÌ KHÔNG-MINH

Chư Cát Lượng tên tự là Không-Minh, người làng Dương - Đô, quận Lang-Gia là giòng dõi Chư Cát Phong xưa làm quan tư lệ hiệu úy đời Hán. Thân sinh Lượng tên là Khuê, tự là Quận Cống (1) đời Hán mất làm Quận thừa ở Thái Sơn.

Lượng sớm mồ côi cha, chú là Huyền, quyền chức Thái thú Dự Chương thay Viên Thuật. Huyền cho cả Lượng và em là Quận đều làm quan.

(1) TQCDN : *kỷ phạ danh khuê, tự Tử-Cống* cha tên là Khuê tên chữ là Tử-Cống.

Thời ấy Hán triều tuyền
Châu Hạo thay Huyền, Huyền
đòi với Chức mục Kinh Châu là
Lưu Biểu là chỗ quen cũ liền
đến nương nhờ tại đây.

(Sách Hiến đế Xuân Thu
chép : Thái thú Dụ Chương là
Chu Thuật bị bệnh mất, Lưu
Biểu tiến cử Chu Cát Huyền
làm Dụ Chương thái thú, cái
nơi đất Nam Xương. Nhưng
Hán triều lại cho Cầu Hạo
đến thay Huyền, Huyền lui về
đóng đồn ở Tây thành Hạo
vào Nam Xương

Tháng giêng năm thứ hai
đời Kiến An, dân ở Tây thành
làm phản giết Huyền gửi đầu
về cho Lưu-Dao. Số đây với bản
truyện không giống nhau)

(Xem vậy thì Lượng đã xuất
chinh một lần vậy mà không thấy
nỗi giúp chú là Huyền một mưu
cơ gì, dè đến nỗi Huyền thất
nhân tâm bị giết. Thời ấy ai có
tài có trí, dù giữ một giang san
nhứt khoảnh làm bàn đạp dè tranh
thiên hạ. Huyền đã giữ được chức
thái thú một châu quận. Lượng
tài ba như thế mà Huyền phải
chịu thất bại bằng cả một sinh
mạng. Phải chăng Lượng ở với
Huyền cũng như Bách Lý Hề thờ
Ngu? Hay bấy giờ Lượng còn

trẻ quá chưa được thành tựu tài
năng)

Huyền chết, Lượng tự mình
di cày ở Lũng mẫu, thích ngâm
bài thơ Lương phụ.

(Sách Hán, Tần Xuân thu
chép : Lượng nhà ở Nam
dương huyện Đặng cách phía
Tây thành Tương Dương hat
mười dặm nơi ấy gọi là Long
Trung)

Lượng, thân dài tám thước,
tự ví mình với Quản Trọng, Nhạc
Nghi, trong thời ấy không giao
du với ai.

Duy chỉ có Thời Châu Bình
người Bác Lăng và Tử Thú
Nguyên Trực người Dĩnh Xuyên
là chỗ thiện tình tín nhiệm.

(Sách Nguyên lược chép :
Lượng ở kinh châu, đầu năm
Kiến an, cùng người Dĩnh
Xuyên là Hạch quảng Nguyên
và Tử Nguyên Trực, người
Nhữ nam là Mạnh Công Uy
cùng đi du học. Bọn ba người
này học chăm chú làm sao cho
thuộc tinh thực nghĩa sách.
Riêng Lượng chỉ xem một cách
đạt lược, thường sớm ôm gối
thở dài, rồi trả ba người nói :
— Các anh về sau tiến thân
có thể làm tôi chúa thú sứ quận
thú.

Ba người hót lại Lượng suy
tài mìnhd có thể làm tối chúc gì.
Lượng chỉ cười không nói.

Sau Công Uy nhớ nơi cố lý,
muốn về Bắc, Lượng bảo bạn :

— Ở Trung quốc, nhiều
người được làm sỉ đại phu.
Kẻ trí giả, ngao du lùm công
danh hả lết phải về cố hương ?

Thần, Tùng Chi nghĩ rằng,
sách Ngụy lược nói điều ấy,
bảo rằng Chư Cát Lượng với
Công Uy mà bày cho kế xuất
thân tiến đại, thế là phải lâm.
Nếu bảo rằng câu nói ấy gói
ghém cả mình vào nứa thì
không đáng gọi là đại tâm.

Lão thi nói : « Biết người là
trí, biết mình là minh. (Tri
nhân giả trí, tự trí giả minh)

Phàm bọn phong lưu hiền già
đại được tốt công danh đều
thấu suốt được hai điều ấy. Xem
tài trí thức của Chư Cát Lượng
há không thâm quyết được số
phận mình sao ? Đã nằm cao
ngầm thơ Lương phụ đợi thời,
tinh tình phát lộ ra ngôn ngữ,
giữ lâu dài bền bỉ được chí khí,
bắt đầu đã định hướng cho số
phận mình. Ví chẳng đặt bước
ngao du ở Trung hoa, rong
ruổi long quang, há rằng ở đây

nhiều kẻ sỉ đã bị tramm một tài
khi ?

Ủy thác tài ba linh-chất cho
Nhà Ngụy để phát triển khí
năng, đến tài không được như
Trần Trường Văn, Tư mã
Trọng Đại còn có thể bay lượn
tung hoành, huống hồ kẻ dư tài
hơn bợn ấy.

Vậy mà không lo rằng công
nghiệp không thành tựu được,
đạo nghĩa không thi hành được,
tuy chí khí có thể khôi phục vú
trụ mà rút lui không thèm hướng
về phương Bắc, thế là chịu
quyền biến trong một lúc, ngự
trị lấy mình để lưu tâm thân
hữu ích cho nhà Hán sau này.
Hán tö đã ngã nghiêng thì ra
tay phù dực, ca tụng những
đảng quân vương anh kiệt nhà
Hán khi xưa, cố hưng khởi cát
ngôi thừa nhà Hán đã đi vào
luyệt vận lẩy điều khắc phục
mình làm nhiệm vụ của mình.

Há cứ khur khur chỉ nói thấy
cát lợi nơi biên át thôi sao ? Tư
mã Tương Như đã nói : « Con
chim côn chim bằng thì bay
lượn ở khoảng trời xa rộng
mehr móng, những con chim nhỏ
chỉ bay là là nhìn thấy nơi
đầm trạch. »

Theo kể của Lượng, sau Công

Uy cũng được hiện đại ở Ngụy)

2) KHÔNG MINH GẶP

Thời ấy Tiên chủ (Lưu Bị) đóng đồn ở Tân dã, Từ Thứ đến yết kiến Tiên chủ. Tiên chủ trọng dụng.

Tứ Thứ nói với tiên chủ :

-- Chư Cát Không Minh là con rồng nằm đợi thời đây. Tướng quân có muôn yết kiến không ?

(Nguyên sách sử : « Chư Cát Không Minh ngoại long dã tiếng « Ngoại Long » đây là một danh từ chung, người đương thời chỉ Không Minh đề phục tài ông cho nên lăm khi còn dùng một danh từ khác là « phục long » con rồng nằm, nghĩa là cũng như trên. Theo TQCDN gần chỗ Không Minh ở ần có một cái gò gọi là gò Ngoại Long, nhân dân ông đặt tên hiệu là Ngoại Long tiên sinh không biết có đúng thế chăng ?

Và trong TQCDN Tứ Thứ chỉ giới thiệu Không Minh khi phải về Tàu, lời giới thiệu rắn lại hoa bướm :

« Lấy tài tài so với người ấy như so sánh « con ngựa tài với giống kỳ lân, chim hàn như sánh với phượng hoàng » và

« người này có tài ngang trót đọc nước », còn thêm « Người này là bậc kỳ tài tuyệt vời không còn ai bằng nữa ». (Thứ nhân tuyệt đại kỳ tài).

(Sách Tương Dương ký chép: Lưu Bị phỏng vấn Tư Mã Đức Thảo về thế sự. Khi Lưu Bị trốn Thái Mạc với con ngựa Đích lợ vượt qua Đàm Khê, lang thang tìm về Tân dã, bỗng gặp một tiểu đồng cưỡi trên lưng trâu thòi địch. Hai bên trò chuyện. Mục đồng nói y là người nhà Tư Mã Huy tự Đức Thảo hiệu Thủy Kinh tiên sinh. Lưu Bị nói tôi thăm, mục đồng đưa vô.

Đây là hai bên đối thoại theo TQCDN : « Thủy Kinh hỏi Huyền Đức : Tôi đã lâu nghe đại danh Minh Công, không hiểu sao tới bây giờ mà còn lạc phách như vậy.

Huyền Đức nói : — Chắc tôi còn gặp nhiều kiền vận nên đến nồng nỗi thế.

Thủy Kinh nói : — Không phải vậy. Nguyên nhân chẳng qua Minh Công không có người là hữu giỏi đó thôi.

Huyền Đức nói : Bị tôi tuy bắt tài, nhưng vẫn có bạn Tôn Càng, Mỵ Trúc, Giản Ung, Vũ có Quan, Trương, Triệu Văn

dốc một lòng trung giúp đỡ; tôi được nhờ cậy rất nhiều.

Thủy Kinh nói: Quan, Trương, Triệu Vân là tay tướng địch nổi muôn người, chỉ tiếc rằng không ai điều khiển được những cái lớn đó, Còn bốn Tôn Càng, Mỵ Trúc chẳng qua là bốn bạ h diện thư sinh, không có tài «kinh bang tế thế».

Huyền Đức nói: Bị tôi thường vẫn cát mìnă cầu người hiền già còn sót lại trong nơi son cốc, hiềm nỗi chưa gặp được ai.

Thủy Kinh nói: Hé Minh-Công không nghe lời Không-Tử nói: «Trong ấp mười nhà cảng có người trung tín (thập-thất chi ấp lấp hữu trung tín) sao bảo không có ai là hiền già được.

Huyền Đức, nói: Bị tôi nguyễn không được biết, xin ngài chỉ giáo cho.

Thủy Kinh nói: Minh-Công có nghe trong những quan nhỏ ở Kinh Tương trẻ con thường hát:

«Khoảng năm tám chín mươi hai
suga.

«Đến năm mười ba chẵng nói
chi.

«Cuối cùng thiên mệnh về cơ sở

«Rồng ăn trong bùn cát cánh phi.»

Lời đồng dao ấy có từ năm Kiến an, Đến năm thứ tam, Lưu cảnh Thăng chết vợ sinh ra loạn trong nhà, câu «chẳng còn chi» tức chỉ Cảnh Thăng sắp chết, vẫn vỗ linh lạc không còn ai, còn câu «Thiên mệnh về cơ sở» «Rồng ăn trong bùn cát cánh phi» tức lồng vào Minh Công đó.

Lưu Bị nghe nói kinh ngạc rằng: Bị tôi đâu dám lấy câu ấy ứng vào mình.

Tư Mã Đức Thảo nói:

— Tôi chỉ là kẻ non sinh tục và biết thế nào được thời vụ. Chính trong vùng này có biết bao người tuân kiệt như Phục Long và Phượng sô.

Lưu Bị hỏi hai người ấy là

a. Tư Mã Đức Thảo nói:
— Phục Long là Không-Minh và Phượng sô là Bàng sĩ Nguyễn.

Tiên chủ nói:

— Người nên dẫn lời cho tôi.
Thứ nói:
— Người đó có thể yết kiến được, không thể khuất phục

được. Tướng quân nên uốn mỉnh
bà giá đến thăm.

Tiên chủ nghe lời liền đến yết
kiến Lượng. Phải ba lần đến
thăm. Tiên chủ mới được yết
kiến.

Tiên chủ đuổi người xung
quanh ra ngoài rồi nói với Lượng:

— Vạn nhà Hán đã đến lúc
nghiêng ngã suy dồi, gian thần
thì trộm mệnh đè mà làm bậy,
khiến Chúa Thương phải mông
trần. Cô không biết độ đức mỉnh
kiềm bạc, không biết lượng súe
mình hèn kém. Bao phen thất
bại còn quyết chí theo đuổi. Xin
ngài chỉ bảo cho kẻ xuất thân an
tèan.

(Theo đây thì sau khi Lưu Bị
hỏi Không Minh đáp lại ngay.
Đó là lời chép vắn tắt của sử học)

TQCDN đã khéo dàn giải câu
truyện giữa hai người trong lối
xã giao lời qua tiếng lại thêm thắt
rất là hào hứng mà vẫn không
hại đến nghĩa của chính sử. Xin
dịch đoạn ấy :

« *Huyền Đức thấy Không
Minh mình cao tám thước, mặt
như mõng ngọc, đầu đội khăn lụa,
mình bận áo cánh hac, hình dáng
phiêu phiêu tựa thần tiên.* »

*Huyền Đức lạy sụp xuống
đất mà nói rằng :*

— *Tôi là giòng dõi hèn mọn
nhà Hán chỉ là kẻ ngù phu &
trác quan đã lâu được nghe
đại danh tiên sinh khác nào
tiếng sấm vang tai. Đã hai lần
đến hầu mà không được gặp.
Có đề thư của tiên danh trên
văn kỹ, chẳng biết được tiên
sinh xem đến chưa?*

*Không Minh đáp : Tôi là kẻ
quê mùa ở Nam dương, vốn đã
quen lười biếng, mong ơn
tướng quân mấy lần hạ cố, siết
bao hò hẹn.*

*Hai người cùng nhau thi lễ.
rồi phân ngôi chủ khách.*

Tiều đồng hiến trà.

Trà xong, Không Minh nói :

— *Hôm trước tôi được xem
thor tướng quân, dù biết tướng
quân có lòng lo việc dân việc
nước. Chỉ hận rằng Lượng tốt
tuổi còn trẻ, tài còn sơ, tướng
quân đã hạ mình hỏi đến thật
đã làm tài.*

Huyền Đức nói :

— *Chẳng nhẽ Tư Mã Đức
Thảo và ông Tư nguyên Trực
đã nói lại là lời nói sương sao?
Mong tiên sinh chẳng bỏ kẻ bi
liễn này mà chỉ giáo cho.*

Không Minh nói :

— *Đức Thảo, Nguyên Trực*

là bậc cao sĩ trong đời. Lương này chỉ là một dân cày dám đấu bàn việc thiên hạ. Hai ông tiến cử lâm đó. Tướng quân bỏ ngọc, quí mà cầm đá xấu làm chi.

Huyền Đức nói :

— Kẻ đại tướng phu đã mang kỳ tài kinh bang tế thế, há chịu chết già noi lâm toàn sao? Xin tiên sinh nghĩ đến thiên hạ thương sinh mở mang cái ngu tối của Bí này mà chỉ giáo cho.

Không Minh nói : Xin nghe chỉ hướng tướng quân (rồi lời đổi thoại của hai bên như chính sử).

Lượng đáp :

— Từ thời Đông Trác về đây, các hào kiệt chúa này đến quận khác đều liên tiếp nòi lên không biết bao nhiêu mà kè.

Tào Tháo so với Viên Thiệu thời danh Tào Tháo đối với Thiệu thực là nhỏ nhèn, quân của Tào-Tháo đối với Thiệu thật là ít ỏi. Vậy mà Tháo đã khắc phục được Thiệu, lấy yếu thắng mạnh không phải chỉ có thiên thời, cũng là nhân mưu nữa vây (khi duy thiên thời, úc diệt nhân mưu dã).

Nay Tháo cầm trong tay trăm vạn quân lấy thế thiên tử, sai khiến chư hầu. Như thế đối với Tháo ta không thể tranh phong được. Tôn Quyền chiếm cứ Giang Đông, trải đã ba đời... Nước hiềm, dân một lòng qui thuận, lại biết thu dụng kẻ hiền già tài năng. Đối với Quyền, ta có thể lấy làm ứng viên, mà không thể mưu đồ được.

(Còn nữa)



* LÃM THẦN

Người mua hỏi chủ bán hàng :

— Làm sao mở cái hộp này ra?

— Không khó đâu, trong hộp có cái giấy chỉ cách mở rõ ràng.

* TÀI

Thi sinh A.— Anh làm được bài toán nào không?

Thi sinh B.— Làm tuốt cả hai bài.

Thi sinh A.— Tài quá! Vậy thì chắc ăn rồi.

Thi sinh B.— Nhưng không bài nào trúng hết.

T. L. L.

mộng say



Đêm qua ngồi rót chén đầy voi,
Chợt thấy hồn ai lướt giữa voi,
Say chenet choáng say ca trong gió
Bước nghiêng ngã bước đến bên tôi.
Cười vang mời chuỗe nhau trăm chén
Say khướt nằm lăn tít một trời.
Tinh giấc, hơi men còn phảng phất,
— Biết người tri-kỷ ấy là ai ?



MONG NGƯỜI ĐÊM TRƯỚC

Đêm nay, lại rót chén đầy voi,
Mong đợi hồn di ở cách voi.
Chẳng thấy ai về theo ngọn gió
Đè suông rượu nhạt có mình tôi.
Trăng rơi buồn bã trong lòng chén
Sương rót bằng khuâng mấy hướng trời
Gió hắt hiu lay sầu phảng-phất,
Tinh suông : rượu nhạt, ngậm-ngùi ai.

TÙ-TRẦM-LÊ

NORTON

HOÀNG-DỄ NƯỚC MỸ

(Tiếp theo P. T. số 20)

NHƯNG chỉ được một lúc thôi. Về sau «Hoàng dẽ Norton» lợi dụng các anh thợ may, bắt họ may nhiều quần áo và nhiều lỗ phục, triều phục, mà không trả họ một đồng xu nhỏ, chỉ trả mài bằng «tín phiếu» riêng của «Bé hả» nên họ tay chay. Hoàng dẽ, không một người thợ may nào chịu may y phục cho Ngài Ngự nữa! Cả đến anh John Hews cũng tìm cách từ chối lỗ phép, viện cớ không có hàng

vài tốt, và thợ khéo đi hết.

Sau vì thấy Hoàng dẽ Norton lær mặc quần áo rách mòn và đứt nứt, đứt khuy, không xứng đáng với bậc Thiên-Tử nên Hội đồng thành phố San Francisco quyết định trích một số tiền mỗi năm là 30 đô la để phụ cấp cho Hoàng-dẽ. Cả thành phố San Francisco chỉ có 2 người cương quyết phản đối Hoàng-dẽ Norton lær và không nhìn nhận « uy quyền » của « ngài ». Ấy là anh thợ giặt, là một người Huê

TÂM
PHONG

Kiều tên là Ichō Tso, cứ mỗi lần Hoàng đế đem quần áo đến gửi anh giặt thì anh tính tiền bắn hỏi và đến khi giao đồ anh bắt Hoàng đế phải trả tiền mặn. Nhiều khi bê hụt túi, phải trả bằng tín phiếu của Hoàng đế thì anh thợ giặt cười hì hò : « Tiền này, Hoàng đế Trung quốc không có xài lở ! »

Hoàng đế Hoa kỳ tức giận lắm nhưng không làm sao được bèn đăng trong báo « Bulletin » một đạo sắc lệnh trực xuất tên thợ giặt Huê Kiều !

Còn ông chủ nhà, thì lại là công dân Mỹ, nhưng cũng bị Hoàng đế Norton 1er liệt vào hạng phiến loạn. Nguyên do cũng không có gì khác hơn là Hoàng đế cự thiêu tiền hoài, khất hoài nhưng ông chủ nhà cứ nắng nặc dòi mỗi tháng. Kè ra, ông chủ nhà cũng thật là người vô tình ! Căn nhà lụp xụp, bần thiu mà Hoàng đế Norton 1er ngự ở đó đã 17 năm trời, mỗi tháng Bệ Hạ phải trả 0\$.50 (năm các tiền Mỹ hồi đó cũng trị giá bằng 500 đồng bạc Việt Nam hiện giờ), dã mẩy ăn Bệ Hạ yêu cầu sút giá, ông chủ nhà không chịu, lại còn đến đúng cuối tháng là gỗ cửa, chìa biến lai ra thâu tiền cho kỳ được. Tuy

nhiên ông chủ nhà cũng lể phép cung kính mỗi lần đến thâu tiền nhà. Ông bắt đầu gó cửa 3 tiếng, Hoàng đế Norton 1er mở cửa, trông thấy ông, Ngài cau mày hỏi :

— Chuyện chi ?

Ông chủ nhà lể phép trả :

— Muôn tàu Bệ Hạ, bề tôi đến cúi xin Bệ Hạ trả tiền tháng tôi (vì tiền nhà bảo giờ cũng trả đầu tháng).

Nói xong, ông cung kính chìa tay biên lai ra.

Có lần 3 tháng ông ta không thu được tiền, ông tàu với ngài :

— Muôn tàu Bệ Hạ, bề tôi rất tiếc mà kính tin đến Bệ Hạ biết rằng nếu quá 24 giờ Bệ Hạ không trả tiền nhà, bề tôi buộc lòng phải đưa đơn ra tòa.

Hoàng đế Norton 1er rất tức giận, nhưng vì muốn bảo toàn danh dự một vị Hoàng đế xứ Đại Huê kỳ nên ngài cũng lật đật chạy đi vay tiền để trả dần 1 tháng.

Căn nhà « ngài » thuê ở ngoại ô thành phố San Francisco, tuy là lụp xụp như cái ống chuột, nhưng cũng được bài trí trang hoàng như một cung điện nhà vua. Lên một cầu thang đã gần mục nát, tối tăm và chật hẹp, đến một cái cửa sơn vẹc ni vàng. Đó là cửa chính mòn vào Điện. Thoạt bước vào

người ta trông thấy ngay một ngai vàng kê trên một cái bục cao và dưới chân ngài là một bệ tạm cắp trái thảm đỏ. Trên tường, treo chân dung một người mặc triều phục oai vệ dưới đè hai hàng chữ : « Norton Ier, Hoàng đế Huê kỳ ». Trong phòng bề dài độ 4 thước, bề ngang 3 thước, trừ chiếc ngai vàng kê trong góc, ngoài ra không còn bàn ghế gì nữa cả. Khách xa gần muốn có vinh dự được Hoàng đế tiếp, thì phải gửi danh thiếp trước một ngày, rồi đúng giờ « bệ kiến » khách đến, thấy cửa mở rộng, nhìn vào phòng đã thấy Hoàng đế mặc triều phục ngồi trên ngai chờ khách.

Khách vào, không có ghế ngồi, nhưng khách cho là việc dĩ nhiên, vì vua chúa là một bậc thánh nhơn đâu phải là thường dân. Vả lại Hoàng đế Norton Ier chỉ cho phép « chầu » ngài nhiều lắm là 15 phút. Thỉnh thoảng có một người bạn cũ của ngài mà làm ăn khá, coi bộ giàu sang, thì ngài ban cho vinh dự đặc biệt được ngài bước xuống bệ ngọc, bắt tay trò chuyện. Nhưng có điều đáng kính phục là từ khi ngài lên ngôi Hoàng đế Hoa kỳ, không bao giờ ngài hỏi vay tiền một người bạn cũ nào, mặc dầu những người ấy

phần nhiều nhờ buôn lậu đã trở nên triệu phú.

Dân chúng ở San Francisco còn nhớ một chuyện mà báo Bulletin đã đăng trên trang nhứt khiếu cho dư luận vui cười rất sôi nổi làm tăng thêm uy danh của Hoàng đế Norton Ier. Dở chồng báo Bulletin cũ trong thư viện San Francisco, người ta thấy số báo ra ngày 17-3-1880 có đăng trên trang nhứt một cái tin bằng chữ lớn 6 cột như sau đây : *Một vụ phạm thượng đối với Hoàng đế Norton Ier, ông giám đốc Công-ty hỏa xa Union Pacific đã phải xin lỗi Hoàng thượng ».*

Đại khái bài ấy thuật chuyện hôm vừa rồi Hoàng đế Norton Ier có chuyện phải di xe lửa đến Philadelphie và ngài gọi bồi dạm cơm đè ngài dùng bữa trưa tại toa hàng cơm (wagon restaurant) Xong bữa, anh bồi vô lễ dám đem giấy tính tiền ăn đưa cho ngài, Hoàng đế Norton Ier giận đòn mặt. Ngài mắng anh bồi và truyền gọi người quản lý hàn³ cơm đến đè ngài rầy la. Người quản lý xin lỗi nhưng ngài chưa hết giận. Vì cử chỉ của anh bồi đã xúc phạm đến uy danh của Hoàng đế. Đó là một tội phạm thượng rất lớn và

nếu Hoàng đế không bỏ tù y là vì Hoàng đế rông lượng đó thôi. Tuy nhiên muôn trùng phạt hàng xe đã dùng một người bồi như thế, lúc Hoàng đế trở về San Francisco ngài đăng trên báo Bulletin một đạo sắc lệnh cấm công ty Union Pacific không được cho xe lửa chạy trên đường San Francisco-Philadelphia trong một kỳ hạn 3 tháng.

Được tin sét đánh ấy, ban giám đốc công ty hỏa xa Union Pacific vội vàng đến bệ kiến Hoàng đế và xin tặng ngài 1 vé xe lửa hạng nhứt vĩnh viễn, không trả tiền, và một vé dùng bữa trên xe lửa, cũng hạng nhứt, vĩnh viễn, không trả tiền.

Hoàng đế Norton Ier động lòng, liền ký một Đạo sắc lệnh mới thu hồi sắc lệnh trước.

Hai năm trước khi ngài chết, Hoàng đế Norton Ier có 2 chàng « gat-dò co » mà cả thành phố San Francisco ai cũng biết tiếng và ai cũng mến.

Đó là 2 con chó tên là Bummer và Lazarus (Bummer tiếng Mỹ nghĩa là : lười biếng, Lazarus là đê kỷ niệm một nhân vật thời xưa tên là Lazare le Pauvre) Bummer là một con chó lai Án Độ, nhỏ thấp, lông đen có vết trắng

hàm dưới dô ra, trông dị thường. Nó là một con chó hoang, không có chủ, và nó chỉ thích chạy rong ngoài đường. Ở khắp thành phố San Francisco xóm nào, khu vực nào Bummer cũng có bước chân tới, cho đến dỗi trẻ con, đàn bà, nhất là các chị bếp đều quen biết Bummer, và bắt cứ ở xóm nào, mà Bummer rảo tới, người nào gặp cũng gọi nó: « Bummer! Bummer! » Nó vẩy đuôi dè chào lại.

Nhưng nó nhất định không chịu ở với ai cả. Nhiều bà chủ nhà thấy Bummer dễ thương, phỉnh dỗ nó, cho nó ăn thịt, ăn bơ, uống sữa, dè cho nó ở, nhưng nó từ chối, thích cuộc đời lang thang đây đó. Nhưng nó không phải là một con chó tầm thường vô dụng. Nó có một công tác chuyên môn là bắt chuột. Thành phố San Francisco đầy rẫy chuột cống, thú chuột chù to lớn gần như mèo, và có cặp mắt đen nhánh khiến cho trẻ nít trông thấy đều phải kinh sợ, Bummer là ông kẹ của lũ chuột ấy. Cả ngày cà đêm nó chạy đi bắt chuột, có khi nó đuổi hết bầy chuột này đến bầy chuột khác, từ phố này đến phố khác, vì thế mà nó có mặt ở khắp trong thành phố mà cũng vì thế mà được dân chúng quý mến nó và khen tặng nó. Có điều

là nhất là nó bắt chuột để cắn cho chết rồi bỏ đó, chứ không ăn.

Công tác bắt chuột của Bummer là một công tác từ thi n, nhân đạo, theo một nhiệm vụ riêng của nó, chứ không phải là một kế sinh nhai. Nó chỉ ăn những khúc bánh mì và những cục xương người ta vứt trong đống rác, và đêm nó ngủ nơi các gốc cây ngoài đường cái.

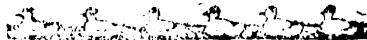
Theo lời tường trình của sở vệ sinh điều tra rằng : mỗi tháng trung bình Bummer giết 2.000 con chuột trong thành phố San Francisco bèn quyết định thưởng công trạng của Bummer bằng cách là đeo cho nó một mè đay Anh dũng (Médaille de la Vaillance).

Không ai hiểu tại sao Bummer ưa thích tự do, ưa lang thang, lại có một hôm cả quyết theo chân

Hoàng đế Norton Ier về ở với ngài.

Sau đó báo Bulletin đăng tin rằng : một buổi sáng Norton vẫn diện bộ triều phục Hoàng đế với chiếc mũ lông đà điểu và chiếc dù ba sắc, di chơi một con đường hẻo lánh ở ngoại ô. Gặp Bummer đang chụp một con chuột cống cắn chết, Norton đứng ngó một lúc rồi gọi nó : « Bummer ! » Ngoài đuôi đến gần, Norton cúi xuống xem chiếc mè đay đeo ở cổ, rồi chau mày bảo : « Tui nó chỉ bồ thí cho mày cái này thôi à ? Tao tưởng ít nhất chúng nó cũng phải tặng cho mày một cái mè đay chiến công chứ (War Cross, Croix de Guerre). Thế là con Bummer lặng lẽ theo chân Norton về nhà, và từ hôm ấy nó không rời Hoàng đế xứ Huê kỳ nữa cho đến khi nó chết.

(Kỳ sau hết)



* HƯỚNG XE ĐẠP

— Thưa bác, ba con bảo lại nói với bác cho cái xe đạp của ba con mà bác mượn hôm qua, vì ba con cần đi có chuyện.

— À, sao mày không làm như too, có tiệm không ?

— Làm như bác là làm thế nào ?

— Bảo ba mày cứ đi mượn cái xe đạp của người khác mà đi.

T. L. L.



hai thăng



Chiều về trên
xóm lao - động
thật nhộn-nhip,
cho ta cảm
tưởng như đang xem màn
chót của một vở kịch gồm đủ hì
nè, ái, ô. Tiếng người gọi nhau
oi-ói hòa lẫn với tiếng kêu đòi
ăn của súc-vật, cùng tiếng trẻ
con khóc nhẽ-nhuệ, tạo thành
một mớ âm-thanh phết-tập, khó
nghe. Thỉnh-thoảng một người
cha về đến nhà giữa sự reo hò
của lũ trẻ đang nô đùa ngoài sân,
tiếp theo là tiếng la rầy của mẹ
chúng.

Nhà nhà đều lên đèn, sửa soạn
đóng cửa để tiếp hưởng phút vui
sum họp sắp tàn sau một ngày
trời xa cách, bận lo sinh-kế. Họ
kè cho nhau nghe những gì đã

xảy ra nơi chỗ làm hay trong
gia-dinh để rồi cùng nhau vui
vầy, hót hót hoặc lo âu cho
chuyện không hay đã đến với họ
trong ngày.

Riêng nhà anh Tư xích-lô
máy thì khác lạ hơn mọi hôm.

ă n c ă p

Giờ này mà chỉ Tư, vợ anh
hay còn tay bồng, tay dắt, hết
ra lại vào trong ngóng anh về.
Thường nhật thì anh đã có mặt
tại nhà lúc bốn, năm giờ chiều.
Tiếng động-cơ quen thuộc vừa
vẳng lên từ đầu ngõ là người

* của VỎ-DỨC

ta đã thấy tháng Tí, con Thân chạy nà ra reo mừng, theo sau là con Dậu mới lên ba, chập-chững đuôi theo, miệng kêu oai-oái. Chị Tư chỉ còn sấp sửa quần áo, khăn thau cho anh vào tắm trước khi dùng cơm.

Thế mà hôm nay, mai đến giờ này anh vẫn chưa về. Trong trí éc vẫn còn tiềm-tàng bao ẩn-tượng hãi-hùng thời chinh-chiến của người đàn bà đáng thương ấy lại nòi lên biết bao là hình ảnh đen tối chứng tỏ cái sống bấp-bênh khò cực của họ giữa kiếp sống chật vật khó khăn này. Hàng ngày, có thể biết rằng thê-xác của họ còn được nghỉ ngoài chû tâm hồn họ thì lúc nào cũng bị giao động. Ngày mai xảy ra gì, nhiều lúc họ chẳng dám nghĩ đến. Cái sống cơ cực đè nặng tâm hồn của họ một cái nặng trầm trồ..,

Giữa khì ấy có một cái bóng thất thường di vào ngõ giữa sự mừng rỡ của gia-dinh : anh Tư đã về, về buồn, lo hiện rõ trên bước đi đầy thiều não.

Chị Tư đã don-dà hỏi :

— Còn xe đâu mà mình về mình không thế ?

Một tiếng thở dài áo não, theo sau là một tràng câu nói khò sô

như được dịp tuôn ra cho hả-vạy :

— Mẹ kiếp cái số ăn mày ! Vừa ra chạy được có 12 đồng lại nòi lốp. Vá xong chạy đi một quãng lại hết ét-sang ; trời lại sấp tối, đành gửi lại nhà anh bạn quen gần đây mà lội bộ về đây. Ủ ! Rò là khốn khò !

Đã đến lúc chị Tư cần phải an ủi chồng nên vội vã nói :

— Thôi, có gì mà buồn. Mai lại ráng chạy bù vào chừ lo gì. Mình hẵn vào tắm rồi dùng cơm cho con nó ăn với. Chúng nó đổi lâm đấy. Bảo mãi, không nghe chỉ nặc chờ mình về cùng ăn đấy.

— Thế à ? Tôi nghiệp các con tôi ! Lần sau chẳng được thế nữa nhé. Thấy ba về trễ thì cứ ăn trước đi nhé. Anh vừa rầy con vừa lấy tay xoa đầu con Dậu.

Nó ôm cứng chân anh, miệng kêu ba, ba không dứt. Anh cúi xuống bế nó lên tay rao bước vào nhà, theo sau là chị Tư với mấy đứa nhỏ. Vào đến nhà là chị Tư đến gờ con Dậu ra, miệng quát :

— Đè cho ba đi tắm rồi ăn cơm nào. Xong rồi, lát tối thả hồ mà bồng với bé.

.

Vừa ngồi vào mâm cơm là anh
Tư hỏi ngay vợ :

— Lúc chiều mìn đã thấy
ông Ba về chưa mìn nhỉ ?

Suy nghĩ một lát chị trả lời :

— Nhà người ta giàu sang, tôi
nào hay để ý, nhưng hình như
lúc mìn tắm, tôi có thấy xe của
ông chạy vào công, đèn pha rọi
sáng cả nhà ta lận kia.

Đến lượt anh Tư suy nghĩ một
giây lâu, đoạn hạ thấp giọng, anh
nói như rỉ vào tai vợ :

— Được rồi, tôi định đêm
nay sang bên ấy ... làm đờ vài
lít ét sảng, mai mới có mà chạy..

Chị Tư vội xua tay, kêu khẽ :

— Thôi, thôi đi ông, nếu có
mệnh hệ nào thì có mà tù rục
xương, mẹ con tôi chết đói đấy !

— Mình khéo lo. Tôi đè ý
thấy bên ấy thường mang hằng
chục thùng về đê ngay dưới nhà
xe. Người ta thừa thãi lẽ nào đè
ý đến một vài lít.

— Thôi, chó bên ấy dữ lắm
đấy. Cả xóm đều phải sợ khi đi
ngang qua nhà ấy đấy.

— Mình khỏi lo, đê đé tôi, chốc
nữa cơm xong, mình đè sẵn cái
thùng con 3 lít ấy chờ tôi. Nhơn
cùng thì tắc biến mà.

— Biết gì chứ biến diệu ấy
nguy hiểm quá !

Chị Tư sa sầm nét mặt. Gương
mặt chị đã khắc khô trông lại
còn thêm khắc khô. Vé lo âu hiện
rõ trên nét mặt của người đàn
bà can đảm ấy.



Sớm tinh sương, nhà chị Tư
đã đèn nghẹt người lối xóm,
quen thuộc đến an ủi, giúp đỡ
chị tìm cách giải quyết tình cảnh.

Chị ủ rủ ngồi trong góc nhà, tay
ôm con Dậu mà nước mắt luôn
tuôn tràn. Giữa sự im lặng nặng
nề ấy, giọng chú Hai tắc-xi nói
lên nghe buồn buồn :

— Chỗ thân tình, sao bác ấy
lại không đến hỏi tôi; có vài lít ét
sảng chó nhiều nhồi gì ! Lại đi
xoay sở chỉ như thế, thật là quá
đáng !

Chị Tư vội đáp lời trong nước
mắt :

— Nhà em chỉ lo còn thiếu bác
mấy chục bạc từ tuần trước, nên
chả dám đến quấy quá bác thêm
nữa.

Ô, quả bác ấy câu nệ quá ! Mà
dù có thật mà quấy quá tôi đi
nữa còn hơn... còn hơn bây giờ
đây làm sao đây ?

Đè trả lời, chị Tư chỉ
còn có biết khóc rống lên làm
cho tất cả những người có mặt

ở đây cũng phải cảm thương.
Chờ cho con său náo voi bót
theo cái sụt-sùi áo-não của chị,
bà Năm Bún mới thở thê :

— Thôi dằng nào giờ cũng đã
nhớ rồi. Tôi thấy phương cách
duy nhứt còn lại là cố làm sao
gỡ rối ; chứ càng ngồi đây mà
không thì công việc cũng thế thôi.
Bây giờ nên liệu xem bồng bế
mấy đứa bé sang bên ấy mà lạy
lục kêu gọi lòng thương của ông
Ba bỏ quá đi cho. Chị nghĩ có
phải thế không ?

Chú hai tắc-xi mau mắn đỡ
lời :

— Thì hẳn là phải thế rồi,
trong lúc chưa giải tòa thì còn
hy vọng lắm, nhưng, có cái là
đang bây giờ còn mồi quá, chỉ
sợ ông ấy còn giận, và lại, nhà
người ta giàu có, danh vọng, sau
một đêm thiếu ngủ, họ bức bộ
lại gặp bác gái sang lèo nhèo, thì
càng hỏng nữa, cho nên tôi đã
định khuyên bác ấy chờ đến trưa
ông ấy đi làm về rồi hãy sang.

— Phải đấy, bà Năm như chợt
bắt được vật gì kêu to, bác nói
phải đấy, Trăm sự cũng nhờ bác
chỉ bảo cho bác ấy lời ăn tiếng
nói dề lạy lục, van xin cho bác
trai. Hiện giờ thì bác ấy còn tâm
trí nào mà suy thiệt, tính hơn.



Chị Tư vừa bước lên thềm
nhà, trông thấy chủ nhân vừa
quay lại là quỳ ngay xuống gạch,
lạy lạy, lạy dè, miệng khóc bù
lu, bù loa :

— Trăm lạy Ngài, ngàn lạy
Ngài, xin Ngài mở lượng khoan
hồng, nhân đức mà tha cho nhà
con lố dại vì quá ngu si lại nghèo,
đối dám làm chuyện tày trời.
Xin Ngài nhở lòng thương mấy
mẹ con cháu vì một phút
lỗi lầm của nhà con mà chịu bơ
vơ, đối rét, ơn ấy ngàn đời chúng
con chẳng dám quên...

— À cái chị này. Ai cho phép
chị vào đây? Hay là, cũng là một
phuờng, một lũ lại kiếm cơ vào
đây rình rập, xem xét đồ vật chờ
đến tối nữa hả?

— Lạy Ngài thương xót chúng
con, nào dám vô lễ ; nhưng tình
cảm quá khổn khổ đánh liều vào
lạy xin Ngài tha thứ cho chồng
con nhở. Thật quá dại dột mới
mù quáng vào đây tham lam...

Nhận thấy hình như những lời
kêu van, lạy lục của mình không
đủ làm lạy chuyền lòng dạ của
con người sắt đá, chị Tư vừa lạy
vừa lấy tay ấn đầu thẳng Tí cũng
đang quỳ cạnh chị xuống hy-
vọng nó giúp thêm một tay « lạy »

tại thè giúp chỉ phần nào kết quả.

— Các người cứ mỗi lần bắt được ăn cắp là vì nghèo đói, khồ sơ. Thế sao không đi làm ăn ; dưới biếng muôn năm dài ra đây là có tiền nó chạy đến...

Bà chủ, có mặt từ phút đầu, vẫn đứng chống tay vào bệ sườn nhìn mẹ con chỉ Tư lạy lục, kêu vang với cặp mắt đầy «ghê tởm» quay phắt đi vào nhà trong, buông lại một câu chẳng kém nhân-dạo hơn ông chồng :

— Quân áy, chỉ có cho né đi tù một lần là tốt...

Trời ! Nghe đến hai tiếng đi tù, chỉ Tư càng điến dạ, thụp xuống lạy già :

— Kính lạy Ngài rủ lòng thương mẹ con cháu. Con xin thề đội ơn Ngài cho đến ngày nhảm mắt...

Nhưng, khi ấy có tiếng gọi ngoài cổng. Ông Ba bước ra vừa kịp đóng ba Hạ - Sí - Quan Hiển-Binh trê trung trong những bộ quân-phục sạch sẽ, thẳng nếp đồng đưa tay lên, vành mũ kết màu đỏ chói, nghiêm người chào đánh «cốp» :

— Thưa Ngài, có lệnh của Đại-Tá Giám-Đốc Nha Quân-Pháp và H.B. khám xét nhà này

và mời Ngài đến Nha túc khắc.

Lệnh ấy quá bất ngờ làm chủ nhân Ông luống cuống vài giây, nhưng rồi... cái tát-phong, cái sĩ diện của Ngài có dịp lay tĩnh Ngài, hòn nữa chỉ Tư, người vừa cách đây một phút đã lạy lục Ngài, như té sao vẫn còn quỳ đó, dưới chân của Ngài, phượng chi. Ngài mở giọng hoi to, có lẽ cũng để tránh áp phần nào nỗi lo sợ đang nồi lên bên trong, hỏi lại bà người khách :

— Các Ông có lệnh bằng giấy trắng mực đen của qui Nha chứ ?

— Thưa vâng.

Thoạt nhìn thấy lệnh ấy đưa ra bởi trung-sĩ H.B. chủ nhân hơi thất sắc nhưng Ngài đã kịp lấy lại bình tĩnh, tươi cười bảo :

— Ô, lệnh là lệnh, nhưng chúng tôi hẳn mời quý ông vào dùng chén nước đã, rồi hướng vào nhà trong, Ngài gật gù :

— Bà oi ! Có khách.

Nhưng, với một vể nghiêm-nghi sẵn có trong nét mặt đầy cương quyết trung-sĩ H.B. với xoa tay bảo :

— Rất cảm ơn Ngài ; chẳng dám. Xin phép Ngài cho chúng tôi được thi hành lệnh của thượng cấp.

Chủ nhân nhanh nhau bước
đến bên trung-sĩ cầm lấy tay,
miệng nhỏ nhẹ :

— Vâng, lệnh trên đã phán
chẳng bao giờ chúng tôi dám cãi,
nhưng trước khi bắt tay vào
việc, xin mời quý ông vào dùng
với chúng tôi chén nước...

Bằng một cử chỉ hết sức lèo-dẹt
và khéo léo, trung-sĩ gỡ tay mình
ra khỏi hai bàn tay quá thận mệt
của chủ nhân đoạn bảo :

— Thưa Ngài, điều ấy rất trái
kỷ-luật và vô hình dung chúng
tôi lại làm phản lại lệnh của
thượng cấp chỉ dạy.

Trước tình thế ấy, chủ nhân
cảm thấy bối rối, Ngài cảm thấy
nhỏ bé trước tư cách cao, cả của
ông Hạ-Sĩ quan H.B. Nhưng,
thật là may cho Ngài, bà đã ra
tới, chợt thấy màu đỏ của mũ
kết, huy hiệu H. B. của ba ông
khách “quí”, bà đổi ngay nét
mặt kiêu hãnh lúc nãy thành
một nụ cười tươi rói trên một
bộ mặt hiền lành, nhân đức, khẽ
chắp tay trước ngực, cúi đầu
chào đúng nếp của người đàn
bà Á Đông. Đến lượt bà cất
tiếng oanh mời khách vào nhà
dùng chén chè nhạt.

Nhưng cũng như mấy lần trước,
ông khách “quí” vẫn từ chối một
cách lè phép và luôn tiện nhắc

lại ý định trên. Hai ông bà càng
bối rối tíu-tít mòi già. Như nhau
thấy điều gì bí ẩn trong cách mòi
mọc quá ân cần của chủ nhân,
và lại không thể làm khác hon.
Ông khách mới cương quyết ra
lệnh cho hai cộng sự viên của
mình xuống ngay nhà đè xe, khám
xét, trong khi ông nghiêm nghị
mời chủ nhân cùng theo ông
đè chừng kiển.

Từ nãy giờ, chí Tư xích-lô-
máy và thằng Tí mục kích cảnh
tượng kỳ lạ xảy ra giữa nhà nãy
nơi mà cách đây không lâu, chí
đã xem như một cẩm cung. Còn
chủ nhân của zé ; chả phải chí
và con dã quì muốn bè cả gối,
lạy muốn sồi cả trán cũng
không lay chuyển nỗi lòng dạ sắt
đá của họ, không mong gì nhận
ở họ một lời nói đạo đức, thế
mà, nghe kia, từ nhà sau có tiếng
văng lên của hai ông, bà :

— Xin trung-sĩ thương giùm
vợ chồng già tôi, thiếu trước, hụt
sau mót nhám nhúa một ít ét-
sắng cho đỡ tốn. Vợ, chồng tôi
cũng biết đồ của nhà bình riêng
biệt, nhìn biết ngay, nào dám
qua mặt các ông. Trăm sự cũng
nhờ trung-sĩ cả. Ông nghĩ
thương vợ chồng già nãy là được.

Có tiếng của ông khách trả
lời :

— Thưa Ông, bà, chúng tôi
chẳng có quyền nào cả. Ấy là
lệnh trên, bảo sao, chúng tôi làm
vậy. Thoảng bây giờ chúng tôi mà
có vô tình sơ sót tí gì thì cũng
sẽ bị tội nữa cơ. Còn nguyên-
lý của vụ này thì cũng do anh
Lê-văn-Tư làm nghề chạy xích-
lô-máy đã khai là đánh cắp máy
lít ét-sang tại đây mà ra đây chứ.
Thôi như thế này cũng tạm đủ.
Vậy mời ông theo chúng tôi về
Nhà và xin phép chờ luôn tang
vật, bốn thùng ét-sang này.

Tiếng của bà chủ tru tréo lên
«thê thảm» :

— Ông ơi ! Hảm qua phải ông

nghe tôi đánh nó một trận rồi tha
nó về có phải xong không ! Ông
cứ nồng nặc một, hai đưa nó đi
tù dè xảy ra cớ sự. Thật là nhục
nhã và tai hại !

Lại có tiếng một trong ba ông
H.B. :

— Tai hại thật đấy, thưa bà.
Ngày kia, giải tòa thì anh Tư
xích-lô-máy chỉ bị tội ăn cắp
của nhà bà 3 lít ét-sang thôi,
còn ông nhà ta, thì lại ăn cắp của...
chính-phủ, của...nhân dân những
tám trăm lít mà chỉ bắt được có
lần này thôi... còn trước đến nay
biết bao nhiêu rồi ...

* BẾ CÁI NHẦM

Thống chế Montgoméry luôn luôn xem xét bản kê những phim
thợn lừa đe dem chiếu cho quân lính xem. Brá nợ, cái lừa một
cuốn phim bắt ông chú ý ngay. Phim ấy nhận đe là : « Đạo Hồng
quân ». Không cần hỏi sự tích chuyen phim. Ông liên cho vòi tát
cả sỉ quan đến, và trước khi cho chiếu cuốn phim ấy, ông dẫn
giải cho họ nghe về sự quan trọng của bộ máy chiến tranh của
Hồng quân, của Nga. Kế đó, đèn tắt, và trên màn ảnh, các khán
giả đọc thấy hàng chữ :

« Đạo Hồng quân, phim tả đời sống của lđài kiến » !

* HIỀU NHẦM

- 200đ. con chó này ? Mắc quá. Thời phân nửa đì.
- Rất tiếc. Tôi chỉ bán chó nguyên con.

T.L.L.

DÂNG MẸ

Mẹ ơi ! nắng đã tàn trên lá.
Chiều xuống nghiêng-nghiêng khóm trúc gầy.
Lạc lõng chim về dám cánh nhỏ
Mẹ còn tựa cửa ngắm mây bay ?
Con biết mẹ từng thương nhớ lắm.
Từng tha-thiết đợi dặm đường dài.
Phương nào biến biệt cha con đó.
Đè tháng năm về bạc tóc mây.
Nhưng người đi mãi đi đi mãi.
Con, vợ nào cha có đoái hoài ?
Mẹ dù, gắng gượng nuôi con nhỏ
Mẹ giàu con sao được ngậm-ngùi ?
Lòng con yêu mẹ đau tùng bùa.
Mẹ đứng lặng nhìn mây trắng bay.
Đời như tắt nắng trong hòn mẹ
Mỗi nở đâu còn thắm sắc tươi ?



Đàn con chiu-chít chưa khôn lớn.
Một bùa đầu xuân ủ-rủ ngồi.
Cạnh chiếc quan tài hán gỗ mới
Gục đầu cha khóc chuyện chung đôi.
Đến nay cha hiêu thì mẹ đã..
Mẹ đã nghìn thu cách biệt rồi t
Tuổi xanh con mẹ nào đâu tội
Sao bỗng muôn đời chịu cút-cỏi ?
Em con khát sữa từng đêm gọi

Cha ủ tình thương hát « q-oi »
Nhưng giọng u-buồn hơi tắt nghẹn
Cha thường lâm bãm « ó-mình-oi »



Chuyện cũ ngày xưa sầu những thế
Bây giờ ... mẹ hối khóc mười mươi !
Sau một trăm ngày khi mẹ chết
Tục huyền : cha cưới vợ, mẹ ơi !
Cha bảo : « con ba còn dài lầm
Đè dì về dậy dỗ, cơm nuối » ...
Con biết đòi con rồi sẽ khóc
(Lạ gì « con cưng với con tôi »)
Năm tháng qua dần năm tháng cũ
Lòng sầu thương nhớ mẹ không nguôi
Chiều chiều cha đứng trông về núi
Tìm bóng mẹ sau ánh mặt trời.
Cửa nhà chăm sóc đàn em đó
Còn biết ai người gánh một vai ?
Đi con mỗi lúc tình hờ hững
Mà phận con thời dám trách ai ?
Mẹ ơi ! đau xót dâng từng bùa
Trên dám đầu xanh trẻ lạc loài !
Thương cha nhớ mẹ lòng con chết
Trong tuổi hoa niên buồn thiêu thời !
Hôm nay nhớ mẹ con ngồi viết
Chuyện cũ ngày xưa đè ngậm-ngùi.
Gió lạnh thấm buồn lời mẹ trối :
« Mẹ đi...con ở...gắng con ơi ! »

TUYẾT-LINH

Bầu-cử Quốc-hội

tại Anh-quốc



* NGUYỄN HỮU - THÚ

Sau cuộc tổng tuyển - cử Quốc - Hội Việt - Nam vừa rồi, và nhân cuộc tổng tuyển - cử ngày 8 tháng 10 năm 1959 của Anh-quốc, chúng tôi xin đăng bài sau đây của ông Nguyễn - hưu - Thủ, để ban đọc hiểu biết về cách thức tuyển - cử ở một nước dân chủ tân - tiến Âu - châu.

PHÒ. THÔNG

C HIẾM độ tuyển cử tại Anh khác chế độ tương tự ở những nước khác ở nhiều điểm.

1) CÁC CUỘC TUYỂN CỬ HƠI HIẾM Ở ANH.

Tại Hoa kỲ, công dân có cơ hội bầu rất nhiều lần: nghị sĩ ở Thượng viện, ở Hạ viện, Tổng thống liên bang, Thống đốc Tiểu bang; cứ hai năm thì có tuyển cử và cuộc tuyển cử quan trọng nhất là việc chọn Tổng thống vì vị này cầm quyền hành-pháp (Quốc trưởng kiêm Thủ tướng). Công dân Anh lại không có cơ hội bầu luôn như vậy. Cách đây hơn bốn năm, ngày 26-5-1955, có cuộc tuyển cử vào Hạ viện Anh; ngày 8-10-1959, công dân Anh mới đi bầu lại, và vẫn là bầu các

dân biểu Hạ viện mà thôi vì Thượng viện gồm những người truyền thống hay do nhà vua cử còn Quốc trưởng lại là một nhà vua hay Nữ-hoàng thì không có vấn đề tuyển cử nữa.

Hiện nay, chưa có một bản văn nào buộc phải tuyển cử nghị sĩ Hạ viện trong thời gian năm năm, song tục lệ cho rằng như thế cũng là quá lâu rồi nên trong thời gian ấy, nhà cầm quyền phải tổ chức cuộc tuyển cử. Ai định lấy? Tại Việt Nam, hiến pháp buộc phải tổ chức tuyển cử một tháng trước khi khoá mãn nhiệm kỳ; khoá thứ nhứt sẽ mãn nhiệm kỵ ngày 30 tháng chín nên ngày 30-8-1959, có cuộc tuyển cử do đạo luật 19/59, và đạo luật 20/59 quyết định. Tại Anh, đảng đa số đang nắm chính quyền lại quyết định lấy khi nào họ thấy thuận tiện miễn là trong thời hạn năm năm kể từ cuộc tuyển cử trước. Đó là một ưu điểm cho đảng đa số vì họ có thể xét khi nào thuận tiện đổi với họ. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải khen tinh thần công dân của người Anh ở chỗ họ sẵn lòng tổ chức tuyển cử khi họ thấy đa số của họ không vững. Thủ dụ: Trong cuộc tuyển cử ngày 23-2-50, Đảng Lao động Anh được 315 ghế (trong số 325) vừa đủ đa số tuyệt đối; đến khi một nghị sĩ qua đời, một người khác xin thôi, đa số quá mong manh nên chỉ 20 tháng sau, Đảng Lao động tổ chức cuộc tuyển cử 25-10-1951 và lần này Đảng Bảo

thủ của W. Churchill thắng; ông Cl. Attlee cũng đoán được việc ấy mà vẫn không ngồi lỳ nơi ghế thủ tướng.

Khi đảng đa số muốn có tuyển cử, Thủ tướng xin Nữ hoàng giải tán Hạ viện, việc mà Nữ hoàng mới ra lệnh cách đây không bao lâu. Việc giải tán ấy tại những nước theo chế độ đại nghị cũng chưa chắc đã thường xảy ra và mỗi khi xảy ra lại có một cuộc khủng hoảng như tai Pháp vào thời Edgar Faure (đầu năm 1956); trái lại, tại Anh, mọi người đều đón mừng nó cả: đảng đa số hy vọng nhờ đó mà cầm quyền lâu dài hơn; đảng đối lập hay các đảng thiểu số lại tin tưởng sự thắng lợi hơn của đảng mình nhờ đây.

Tóm lại, tại Anh lâu lâu mới có một cuộc tuyển cử và hình như dân Anh không cho rằng đó là một khuyết điểm cần phải được sửa chữa.

2) TUYỂN-CỬ Ở ANH GIẢN DỊ NHẤT THẾ GIỚI.

Nước đã theo những chế độ tuyển cử phức tạp nhất là Pháp vì nước ấy áp-dụng thè thức đại-biểu tỷ-lệ (représentation proportionnelle) nghĩa là số ứng-cử-viên đặc - cử tỷ-lệ theo số phiếu mà mỗi danh - sách được; có lúc Pháp lại theo tuyển-cử đa số hai lần. Hoa-kỳ áp-dụng tuyển cử gián-tiếp trong việc bầu Tổng thống, thế cũng phiền-phức. Trái lại, từ xưa đến nay, Anh thường theo chế-dộ đa số một lần như chúng ta trong các cuộc tuyển-

cử hiện nay. Chế - độ ấy chưa chắc không có khuyết-diêm vì có thể xảy ra trường - hợp đảng đa số không thắng phiếu : thí-dụ tại đơn-vị 1, 2, 3 Đảng Bảo - thủ thắng mỗi nơi độ mươi phiếu, tất cả độ 50 phiếu; trai lai, tại đơn-vị 4 đảng Lao-động thắng những 10.000 phiếu, tức công chung về 4 đơn-vị, Đảng Lao-động thắng phiếu mà thua ghế (1 chổng với 3). Dẫu sao, cách tuyển-cử áp-dụng ở Anh rất giản-dị và người Anh chấp-nhận chế độ giản-dị ấy tuy nó chưa hoàn toàn.

2) CHẾ-ĐỘ TUYỀN-CỬ MỚI LƯỢC DÂN - CHỦ - HÓA CHƯA ĐẾN 50 NĂM TẠI ANH.

Ai cũng phải công-nhận rằng dân Anh hưởng chế-độ dân-chủ vào bậc nhất thế-giới; và họ cũng xứng - dụng chế-độ ấy một cách đúng-dắn chứ không lạm - dụng mọi tự-do dân - chủ. Tuy thế, ngược dòng lịch - sử mà xem, người ta thấy rằng chế - độ ấy mới được hoàn bì cách đây không bao lâu.

Trước kia, có sự phân - phối dân-biều không công bằng. Có nhiều đơn-vị thay đổi về dân-số mà số dân-biều như cũ : chỗ trở nên ít người mà số dân - biều nhiều; chỗ trở nên đông đúc vì kỹ-nghệ, thương-mãi phát - triển mà số dân-biều lại quá ít. Phải có nhiều cuộc biều - tình, vận - động mới có sự thay đổi hiện nay, con số là 625 ghế cho toàn nước Anh.

Quyền tuyển - cử cũng chỉ được nói rộng sau nhiều cuộc khủng-hoảng. Trong hạ bán thế-kỷ XIX, những Thủ-tướng Gladstone, Disraeli đã làm cho thông-quá những đạo luật 1867-1884, 1885 nói rộng quyền tuyển - cử, chia lại các ghế dân-biều theo tỉ-số 1/50.000 người. Dân - bà vẫn chưa có quyền bầu, phải đợi đạo luật 6.2.1918 mới cho phép những người dân-bà từ 30 tuổi trở lên được quyền tuyển - cử; và sau, đạo luật 30.5.1929 (cách đây 30 năm thời), trao quyền tuyển - cử cho mọi dân-bà từ 21 tuổi trở-lên.

Như thế, chế-độ tuyển-cử tại Anh không phải được dân-chủ-hóa từ lâu mà cách đây không bao lâu; nói thế so với nhiều nước khác như Pháp chẳng hạn, sự dân - chủ - hóa cũng đã sớm lắm rồi.

* BÁNG TRỊ TẠI ANH

1.— LUÔNG-ĐÀNG-CHẾ TẠI ANH.

Trong các cường-quốc, Anh và Hoa-kỳ là hai nước theo luồng-đảng chế : một đảng cầm chính quyền, một đảng trở thành đối-lập. Tại Anh, sự đa số và số đối-lập thuần-túy lắm : đảng đa số tại Hạ-viện sẽ là đảng cầm quyền, hành-pháp tức giữ chức thủ-tướng cùng tông, bộ trưởng. Tại Hoa-kỳ, việc đối-lập không thuần-túy ở chỗ đảng cầm quyền hành-pháp (tức tòng thống) chưa chắc đã được đa số tại Thượng và Hạ-viện, tức là việc xảy ra

hiện nay tại Hoa-kỳ. Tổng-thống Eisenhower thuộc Đảng Cộng-hòa, song trong cuộc tuyển-cử 56, 58, đảng Dân-chủ thắng Đảng Cộng-hòa trong cuộc tuyển - cử vào Thượng và Hạ viện. Như thế, tại hai viện này, đảng đối-lập phải là Đảng Cộng-hòa. Tuy thế, ai cũng rõ là cầm quyền hành pháp (Tổng thống kiêm thủ tướng) mới là quan trọng nên lãnh tụ Đảng Dân chủ ống Adlai Stevenson — thường được gọi là lãnh tụ phe đối lập.

Nói là chế độ lưỡng đảng chia thật ra tại Anh cung như tại Hoa-kỳ có thể có nhiều đảng. Như tại Anh, ngoài hai đảng Lao động và bảo thủ còn những đảng Tự-do Cộng sản và những ứng cử viên độc lập. Đảng Tự-do trong cuộc tuyển cử 26-5-1955 chỉ được 6 ghế thôi; trước đó, đảng tự do đã thắng phiếu nhiều lần; trong những thế kỷ trước đây ấy cũng sản xuất nhiều thủ tướng có giá trị.

Các chế độ lưỡng đảng thường có một nguồn gốc tự nhiên. Tại Hoa-kỳ lúc thảo Hiến pháp cũng như lúc áp dụng Hiến pháp 1787 dân chúng chia làm hai phe: một phe muốn cơ quan liên bang mạnh còn phe kia lại muốn các tiểu bang có nhiều quyền hoạt động hơn. Nhân đó mà có hai đảng Liên bang và Cộng-hòa. Tại Anh, chế độ ấy lại bắt nguồn từ thế kỷ XVI¹ lúc có phe chỉ trích vua (Whig tức

Tự-do) và phe bênh vực vua (Tory tức Bảo thủ). Về sau, việc bênh vực hay chỉ thích vua không còn là một vấn đề nữa, tục lệ lưỡng đảng vẫn còn; và chẳng một vài việc bất ngờ lại củng cố chế độ ấy như việc phòng nhóm bị cháy, phải tò mò phòng nhóm tại một lâu đài trong đó ghế phải để thành hai dãy bên hữu và bên tả của chủ tịch Hạ viện.

2) CÁCH THÀNH LẬP CHÍNH PHỦ.

Có nhiều nước thành lập chính phủ theo cách khó khăn như Pháp, nhất là theo Hiến pháp 27.10.1946 cần có một thủ tướng do Quốc hội chỉ định; thủ tướng này thành lập nội các và có cuộc tấn phong thứ hai của Quốc hội.

Tại Anh, việc chọn thủ tướng quá đơn giản và trong phần nhiều các trường hợp, Nữ hoàng không mất thì giờ gì cả và cũng không có quyền nữa. Trong cuộc tuyển cử, thế nào cũng có đảng được đa số tuyệt đối (314/625 ghế) lãnh tụ đảng ấy sẽ tức khắc làm thủ tướng, việc tấn phong chỉ là một hình thức cần thiết thôi. Như đảng Bảo thủ thắng lãnh tụ Harold Mac Millan sẽ tiếp tục làm thủ tướng vì chưa thấy Đảng Bảo thủ thay đổi lãnh tụ. Đảng Lao động mà thắng lãnh tụ Hugh Gaitskell sẽ làm thủ tướng; ông này đã chính thức thay thế ông Clement Attlee năm 1955 trong chức vụ lãnh tụ đảng đối lập còn

Ông Attlee trở thành huân tước.

Có lúc Nữ-hoàng phải trực tiếp can thiệp. Như ngày 9-1-1957, ông Anthony Eden, Thủ tướng, thỉnh linh xin từ chức Thủ tướng và lãnh tụ Đảng Bảo thủ vì lúc ấy ông bị chỉ trích quá sá về vụ Suez. Đảng đa số không có lãnh tụ và Chính phủ không có thủ tướng. Đảng Bảo thủ lưỡng lự giữa hai ông Butler và Mac Mil-

lan; Nữ hoàng can thiệp để ông Mac Millan làm Thủ tướng và nhân đó trở thành lãnh tụ đa số.

Có một điểm nữa đáng nói là lãnh tụ đảng đối lập vẫn lãnh phu cấp khá lớn, một việc chưa có tại các nước khác.

Thật tình chế độ tuyên cù cũng như đảng trị của Anh có nhiều đặc tính không tìm thấy ở các nước khác.



* TÍNH TOÁN CHU ĐÁO

Nơi một tiêu quốc Trung Mỹ, ông tòng trưởng Quốc Phòng bày giải với ông Tòng thống :

— Tôi vừa đặt mua mười chiếc phi cơ to lớn có thè chở mỗi chiếc 500 lính nhảy dù và 100 cảnh binh.

— Hay lắm ! Nhưng mà... sao lại cảnh binh ?

Ông tòng trưởng, rất tự nhiên, đáp :

— Dạ, để xô lỉnh nhảy dù.

* SĂN-TA

Louis thứ 13 khi được 9 tuổi, thì lên làm vua nước Pháp. Tuy vậy cũng không cần được viên giám học của ông đánh đòn khi ông này thấy cần. Một hôm, nhà vua nhỏ vừa xoa lưng nói với ông thầy dạy :

— Tôi đề nghị với ông thế này : ông không đánh tôi nữa, tôi sẽ đặc-xá cho ông khỏi phải cúi đầu làm lễ chào tôi.

* NHƯNG BỐ CÁO

« Bà Tê trọng thường ai tìm được con chó xù đen của bà lạc mất ở vùng Mô. Dầu riêng : móng cẳng có thoa nước sơn móng tay màu hường ».

T. L. L.



12.- LAN - KHAI

★ NGUYỄN VĨ

THÍNH thoáng tôi có nhắc đến tên của Lan-Khai trong mấy bài trước, nay xin viết riêng một bài về «Nhà-Văn-Đường-Rừng». Đây là biệt hiệu của anh em làng văn Bắc-hà đã tặng cho Lan-Khai, vì anh chuyên viết các truyện về Mạn Ngược, nghĩa là về các vùng Thượng Du Bắc-Việt.

Sinh trưởng ở Tuyên-Quang là một tỉnh ở miền ấy, học ở Tuyên Quang, sau thi đỗ bằng Cao Đẳng Tiêu-học cũng về dạy học ở đấy, Lan Khai đã là một người con yêu-dấu của Lâm Tuyền. Anh bỏ nghề giáo-viên, cũng chỉ vì

anh mải nghe tiếng gọi của Rừng Thâm, tiếng gọi mà anh ghi chép say sưa thành bồng vang huyền bí trong các tác phẩm văn chương và trong các nét họa của anh.

Vì Lan Khai vừa là Văn-sĩ, Thi-sĩ vừa là Họa-sĩ. Văn-sĩ hay họa-sĩ, anh cũng đều là «tài tử» theo nghĩa của anh em nhà văn chúng tôi đã cho nó hồi-tiền-chiến, là «không cầu lợi». Anh làm thơ, viết truyện - dà i, truyện ngắn, tùy bút, hồi ký, và vẽ những phong cảnh Rừng Núi thâm u, huyền ảo của các vùng Tuyên-Quang Lai-Châu,

Sơn - La, Cao - Bằng, những cô Thái - Trắng, Thái - Đen, cô Mường, cô Thồ, với nét đẹp diễm-lệ mơ-hồ, như hình bóng một Thế giới mộng huyền trong tưởng-tượng, trong tranh, trong thơ... Nhưng Lan-khai vẽ, hay viết, chính là đề thỏa-mản một say mê gần như một ám-ảnh huyền-diệu, hơn là nghĩ đến việc đem bày bán những nét vẽ và câu văn của anh.

Nói đúng ra, thì một số Văn-sĩ Thi-sĩ thời bấy giờ cũng đều bị lôi-cuốn ít nhiều trong không-khí say-sưa văn nghệ đang bồng-bột thịnh hành, nhưng tôi nhận thấy Lan-Khai là một trong số Văn-nhân chịu hy sinh cho lý tưởng nhiều hơn, và thích đời sống thanh cao nho-nhã hơn.

Tại vậy mà anh-thay đổi chỗ ở luôn. Thuê một căn nhà nào đè ở, chừng năm ba tháng không vừa ý là dọn đi chỗ khác. Ở đường Đỗ hữu Vị, rồi dọn đến chợ hàng Da, rồi dọn xuống ngoại - ô chợ Hòm, dọn về Bờ-Hồ, ở trên một căn lầu rộng lớn, rồi dọn lên Hồ Trúc-Bạch, làng Ngũ-Xã... Tiền không có mà cứ dọn nhà hoài, và mỗi lần đổi chỗ là chờ hàng năm sáu rương sách và một

rương quần áo. Ngoài ra, không có gì nữa cả.

Có điều buồn cười nhất, và bí mật nhất mà lúc bấy giờ chỉ một số bạn rất thân với Lan Khai biết được mà thôi, là tác giả những chuyện đường rừng lại thích đánh phấn thoa son như đàn bà. Vì Lan Khai hút thuốc phiện nặng, nên anh đánh phấn và bôi son để che nét mặt có đôi chút hồng-hào, che lấp những tàn phá của phù-dung. Nhưng anh điềm trang khéo-tuyệt, còn khéo hơn chị Lan-Khai nữa. Người ngoài nhìn vào mặt anh, không hề thấy có vết phấn son. Vì vậy nên nhiều bạn làng văn cứ bảo nhau : "Quái thật nhỉ, Lan-Khai hút thuốc phiện thế mà gương mặt của nó không móe-meo chút nào ! » Anh rất điện, lúc nào cũng đẹp đẽ bảnh-bao, ai mới trông thấy anh cũng tưởng đâu là một hực nho sĩ phong lưu, nhưng trong túi thường thường không có một xu nhỏ.

Lan Khai có một người bạn cũng lạ thường, là ĐỖ THÚC TRÂM. Đỗ thúc Trâm, người thấp nhung mập, đỗ Tú-tài rồi ở nhà đọc sách viết văn, chả khôn thèm tiếp tục học trường Cao-Đẳng. Nhưng anh viết Pháp-văn thật hay. Có tư tưởng chống Pháp,

và kiêu căng, tự phụ, anh thường viết bài cho báo «*L'Annam Nouveau*» của cụ Nguyễn văn Vĩnh.

Lan Khai đi đâu là có Đỗ thúc Trâm đi theo, như hình với bóng.

“Mỗi lần dọn nhà, là cả hai đều đồng ý dọn, và cả hai cùng lặng lẽ đi theo sau cõi xe chở máy hòm sách, nặng nề, chậm rãi, y như đi đưa một đám ma.”

Cả hai đều diện, và thích ở riêng biệt, không muốn có đan-bà bên cạnh. Đỗ thúc Trâm không có vợ và rất đố kỹ phụ nữ. Anh không có một người tình nhân nào cả. Còn Lan Khai có hai vợ, nhưng anh cũng không thích ở với gia đình. Thỉnh-thoảng chị Lan-Khai đến với anh một vài tháng rồi lại về Tuyên - Quang. Chị hiền lành lắm, và đẹp, rất yêu văn Lan Khai và cũng bằng lòng dè anh ở riêng tùy theo ý thích. Chị chiều anh lắm. Tôi nhớ hình như đã có lần tôi kè các bạn nghe câu chuyện «*Hột mìn của Lan Khai*». Chuyện này xảy ra lúc Lan Khai ở căn nhà Ngũ-Xã, có chị Lan Khai. Lan Khai là người rất da - tình, lại được rất đông độc - giả bạn gái mến phục. Nhưng có lẽ anh không có duyên với phụ-nữ, nên dời anh

không có cuộc tình duyên nào lâu dài và tha - thiết, nên thơ nên mộng. Cũng có lẽ tại anh thích sống cuộc đời lý-tưởng quá cao siêu, quá trong trắng, nên thiếu-nữ không ưa, (tôi nói : thiếu-nữ làng mạn hồi đó). Anh lại là người đa-cảm, có những tình cảm rất tê-nhí. Một đêm tôi đang ngủ, Lan Khai đến đập cửa. Tôi chưa kịp mở, chỉ nghe tiếng anh :

— Vý ơi, Đỗ-thúc-Trâm chết rồi nhé !

Tôi mở cửa, thì Lan Khai đã đi rồi. Tôi vội vàng mặc đồ đi đến nhà anh, người ta cho biết là Đỗ thúc Trâm chết trong nhà thương, vì bệnh thương hàn.

Đám ma của Đỗ thúc Trâm đi trong một buổi rét buốt mùa đông, rất đìu hiu thê thảm. Hân-hạnh cho Trâm, là có cụ Nguyễn văn Vĩnh đi theo sau quan tài. Cụ Vĩnh bảo tôi : «Trâm, nó có tài lắm, nhưng đáng tiếc, nó không dè lại được một tác phẩm nào cả, vì chính nó lại coi rẻ cái tài của nó.»

Cụ Vĩnh nói rất đúng. Đỗ thúc Trâm có thể là một nhà triết học, hay là một nhà phê-bình rất có giá trị. Học thức uyên-thâm, văn tài rất điêu luyện. Trâm bị cái chứng bệnh lười biếng, chán nản,

khinh đời, khinh cả mình. Hồi đó anh 25 tuổi, lớn hơn tôi vài ba tuổi.

Hôm nay, tôi ngạc đến Đỗ thúc Trâm mà lòng tôi rất bùi ngùi nhớ tiếc. Từ ngày anh chết, không có một bài báo nào, hay một chương sách nào, nói đến tên người tài hoa bạc phận ấy. Kè ra, những bài bằng Pháp văn anh đã viết trong *L'annam Nouveau* của cụ Vĩnh, và bằng Việt văn trong *Đông phương* của Lan-Khai, có thể gom góp in lại thành một quyển sách rất có giá trị về tư-tưởng. Nhưng tiếc thay, ai làm việc đó?

Nếu tôi không làm thì Đỗ thúc Trâm tự nhìn nhận là một đứa con không cha không mẹ, không họ hàng thân thuộc, không quê quán!

Đỗ-thúc - Trâm đã thành một kẻ lạc loài trong truyền-tích như CHATTERTON, Thi-sĩ Anh. Lan-Khai rất buồn sau khi Đỗ-thúc-Trâm chết.

Tác giả những chuyện Đường Rừng cũng là bạn thân của VŨ-TRỌNG-PHUNG, NGUYỄN-TRIỆU-LUẬT, LƯU TRỌNG LƯ. Anh không chơi với THẾ-LÚ, NHẤT-LINH,

ĐOÀN PHÚ-TÚ, nhưng thân với, TÚ-MỚ, KHÁI-HƯNG. Anh thích NGUYỄN-CÔNG-HOÀN, VŨ-BẮN-G-TCHYA, NGUYỄN-TUÂN.

Một hôm, được tin bằng giây thép cho hay bà vợ cả ở Tuyên-Quang đau nặng gần chết, (chỉ này bị tật què), anh đến nhà xuất bản, hỏi mượn trước một món tiền để về tỉnh nhà lo thuốc men cho vợ. Anh trao điện + tín cho nhà xuất bản thấy sự thật đau đớn như thế. Nhưng nhà xuất bản, chủ một nhà in lớn ở Hà-nội, trả lời không có sẵn tiền. Anh hết sức năn-nỉ nhưng ông chủ nhà in, đã xuất bản ba bốn bộ sách của anh, quyển nào bán cũng rất chạy, vẫn một mực than-thở: «không có sẵn tiền»!

Lan Khai rưng rưng nước mắt, ngó nhà xuất bản:

— Ông tàn nhẫn được như thế ư?

— Không phải tôi tàn nhẫn với ông, nhưng thật là vì tôi không có sẵn tiền.

Lan Khai rút trong túi ra một xấp bản thảo viết chưa xong, đưa nhà xuất bản:

— Tôi đang viết quyển này cho ông, ông không thể cho tôi mượn tạm trước vài ba chục đồng

ư ? Vợ tôi đang hấp hối chờ tôi
ở Tuyên Quang, sao ông nhẫn-
tâm đến thế được ?

— Tôi chia buồn với ông,
nhưng còn việc mượn tiền, thì...

— Tôi chỉ mượn vài chục đồng
đủ tiền xe thôi, ông à.

Đoạn một lúc, nhà xuất bản
vào nhà lấy ra đưa Lan Khai hai
chục đồng :

— Ông viết quyển sách ấy
nhanh nhanh lên nhé. Và xin
chúc ông về Tuyên Quang lo-lắng
cho bà nhà ta chóng bình-phục.

Lan Khai về nhà, gặp tôi vừa
đến hỏi thăm tin tức của chị, anh
đưa giây thép cho tôi xem và vứt
xuống giường mấy tờ giấy bạc,
nước mắt anh chảy tràn trề trên
đôi má :

— Toa thẩy không. Vỹ ? Mẹ
cha cái kiếp chúng mình !

Hôm tôi bị bắt, và bị còng tay
đưa lên ga xe lửa Hà-nội dè dặt
lưu-dồ, trong đám bạn bè quen
thuộc hình như biết tin trước nên
cố lén chực sẵn ở cửa ga để tiễn
tôi. Tôi thấy có mặt anh Lan-
Khai. Hôm ấy, anh ôm quá, mặt
xanh-xao gầy-còm, không có đánh
phấn như mọi khi. Tôi mỉm cười
ngó anh. Anh đáp lại bằng một
tia nhìn dăm-chieu tịch-mịch.

Sau này, trong thời kỳ đồng
bào Bắc - Việt di cư, tôi có tìm
kiếm các bạn cũ Hà-thành. Một
đôi bạn cho tôi biết là Lan Khai đã
bi Việt-Minh thủ-tiêu ở Tuyên-
Quang. Tôi nghe - ngào, không
nói được.

Thầy giáo.— 15 cộng với 9 là mấy ? Ai biết tôi cho 8 điểm.

Cu Tèo.— (đứng lên, giọng lính quính) Thưa thầy, con...

Thầy giáo.— Cứ chậm rãi mà nói, tính cho kỹ.

Cu Tèo.— Thưa thầy, con xin phép đi ngoài, con đau bụng, quá.

Nhà báo phỏng vấn một nhà soạn kịch tên tuổi :

— Cái gì trên sân khấu lôi cuốn ông hơn hết ?

— Những nữ kịch sĩ.

T.L.L.

CÁC THI-SĨ
CUỐI CÙNG
CỦA THẾ-HỆ
LÃO THÀNH



I.- CỤ ỦNG-BÌNH

* DIỆU-HUYỀN

Năm 1958, một
hình hỉnh như
vào khoảng tháng
3 d.l., nhà Bá-
học Bùu-Hội có
dưa tôi xem một
bài thơ nhan-dề :

XUÂN MẬU-TUẤT TỰ

THUẬT, và tác giả ký tên là :
ỦNG - BÌNH, THÚC GIẠ
THỊ. Bài thơ như sau đây :
*Phước của trời cho, lộc của
trời,
Lần lên tuổi thọ tám-mươi-hai.
Coi con bướm liêng từng quen
mắt,*

Nghe tiếng oanh chào chảng lợ
 tai.
 Sơn phẩn trò hè, nǎng kè lại,
 Bút nghiên nghè mọn, vẫn khoe
 chơi.
 Cứ ngâm-nghẹ mãi quên đầu
 bao,
 Quên cuộc tang - thương trai
 mấy đời.

Tôi đọc thơ, lấy làm thích-thú
 vô cùng. Thơ của một ông Cụ già
 82 tuổi mà vẫn còn nhẹ - nhàng,
 bùiüm-bẩy, thi-tú sâu đậm, thi-
 cảm dõi-dào, thật là hiếm có. Và
 thật là đẹp.

Tôi đọc thơ của cụ Ưng-
 Bình đã lâu rồi, do một ông bạn
 người Huế cho coi từ hồi tôi
 còn học ở Hà - nội. Nhưng tôi
 không ngờ rằng tác - giả là cháu
 nội của Thi - sĩ Tuy - Lý -
 Vương, và bác của nhà Bác-học
 Bửu-Hội.

Cụ sinh ở Vỹ-Dạ, Huế, năm
 1877, con cụ Hồng Thiết, có cả
 Tây học (cụ tốt nghiệp trường
 Quốc học Huế, đỗ đầu kỳ thi
 kỷ lục năm 1904) và Hán học (Cụ
 đã đỗ Cử nhân Hán học năm
 1909).

Làm quan triều Nguyễn, Cụ đã
 trải qua các cấp bậc từ Tri-
 Huyện lên Tri Phủ, Viên ngoại,
 Thị lang, Bố chánh, Tuần Vũ,
 Phụ Doãn Thừa-thiên, và được

thăng Thượng Thư năm 57 tuổi,
 Hiệp tá Đại-học sĩ năm 67 tuổi.
 Về hưu, Cụ được lòng tôn-
 kính và cảm mến của nhân-dân
 Huế, và được bầu làm Hội -
 trưởng hội truyền bá Quốc-ngữ
 Trung-kỳ, Viện-trưởng viện Dân
 biều Trung-kỳ năm 1940 (1)

Nhưng trước hết, cụ Ưng-
 Bình là một Thi-nhân và một nhạc
 sĩ tài ba lối lạc. Cụ có phong độ
 thanh cao của một nhà Thơ quý-
 phái, theo nề nếp phong lưu của
 dòng dõi thi-sĩ nhà già : Nguyễn-
 Du, Nguyễn Khuyến, Nguyễn-
 công Trứ, và chính Tuy Lý-
 Vương, nội-tồ của Cụ. Yêu cảnh
 nước biếc non xanh, cụ cũng là
 một hình bóng những Thi sĩ truyền
 thống của đời Đường, những Lý
 Bạch, Tô Đông - Pha, Đồ Phủ,
 hòa mình trong gió mát trăng-
 thanh, thả hồn theo thuyền thơ
 sóng mộng. Cụ tả cảnh Thu như
 sau đây thì tuyệt :

Xa xa bóng nhạn giữa trời thu,
 Nước biếc mây xanh lấn một
 màu.

Chuốc - chuốc tìm sâu trên vạc
 cỏ,

(1) Tài-liệu của bạn Phan-thể-
 Roanh, giám-đốc trường Đại-học
 Sư-phạm, Sài-gòn.

*Le-le nhởn sóng cạnh bờ lau,
Lẹ-làng nốt ruồi bơi qua đỗ.
Êm-thẩn thuyền lình đậu ở
đâu?
Lưu-thủy hành vân thanh đìệu
cồ,
Trên sông nghe văng dã lùi lâu!*

Nhưng hay hơn hết là những bài thơ tâm sự của Cụ, những bài tự thuật, hoặc mượn cảnh mà ám chỉ việc đời, với một nhận-xét mỉa-mai rất tinh nhí. Như bài sau đây :

*Cảm thương danh - lợi cả hai
thắng,
Kẻ chồng, người chèo, bộ xi -
xăng.
Ghét cụm bèo trôi che bóng
nước,
Giận chòm mây nõi khuất vành
trăng.
Chim khôn nhác bầy nhìn
không đậu,
Cá dại ham mồi thay phải ăn.
Câu hái bên sông thêm chanh
nỗi,
Ông chài lơ-lửng có nghe chăng!*

Cụ làm bài thơ này hồi năm 1932, tức là năm Bảo Đại vừa ở Pháp về, lên ngôi Hoàng đế, và chung quanh nhà vua bù-nhin trẻ tuổi ấy, có bao nhiêu kẻ « chầu rìa », ham danh ham lợi, và cũng

có những người chán ghét phường tục-tử, lú nịnh thăn.

Phong độ quân tử và thi nhân của cụ Ưng-Bình cũng phảng phất dịu dàng trong mấy vần thơ sau đây :

*Đường danh nén lời ngó đông-
đông..
Chen-chúc nhau chí đám bụi
hồng.
Kia bóng bạch câu qua chảng
lại.*

*Nợ tranh thương câu có - rồi
không.
Đớ cười đớ khóc bao sân khấu.
Khi nở khì tàn mây cụm bông.
Sao kifest phù-sinh cho khói lụy,
Quyền kính câu kè chó nát
công l.
(1934, 58 tuổi)*

VIỆC ĐỜI

*Kè từ năm Dậu đến năm Nay,
Xuân lại xuân qua cung thế
nay.
Trăng đỏ cuộc cờ đi đủ nước,
Xanh vàng mổi chỉ nhuộm nhiều
tay.*

*Hoa vươn Thương-uyễn không
ai ngắm.
Rượu chồn Sa-trường có kẻ say.
Hàng lệ non sông rời dã khắp,
Tấm lòng trời đất rõ ràng
đây l.*

(Kỷ-Sửu 1949 — 73 tuổi)

Thân thể của nhà Thi-sĩ lão-thành chứng kiến bao nhiêu cảnh vật tang thương, nhân tình đên đảo, kè cung đã chứa chan biết bao rung-động, biết bao cảm xúc, cảm động trong mấy vần thơ !

Chúng ta là lớp người hậu-sinh, chỉ đọc dải ba bài tuyệt diệu, cũng thông cảm được hết nỗi lòng hồi hộp băn khoăn của Thi-sĩ, dù là một tiếng thở, một lời than, ký thác trong âm điệu của mỗi dòng mỗi chữ.

Thơ của cụ Ưng-Bình Thúc Giả Thị vừa nhẹ nhàng, rang-nhá, vừa hàm súc bao ý-nghĩa. Cụ kế tiếp được những truyền thống thi cảm của Tuy lý Vương, truyền thống nho phong mà chúng ta cảm thấy như không còn ai tiếp nối nữa.

Một bài thơ như bài sau đây, của cụ Ưng Bình viết năm 1946, có thể nói là một kiệt tác thi-văn, không những của thế kỷ 20, mà là một kiệt tác của tất cả các thời đại :

*Ngưởng mong ơn Phật với ơn
Trời,
Tuổi thọ ray đà đốn bảy mươi.
Rượu có mùi hương nên uống
mãi.
Thi là thuốc bồ câu ngâm chơi !
Thuở ra sân - khẩu không làm
rộn,
Khi hạ vai tuồng ít hề người.
Giờ tắm gươm vàng soi tóc bạc,
Gương pha tuyệt diêm lại càng
tươi.*

Thơ Điròng Luật điêu luyện đến mức nghệ thuật toàn thiện toàn mỹ như thế, xin hỏi cả một thế kỷ có được bao nhiêu bài ?

Ưng Bình Thúc Giả Thị không phải là một Thi sĩ. Cụ là một thi hào.

Kẻ hậu sinh viết bài này và các bài kế tiếp, chính là muốn làm bôn phận dâng lên những lời kinh cảm khen tặng các bậc Thi-bá của tiền bối thế kỷ, đang sửa soạn từ già cõi trần một sớm một chiều, — những Thi - ông tóc bạc nhưng thơ vàng, mà chúng ta sẽ không còn kiếm đâu được nữa trên mảnh đất Việt Nam.

DIỆU-HUYỀN

**Quan tâa.— Sao anh dùng dao mà đâm người ta vậy ?
Tôi nhân.— Dạ, vì tôi không đủ tiền để mua súng lục.**

T. L.L.

NHƠN LỜI TUYÊN BỐ
CỦA GIÁO-SƯ MEILLON

NÓI VỀ TÌNH HỮU NGHỊ

Phò-Thông số 19, số đặc-bié特 Trung-Thu, có đăng tin Giáo-sư Gustave Meillon ghé thăm Tòa-soạn Phò-Thông.

Ông cho hay rằng Phò-Thông được đồng bào ở Pháp đọc nhiều và chính ông cũng là một độc-giả trung thành.

Ông tỏ ý muốn thắt chặt tình hữu-nghị Văn-hóa Việt-Nam và Pháp.

Tôi không lãnh-đạm được với tin này vì nó có liên quan đến một mối tình hữu-nghị cao đẹp, nhất là tình thân hữu-nghị Văn-hóa đối với một nước đã từng lãnh trách nhiệm khai hóa Việt-Nam trong gần một thế-kỷ.

Hồi còn người Pháp cai-trị

xứ này, chúng tôi nghe nói đến hai chữ Văn-hóa với một thái-dộ dè-dặt vì hai chữ đó bị lợi dụng rất nhiều. Ông Toàn-Quyền, ông Thống-Sứ, ông Khâm-Sứ, ông Thống-dốc Nam-kỳ lâu lâu cũng nói đến văn-hóa và sứ-mạng khai hóa của Pháp-quốc ở Việt-Nam.

Nhưng nói là một chuyện mà làm lại là một chuyện khác. Hoặc nó đến những cái đẹp đẽ dè che dậy những công việc làm trái ngược. Những nhà cách-mạng Việt-Nam nhiều người đã nói huých-téc ra rằng : « Nhà tù nhiều hơn trường học ». Mà ngay ở trường học người học-sinh và sinh-viên Việt-Nam cũng không được lãnh hội đầy đủ trọn vẹn cái Văn-hóa tốt đẹp của Pháp. Khi ra trường họ chỉ vừa dù tư

cách làm người cộng - tác bức
dưới của chánh quyền thuộc địa
chứ đâu đã xứng đáng là những
nhà văn hóa đúng với cái nghĩa
của nó. Từ ngày chính phủ thuộc
địa buộc lòng phải mở trường
Đại-Học Hà-nội và cho xuất-
đường du học thì mới sản-xuất
ra được một số trí thức biết say-
mê văn-hóa Địa-Trung-Hải và
yêu mến chủ nghĩa nhân bản của
Pháp. Chính trong những giờ
phút lâm nguy của chánh quốc đã
có những đứa con «tinh thần» ở
thuộc địa xin tình nguyện tùng-
chinh để bảo-vệ những cái gì cao
đẹp nhứt của nền văn-minh Pháp.
Hành động của họ khác hẳn với
công việc làm của những kẻ
đánh giặc mướn vì những động-
cơ tăm thường thấp thỏi.

Nhưng chính những đứa con
tinh thần đó cũng phải chán ngán
não nề về cách đối xử của chánh
quyền thuộc-địa đối với đồng-
bào và ngay đối với bản thân
của họ.

Họ kêu gào, họ đòi hỏi một sự
thay đổi trong chánh sách của
Pháp ở Việt Nam. Nhưng họ đã
tinh ngó mà thấy rằng chánh-sách
đó không thể nào thay đổi được
một khi nó đã bị chi phối bởi chủ
nghĩa thực dân. Họ thấy rằng họ

chỉ có một đường đi là đi làm cách
mạng với đồng bào của họ để
giải phóng đất nước khỏi sự đô-
hộ của ngoại quốc. Họ còn nhớ
lại tất cả những cái gì họ đã học
được của Rousseau, của Montes-
quieu của Victor Hugo, của Jean
Jaurès.

Họ lấy làm đau lòng mà trở-
thành đối thủ của nước Pháp-
quê hương của những văn-hào nói
trên.

Chính trong thời kỳ kháng-
chiến kè viết bài này đã được
tiếp xúc với cụ Hàn Georges Du-
hamel do Cao ủy Bollaert mời qua
để tranh thủ trí thức Việt Nam.
Cụ đã kinh ngạc mà thấy rằng
hầu hết những trí-thức tiêu-
biểu cho dân - tộc này đều
ở bưng - biền hay đều thân kháng
chiến. Tiếng chuông cụ nghe ở
Cao ủy phủ khác hẳn với
tiếng chuông cụ được nghe trong
giới trí thức Việt - Nam. Rốt
cuộc cụ phải cho chúng tôi là có
lý, cuộc kháng chiến là chánh
đáng và chủ - nghĩa thực dân đã
lỗi-thời. Nhưng cụ là con người
thích yên - tĩnh đê trầm tư, cụ
ghét cả những tiếng ồn-ao của vô-
tuyển - điện thì không lý nào cụ
lại thích nghe những tiếng bom
nổ, dạn bay và thấy những cảnh
tàn phá của một trận giặc không

nên có. Cụ khuyên chúng tôi nhẫn-nại, cụ chủ - trương những giải pháp hòa-bình để cứu vãn lại tình hữu-nghị giữa hai dân - tộc anh em. Chúng tôi thông-cảm tất cả nỗi lòng của một nhà văn-hào giàu lòng nhân-đạo và tha - thiết với hòa-bình, mặc dầu chúng tôi cũng biết thực-dân chủ-nghĩa chỉ lui bước khi nó đã hoàn - toàn thất bại trước sức quật - cường của cả một dân-tộc.

Nay nước chúng tôi đã độc-lập. Nếu còn có điều gì chưa vừa lòng chúng tôi thì cũng chỉ trong phạm - vi nội-bộ.

Thực-dân chủ-nghĩa đã dứt áo ra đi và tất cả những cái gì gọi là tàn-tích của nó lần lần bị bôi-bỏ.

Những tên tuổi của các ông đế-đốc, của các vị đại-tướng, của những kẻ đã đến chinh-phục xứ này đã bị thay thế bằng những danh nhân Việt-Nam, nhiều nhất là những nhà ái-quốc Việt-Nam. Tuy nhiên, chúng tôi còn giữ lại những tên Pasteur, Yersin, Calmette. Và chính phái - bộ Văn-Hóa Pháp cũng đã lấy tên J.J. Rousseau thay thế cho tên Chasseloup Laubat ở một trường trung học Saigon mà học - sinh Việt-Nam đông hơn học-sinh Pháp.

Không phải chúng tôi chỉ nhắc nhớ tới mấy tên đó mà thôi. Trong giới trí - thức Việt - Nam chúng tôi bây giờ càng nhận thấy rõ hơn cái giá - trị nhân - bản của nền Văn - Hóa Pháp và yêu mến một cách thẳng thắn vàtron vẹn tất cả những người đã phục vụ cho nền văn-hóa đó.

Trước kia, ngay hồi Pháp-thuộc, chúng tôi đã phải dè dặt khi đề cao văn hóa Pháp vì đồng bào chúng tôi sẽ không tha thứ cho chúng tôi «khen Tây». Đổi với họ Tây với thực dân chỉ là một.

Nhưng nay chủ nghĩa thực dân đã hoàn toàn lui bước thì tất cả các nước đều là bạn của Việt Nam.

Riêng đối với nước Pháp cái tình bạn đó càng được bồi dưỡng bằng những liên lạc tinh thần thân thiết và cao đẹp vô cùng. Hình như Aristote đã nói: «Bình đẳng là điều kiện tất yếu của tình bạn» (*L'égalité est une condition essentielle de l'amitié*).

Hồi còn thực dân chủ-nghĩa, không thè có tình bạn giữa chính quốc và thuộc địa vì không thè có tình bạn giữa chủ và tú. Bây giờ địa vị đã đổi thay. Pháp quốc với

'Việt Nam là hai nước bạn thì
vình hữu nghị giữa Việt - Pháp
mới thiệt tình được hồi phục.
Không còn có chủ nghĩa thực dân
thì không còn có gì làm chúng tôi
phải dè dặt đối với một nền văn
hóa ngoại quốc mà chúng tôi đã
hiểu biết nhiều hơn hết và nhìn
nhận rằng nó rất cần thiết cho
nền văn hóa của chúng tôi

Chúng tôi sung sướng mà được
biết rằng ngoài những đồng bào
của chúng tôi ở Pháp chính một
số người Pháp cũng chú ý tới
văn hóa và văn học Việt Nam.
Có qua có lại mới toại lòng nhau.
Một lần nữa lại được chứng
minh câu nói của Aristotle: «Bình
đẳng là điều kiện tất yếu của tình
bạn.»

Một khi chúng tôi đã biết rằng
các bạn Pháp không lãnh - đậm
thờ-o đối với công việc của chúng
tôi thì chúng tôi lại càng cần phải
chú ý nhiều hơn, thận trọng nhiều
hơn khi cầm bút.

Không còn chủ nghĩa thực dân
nữa thì Văn-hóa Pháp càng thêm
tươi đẹp và sáng tỏ. Cũng như
Văn-hóa Việt-Nam, tuy không
dám đem ra so-sánh, nhưng cũng
thấy nó phải tiến hơn khi nó còn
chủ nghĩa thực dân thao túng.

Giáo-sư Meillon chắc cũng
đồng ý với chúng tôi mà tin rằng
tình hữu-nghị văn - hóa giữa hai
dân - tộc chúng ta phải thoát ra
ngoài sự ràng buộc của chánh trị
mới thật sự tốt đẹp, lâu bền và
bồ ích lẫn nhau.

*Cái giận của ông thầy giáo kia có tiếng, và đám học trò nhỏ
của ông rất sợ những khi ông « lôi đinh chí nộ ». Bùa nợ, trong
giờ đà đư, ông to giọng :*

— Trò Tèo, trò làm thế nào đè chung minh là quả đât tròn!

 Cu Tèo đứng lên, mặt tái xanh : — Thưa Thầy, em có nỗi
quả đât tròn bao giờ đau ạ.

★ MÂU THUẤN

Một người bạn của một nhà văn trình thám trách ông sao trong cuốn
truyện vừa rồi của ông, ông cho vào nhiều xác chết quá. Nhà văn đáp :

— Có thể cuốn truyện mới sống đáy, anh à.

T.L.L.

Tao-tìn Thơ-vợ Chồng

— ★ —

(Tiếp theo P.T. số 20)

XXIX

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng ?
Ngắm cảnh trời thu dạ cảm thương.
Non nước rạng ngời soi bóng nguyệt,
Cỏ hoa khô héo gọi mùi sương.
Lanh lùng ải Bắc trông man-máu,
Yên lặng miền Nam dẽ nán nương
Mới biết chim khôn tìm chỗ đậu,
Trên không cánh nhạn đã quen đường.

Bác-thập-tam tuế lão phụ
ƯNG-BÌNH Thúc-Giả-Thị
(Hương-Bình Thi-xã — Huế)

*Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng ?
Lá rụng bên Nhà, gió cuốn sang,
Xao-xuyến, ngậm-ngùi tình lâ-thú,
U-hoài tha-thiết cảnh Quê-hương !
Nam Thu hòa khúc reo tơ ngọc,
Âu da său ngâm tẻ phèm đan !
Cảm-mến Thi-nhận, duyên bút mặc,
Gọi là chung góp cuộc hân-hoan.*

TRỊNH HOÀI-QUỐC

(Đại-học Bách-Khoa — Paris)

*Thu ơi ! ai nhuộm lá thu vàng ?
Ai đè lòng Thu gió lạnh sang ? !...
Lối cũ trúc bùồn lên vút vút,
Hòn xưa mây trắng giải mang mang.
Nghìn năm giấc mộng nghìn năm vẫn ...
Chín kiếp con tằm chín kiếp đan..
Một chuyến Thu trời trăng tiếng lệ,
Thu ơi ! mùa ngút dặm mơ màng ...*

CUỒNG-VŨ
(Phóng Chiến-tranh tâm-lý)

*Bóng ác lơ-thơ, nhạt sắc vàng ;
Cành ngô đồ lá, rắc gleo vàng.
Mẩy làn mây tỏa, mờ trăng bạc ;
Bao trận mưa tuôn, lắn gió vàng.
Đôi cỏ xanh um, hường ảng ảng ;
Đuợm sương trong vắt, cúc vàng vàng.
Cô đèn rực-rỡ, què ngon-ngọt ;
Đàn trẻ vui trong cảnh mộng vàng.*

LÂNG-BA

(Chánh lục sứ Tòa án — Cần thơ)

Thu đẹp tơ nang vàng
Máy chiề bay lang thang
Đây mùa thu xa cách
Đôi bờ hận Bắc Nam
Ra đi ngày ngưng chiến
Non nước sầu mang mang
Đất Thiêng hun uất-hận
Trí lớn thua sai-lang
Giận đồi khinh tay trắng
Cẩm thú lũ tham quan
Một phen thè rủa nhục
Nhìn quê hương điêu tàn
Bao thu xa khói lửa
No ám thêm vững vàng
Đêm đêm rong đèn sách
Quán gì nỗi gian nan
Chờ Thu mai quật khởi
Thông nhất toàn giang-san

TRẦN-QUÂN-BẢO
(Quảng-Ngãi)

Ai xui Thu đến gọi lợ vàng
Một bến thuyền mơ em quá giang,
Theo lệ, tiễn đưa năm bày chữ,
Lấy tình nhân nhủ một đôi hàng.
Tiếng đời bạc má cam lời mía.
Miệng thế hồng nhan chju lê oan.
Tha chúa trời mùa, người đá vắng,
Buồn tình lá chẳng muốn thu sang !

MINH-VĂN — K.B.C. 6.086

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng ?
Màu lá vàng khô, rủ sắc tang.
Sóng gọn hờ thu, cơn gió thoảng,
Sen tàn đầm hạ, bóng chiều sang.

Mây tan, trăng tạnh, hồn mơ mông,
Chiều xuống, ngày qua, tuổi luồng tàn.
Bao cảnh thu xưa trong khói lửa,
Sầu cho nhân thế, giác mơ màng.

PHÙNG-CÔNG-DOANH T.T.

(Nha-trang)

Tir độ bèn song lá rụng vàng,
Ta nghe lạnh lạnh gió thu sang ;
Trường giang mây sớm sâu khói trơng...
Ngõ trúc sương khuỷa lè nỗi hảng...
Nắng nhạt, vườn ai hoa ủ-rủ.
Hương phai, nội cỏ nguyệt mơ màng
Nam Thu Hòa Khúc «Tương tư hàn» ;
Lạnh lẽo thăm trăng thiếp đợi chàng.

BÙI TRẦN CHÂU

(Phú-Yên)

Tèo gió đưa rơi vạn lá vàng,
Gọi lòng thiên hạ nhớ thu sang.
Mưa bay lát-phát lòng sông vắng,
Nắng giải mờ-hồ buồi chợ tan.
Đầu xóm lão bà canh quán nuốc,
Cuối thôn, cô gái buộc dò ngang.
Quanh vườn bướm nhỏ vòn hoa cúc,
Lặng tránh hồ sen cuối Hạ tàn.

THỦY-VÂN-TÂM

(Số 4, đường Tự-Do — Sài-gon).

Lại một mùa thu trút lá vàng,
Trời Nam chiếc bóng ngậm ngùi than !
Hãi hồ đang tiến, đường chim lấp,
Sợ nghiệp chưa thành, mộng bướm tan !
Oán hận muỗi năm cay tuế nguyệt,
Phong trần nửa kíp hẹn giang san !
Xa xăm hướnq lại miền quê mè,
Nghi ngút mây chiều tỏa ái-quan !

PHẠM VĂN SƯ

(Ty Quan thuế — Tân-châu)

Làn gió heo may gợi lá vàng
Đã sầu hiu hắt tiếp thu sang
Mưa rơi, chợt nhớ tình son trẻ
Lá rụng, càng thương nghĩa cũ càng
Lối ấy đi về sao lảng lặng
Đường này qua lại vẫn mênh mang
Ngoài song gió lạnh lòng tôi lạnh
Tưởng đến thu xưa mây phủ phàng.

ĐẶNG-ĐỨC-CÔN
(121 Hai Bà Trưng — Saigon)

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng ?
Thu đến « Tao-dân » nét điểm trang !
« Ngọc diệp » bầm gan đành chắc-lưối,
« Kim-chi » tim ruột biết màn-răng !
Sán ngô giậu trúc... buồn cha-chá !
Oán nọ thù kia... nhớ khắng-khăng.
Ôi ! khúc « nam » thu, dân phải...nữ...?
Bình quyền ông Vỹ chắc cho dặng !

KIM-CHI
Nguyễn-thị-Phuơr
(Nha-trang)

Thu ơi ! Ai nhuộm lá thu vàng,
Ai dè nàng Trăng biếng điểm-trang
Mây tối hờ xưa giờ vắng-lặng
Mưa và song cũ dệt mơ-màng
Bên ní sông núi buồn hiu-hắt
Bên nớ hoàng-hôn nhớ ngắn-ngang
Biết đến chừng mô mà uớc-hẹn
Chùr đây thu-té lạnh giang-san.

NGỌC-PHAN
(Số 9 kiệt 5 đường Ngugễn-Hiệu — Huế.)

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng ?
 Vô tận san hô chợt cải trang,
 Khô héo mòn che ve ấp úng
 Tít mù sương phủ nhạt kêu vang.
 La tha mây cụm bên song cửa,
 Xào xạc nấm cành phia mộng đàng.
 Ướm hỏi nàng thu nàng có biết,
 Nao nùng đêm ấy lạnh thèm trăng.

NGÔ-DIÊU

(Hoa - kiều, Lý sút-tri-tuồng — Nhà trang)

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng ?
 Hồng tía hồn đeo vẻ phụ phàng..
 Nước dọn trời xanh trăng lấp bắc.
 Cúc phai nhụy thăm phượng ướm tàn
 Hướng vầy cánh vẽ rời non Bắc
 Ô kết cầu Ngân đợi bến Giang
 Nhấp chén Hoàng-hoa say lại tĩnh
 Rộn ràng Xích-tử vịnh Thương-lan.

Tú-Tài nho học : NGUYỄN-THIỆU
 (Xã Xuyên-Thái — quận Duy-Xuyên Quảng-Nam)

Thu ơi ! Ai nhuộm lá thu vàng ?
 Thu lại miền Nam hóa điểm trang,
 Nước biếc, non xanh hỏa khi sắc
 Mây lạnh, biển lặng hợp không gian.
 Gió ca réo rắt ngày Hâm-sáu,
 Tiếng nhạc êm đềm bùi dạ quang.
 Thu đến bên ta ngưởi viễn xứ
 Ôm lòng sầu hận cảnh ly-tan!...

VŨ-HUYỀN-DƯ

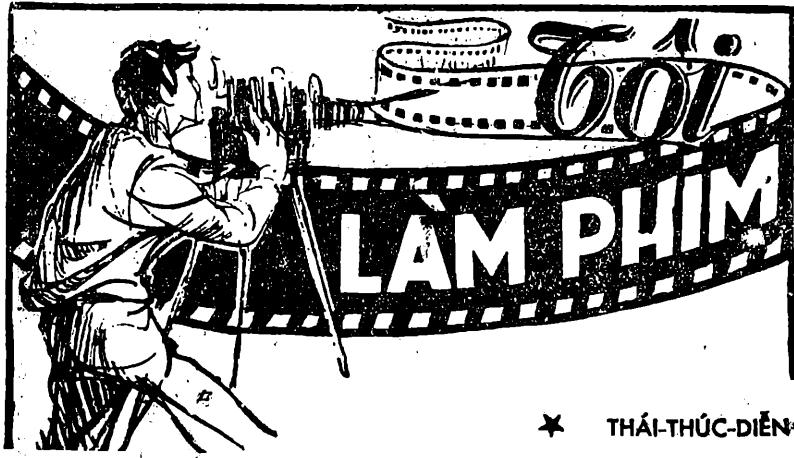
(K.B.C. 6084 Đại đội 11)
 (Còn nữa)

ĐÍNH - CHÁNH

Trong bài số XXVIII của bà HỒNG-THIỀN trong P. T. số 20,
 trang 74.

Xin sửa lại 2 chữ sắp lộn :

Bóng nhạn xu vời cơn gió BẮC (in lộn là (lõe))
 Tình quê hương mãi áng mây HÀNG (in sót chữ G)



* THÁI-THÚC-DIỄN

(Tiếp theo P.T. số 20)

CÀU chuyện của M. kể lại khuya ấy, giữa chốn rừng sâu vắng lặng khiến cho chúng tôi bùi ngùi thương cảm :

Năm ấy, khói lửa đang lan tràn trên khắp giang-sơn đất Việt. M. lên 16, cái tuổi bắt đầu hồn rỗi và cẩn cứ, buồn vơ vẩn và thích làm trai ý tắt cả mọi người.

Nhà M. ở vào một xóm nghèo hẻo-lánh vùng ngoại-đô-thị vì gia-đình M. không lấy gì làm khá-giú.

Có thể nói khu vực ấy chịu ảnh hưởng tuyên-truyền của kháng-chế. Thường có những tin đồn nhiều thắng-lợi về-vang. Và M. như mọi công-dàn khác đã từng học sử-ký nước nhà cũng nuôi hoài-bảo một ngày kia tròn lắn máu mình với máu

người để làm tròn bổn phận của người yêu nước. Ba M. là một cựu giáo-sư, vì thời-cuộc trở nên một dàn thợ, tánh tình ngang-tàng của những người bắt đắc chí. Ông ta đã từng xuất-dưỡng đi thi một chàng-trời mới nhưng ở đâu cũng thấy dây-đay bất-công...

«Đêm ấy, —M. nói— có lẽ khuya lăm thì phải. M. đang nằm ngủ ở chiếc ghế bố kê tại phòng ngoài bỗng nghe tiếng xi-xầm, sực tĩnh, hé mắt nhìn theo ánh đèn. Bên chiếc bàn thờ kệch, M. thấy Ba M. đang to nhỏ với một chàng thanh niên lợ mặt. M. cố lắng tai nghe. Họ nói với nhau quá nhỏ, thỉnh thoảng vang lại những tiếng : «tổng tấn công.. thắng lợi.. đồng bào.., quân địch thất bại..» M. cố gắng nằm yên.. và suy nghĩ. Lối xóm thường

đòn dãi có một ban tuyên truyền bí mật đang hoạt động trong địa phương. M. tờ mờ mong gặp mặt các người gan dạ đó.. M. chú ý đến nét mặt của chàng thanh niên rắn rỏi, nồng sực đầy vẻ cương quyết. Nhát là đôi mắt dãm dãm long lanh dưới ánh đèn, có một sắc thái bén nhọn quyến rũ. M. bỗng cảm thấy mến con người lạ mặt và ước mơ cuộc đời sóng gió của chàng.

Giọng chàng ấm ám, dày tin tưởng khiếñ cho M. tưởng thấy từng đoàn quân, những đứa con thân yêu của đất nước đang hăng hái tiến lên... rồi M. thiếp đi. Đến lúc mở mắt thì trời đã sáng và người lạ mặt cũng bỏ đi tự bao giờ. M. muốn hỏi Ba nhưng lại sợ. Thật là nao nức...

Bảng đi một dạo, rồi một chiều mưa, người lạ mặt ấy lại đến. Anh ta đến với mục đích là gặp Ba M. có chuyện cần... Nhưng Ba M. đều vắng mặt. M. lấy làm hãnh diện được tiếp đón anh ta. Lúc ấy làm sao ấy, hình như chúng tôi đã quen nhau từ thuở nào ! M. nói dối Ba M. sẽ về trong chốc lát. Cái chốc lát ấy kéo dài đến lúc hoàng hôn xuống. M. đốt đèn... Ánh đèn lai nỗi bật nét mặt gió sương của người khách lạ. Giọng M. lúc bấy giờ có lẽ thành khàn lăm ném đã khiến cho X. nói rõ cả họ tên và vai trò của X. trong công cuộc dành lại Độc-Lập cho nước nhà. X. đến hoặc đi ngang tạt ghé nhiều lần. M. và X. trở nên thân

mặt. Ba M. không quá nề nề sự tiếp xúc không bị hạn chế và nghi kỵ. Vả lại X. có những cử chỉ thẳng thắn gieo tin. Một hôm M. ngỏ ý muốn theo X. lên khu X. ngập ngừng.. nhưng về sau hẹn một ngày sẽ đón M. tại một ngả ba đường...

M. không quên xin phép Ba M. Ba bằng lòng nhưng M. còn đợi Ba thuyết phục mới khứng chịu.

Chiếc xe ngựa lắc lư trên con đường gập ghềnh lồi lõm. X. và M. như hai anh em ruột về thăm ngoại.

Chiều xuống.. Con đường quanh co đưa đến một khu rừng hoang vắng soi mình trên một giòng sông lững lờ.. Tiếng gà rừng, tiếng vượn hú những âm thanh kỳ diệu, M. chưa từng bao giờ nghe thấy làm cho M. bồn chồn quá đỗi. X. yên lặng rảo bước, ít nói chuyện, M. bỡ ngỡ không dám hỏi nhiều.

Đêm đến, X. và M. cùng bước vào một khung cảnh đã từng mò ước từ lâu khiến M. và cùng xúc cảm X. giới thiệu M. cho các bạn đang quây-quẩn bên bếp lửa. Nét mặt của họ, phản chiếu sự nhọc-nhăn lao-khổ, nhưng vẫn cương quyết tin-tưởng lật-lùng. Họ dang kè cho nhau nghe những chiến - công của những người ngoài kia ..ngoài đạn lửa. Giọng nói của họ có mảnh - lực hấp dẫn vô-cùng. Mọi người chán chán nghe mãi cho đến lúc lửa tàn...

Đêm ấy M. chia chǎn cùng một chị nữ-cứu-thương có đôi mắt

long lanh, và thao-thirc mãi cho đến khi tiếng chim từ-quy vang dậy.. Tiếng từ-quy thê-luong cô quạnh làm sao... Và cũng như đêm nay M. đã khóc...»

— Rồi sao nữa M., giọng của A.T. ngại ngủ vang lên, trong khi M. như nghe... ngào...

Rồi... M. tiếp M. : « trở về đây... Ít lâu, X. ghé lại chào Ba Má và M. lên đường đi công tác tận một nơi có lẽ xa lăm. M. không dẫn được lòng khóc.. X. nét mặt vẫn bình tĩnh cương quyết không đượm buồn :

— Chúc M. ở lại mạnh - vui để chào đón ngày chiến thắng...

Lúc X. đi khỏi, Ba Má nhìn M. ái-nghai :

— Buồn mà chỉ con. Anh đi rồi ảnh sẽ về.. Về rồi tha-hò mà vui...

Nhưng, cái mộng sống chung với X. dưới một mái nhà không bao giờ thành-tựu.

Rồi Hiệp - định Genève.. X. không thấy trở về. Một hôm, có một người là mặt ghé lại nhà, trong lúc M. đi vắng.

M. nhớ đêm ấy Ba Má nói chuyện rầm-rì với nhau lâu lắm.. M. thì thao-thirc mãi, trả qua trả lại và thấy nóng ruột lạ thường.. Đến khuya, M. bước đến cạnh giường yên mùng ngồi xuống cạnh M. nhỏ-nhé hỏi :

— Con ngủ chưa con, M. !

— Gi vậy Má ?

Má M. ngừng một lúc lâu rồi đồng nói rất nhanh :

— Anh X. chết rồi con ạ.

— Sao Má biết ? Má đừng nghe họ đồn bày !

— Chết trong trận D.B.P. mất cả xác... Tội-nghiệp !

M. không nói thêm được một câu nào, lịm đi... và không khóc được nữa. Tin ấy đến quá đột-nhiên và M. bỗng thấy đời đen tối lạ-lùng..

Tiếng chim từ-quy đâu đó cất tiếng kêu khoắc-khoải. »

Chúng tôi im lặng nhìn ánh lửa tàn.. để cho M. khóc... khóc nữa cho voi nỗi buồn bất tận...

Anh Đạo diễn ở đâu lù lù đi lại, đưa tay xem đồng-hò..

— Gần 5 giờ sáng rồi đấy ! Sứa-soạn thi vừa ! Mai đây còn nhiều đoạn quan-trọng.. Phải quay gấp buổi sáng.. sợ chiều mưa.. Chà ! lửa ấm quá nhỉ ! Sao ? cô M. khóc hả. Nhớ nhà chú gì ! Thôi chịu khó ai chiều nay xin dãi các Cô đi cửa-tuồng Fenêtre sur cour của Chúa Hit ! O.K. chưa t... .

Tôi ngoanh lại không thấy A.T. đâu nữa, trời đã hừng đông.. Tôi đỡ giốc xuống suối định đi tắm. Khi ngang qua gốc cây si, thấy có dáng người dựa bên gốc, đờ-dẫn như một khúc gỗ. Tôi bước lại gần, đưa tay lay thì ra A.T. đang gục đầu vào thân cây khóc muối...

★
Trưa khi ấy, quay xong các màn, trừ một. Màn này theo đạo diễn phải quay bằng cách lấy góc ảnh

phóng xuống (plongé). Mà ở giữa rừng sâu suối thăm này tìm đâu cho ra một cái xe cần-trục để treo «máy-bắc-thợ-quay, phu-thợ quay » tòng-teng lên giữa lồng-chirng trời để quay cho được góc ảnh « à la Hit-Cốc » của Đạo-diễn....

Chúng tôi đang ngồi suy-ngẫm để giải-quyet cấp-tốc cái chõ « chân đứng » của bác thợ quay thi đạo-diễn rú lên một tiếng thất-thanh. Tôi giật nãy mình đánh-thót một cái, ngó ngoài lại nhìn, tưống rằng đạo-diễn đã bị cõi công di mất hay bị kiến vàng nhốt trúng mòng, thi chỉ thấy anh ta một tay chỉ lên trời mồm há-hốc...Theo chiều tay chỉ tôi đưa mắt nhìn thi thấy nơi chia ba của một cành nơi một thân cây thẳng đuột cao ngất, anh L. đang nằm vắt véo. Anh L. là phu-tá thợ quay chuyên-môn sira, « mi » ống kính. Tôi đang tìm hiểu làm sao anh L. lại có thể treo cao như thế thi anh ta cười lớn và chỉ vào mấy sợi giày leo lồng-thòng xuống. Có tiếng vọng lại.

— Tarzan nỗi giận đấy !

Rồi anh hú lên một tiếng vọng đi khắp cả khu rừng.

Nhin xa, tôi trông anh ta như một con khỉ đột với chiếc quần -đồ hoét chiếc áo rắn-ri. Anh em vỗ tay hoan-hò. Có kẻ bảo, anh này hồi trước ở trong gánh xiếc Trần-Nhật-Tân chuyên môn nhào lộn trên giày...

Tìm được chõ «chân-đứng» liền phải nghĩ cách đem máy lên. Anh X.T. phụ đạo - diễn đề-nghi dùng cáp móc vào đít xe hơi một đầu, còn một đầu cột chiếc thùng đựng máy. Sợi giày sẽ vắt ngang qua cành chia ba làm như cái róc-rách thiên-nhiên. Bè-nghị được áp-dụng. Bấy giờ nhìn lại máy nằm chính-inh trong chiếc thùng tòng-teng mới rõ cái tài chế-biến của người mình.

Máy lên tới chia ba đã có anh « Tarzan » hứng lấy, khệ nệ đặt, buộc chân ngắn kỵ-càng vào các cành. Giờ đến lúc « bốc » bác thợ quay lên. Bác cũng lên một đường với máy, bình tĩnh, vì bác đã từng được máy « bốc » ở hải cảng kéo lên đặt xuống nhiều lần trước.

Tôi nghiệp cho anh L. phải nằm-vắt-véo lên một cành, vừa phủi kiến vàng, vừa « mi », trong khi tài-tử tập dượt đi từ xa đi lại.

Anh em mời đạo-diễn lên chia ba chơi, nhưng anh ta nói không thích leo cao vì sợ té nặng, chẳng-thà chán dụng đất...

Đoàn này quay rất nhanh, nhung sấp-dặt, kéo dài rất lâu. Ất nãy thấy kiến bò trong bụng cả và nhất là khát nước... thì Tarzan từ trên chòm cây du giày xuống đem theo cái thùng lúc nãy với một thùng dày « lòng-bong »... những quả tròn, bé, mùi-vàng rơm sáo mà ngon thế!

Bỗng-nhiên nữ tài tử N. rú lên. Chúng tôi chạy lại thi thấy máy

chú sên đen ngòm đang nhường
minh hướng theo « hơi người ».

Tarzan lầm bầm :

— Cái túi sên mắc dịch mà
cũng biết nhận định mùi tài tử
nữa hả ?

Anh em cười rộ !

— Mấy anh quỉ này nữa ! Người
ta sợ thất hồn dây nè, còn cười !

Bỗng có tiếng ré lên :

— Ủa ! gì vậy ?

— Nó nữa !

— Nó ? gì ? ai ?

— M. nhìn kỹ, mặt ửng hồng.

Con rắn hổ đất ghê rợn chỉ là
một nhành cây khô rún.

— Bắt đèn Ô. Đạo diễn đã gieo
cái dịch rú ! tại ông rú lên trước
bây giờ ai cũng rú theo cả !

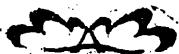
— Có tiếng rú nữa kia !

— Hú, hú ! Cơm chín rồi... Tất
cả cất lên một tiếng : « À » thoái
mái...

— Rú cơm rú gạo như vậy
mới đúng chờ !

Anh « Tarzan » vừa gãi cánh
tay bị kiến đốt vừa đứng dậy
uể-oải...

(Còn nữa)



* CHẠM ĐÈN QUYỀN LỢI

Bác sĩ.— Ông hãy để trí nghỉ yên. Đừng lo gì cả, thì bệnh
chóng khỏi.

Bệnh nhân.— Món tiền thuốc của bác sĩ, tôi không biết xoay
làm sao để có trả cho bác sĩ.

Bác sĩ.— Ấy, cái món đó thì phải lo có cho tôi, không tôi đưa
ra tòa đấy.

* THỰC NGHIỆM

Tuấn.— Anh à, cái ca-rốt là món ăn chính của giỗng thỏ.
Do đó, tôi suy nghiệm và tôi quả quyết rằng ăn củ ca-rốt làm che
mắt mình sáng.

Khanh.— Anh lấy gì làm chắc ?

Tuấn.— Chó anh thấy có con thỏ nào mang kiến cắn-thị
đau ?

* TỬ CHÒI KHEO

— Anh a, tôi có việc cần, anh cho tôi vay tạm 500d.

— Khô chua, những lúc tôi có, anh lại không hỏi.

— Những lúc nào anh có ?

— Những lúc mà anh không hỏi.

T.L.L.



* XIA RĂNG

Sau bữa ăn, hoặc trong bữa ăn, trước mặt mọi người, bắt cứ là khách lạ hay bạn bè thân thuộc, phép xia giao thông thường mà các bạn đều biết, là buộc chúng ta không được há miệng mà xia răng. Nhiều người nhẹ cả hàm răng ra mà thọc que tăm vào xia, một cách hết sức bất lịch-sử. Chúng ta phải triệt để tránh cử-chỉ đó.

Đa số người lấy bàn tay che miệng để xia răng, và xia thật lâu, đó cũng không phải là một cử-chỉ tốt đẹp lắm đâu. Vì làm như thế trước mặt mọi người, khác nào như đe cho mọi người công nhiên thấy răng « tôi xia răng đây » !

Tốt hơn, và nhã-nhặn hơn hết là ta xia răng một cách kín-déo mà tự nhiên hơn một chút. Không cần đưa cả bàn tay trái lên để che miệng. Tay mặt cứ cầm que tăm xia, nhưng mấy ngón tay liệu che bót que tăm ở phía ngoài, và vẫn ngậm môi. Như thế, mấy ngón tay phải vừa che cái que tăm vừa che mi ng và xia răng thông-thà, làm như là mình không chú - trọng đến việc xia răng mà cũng không ai đề ý.

Chúng ta nên nhớ rằng trong bữa ăn với bạn-bè, khách-khứa, nhứt là trong các đám tiệc, xia răng là một việc bắt đắc dĩ. Cho nên khi nào cần-thiết lầm, như bị miếng đồ ăn dính vào khe răng

* CÔ BÌNH MINH

làm cho ta khó chịu nhai không được thì ta mới xả nó ra. Còn như không khó chịu, thì thôi! Đè ập xong, lúc về nhà hãy xả răng và súc miệng luôn thè.

Chúng ta lại nên tránh hai điều này :

1) Xả-răng xong rồi, là kín đáo, vứt que tăm đi, chớ không nên ngâm que tăm trên môi mà nói chuyện. Nhiều người lại ưa ngâm que tăm nói khoé miệng và cười nói, thật không đẹp tí nào.

2) Ra đường, không nên xả răng.

* HO VÀ HỈ MŨI

Trong bữa ăn, lỡ chúng ta muốn ho, hoặc hỉ mũi, thì chúng ta luôn luôn phải đè khăn tay trên miệng, nhưng đừng mở to cái khăn ra. Cứ nên đè khăn gấp tư, và khẽ quay ra phía sau mà ho, chớ đừng ho ngay trên bàn ăn. Lúc ngồi phòng khách nói chuyện cũng thế, luôn luôn quay ra một bên, và đừng mở khăn to ra như cái quạt vậy. Ho hoặc hỉ mũi xong là gấp liền khăn bỏ vào túi, chớ trước mặt người ta đừng nên mở khăn ra đè lộn lại bê kia. Triết đè không nên hỉ mũi xuồng dắt.

Nếu mình ho nhiều quá, thì nên xin lỗi đứng dậy đi ra ngoài

hở, một chỗ vắng, mà ho cho đã, rồi hãy trở về. Ngồi giữa đám đông, mà cứ ho khục-khặc hoài, là một điều không lịch-sự. (Tôi thành thật khuyên bạn, nếu rủi ro hôm nào bạn bị cảm gió, bị ho, và sổ mũi hoài, thì không nên đến nơi tiệc-tùng, hoặc nơi hội-hợp xã-giao có đông người. Tốt hơn, gấp trường-hợp ấy, bạn nên nằm nhà, đắp mềm xem sách).

* NGÁP

Lúc ngáp thì nhất định, là phải lấy bàn tay che miệng. Nhưng có cách ngáp êm đẹp hơn là mím chặt đôi môi và nuốt cái ngáp vào cho mau, chớ đừng hở to miệng đè ngáp thả dảng, coi không được đâu, bạn à. Nhiều người ngồi trước mặt bạn bè, không ngượng ngùng mà ngáp lung ra dựa ghế, giơ hai cánh tay lên đầu, há miệng thật to, ngáp một cái thật dài rồi còn “ ối ” một tiếng đè chấm dứt cái cử chỉ vô lễ ấy.

Dù là ngồi với bạn bè thân mật, chúng ta cũng không nên có态 ấy.

Ngồi đối diện với người khách lạ, hoặc người lớn hơn, chúng ta nên tránh được cái ngáp chừng nào hay chừng ấy. Nếu mình thấy buồn ngủ, hoặc câu chuyện

nghe chán lầm rồi. Thì mình nên tìm cách xin cáo lui, nếu mình là khách, hoặc nếu là chủ nhà thì mình già và xin lỗi đứng dậy đi pha thêm nước, hoặc đi lấy một gói thuốc, một hộp quẹt, v.v... để trong lúc quay lưng đi tha hồ mà ngáp.

* CÁY MÓNG TAY

Thường thường mặc dầu chung ta đã rửa tay sạch sẽ lầm rồi, mà ngồi làm việc gì một lúc bỗng dừng mình ngó thấy móng tay đóng ghét dor òm. Nếu bạn thấy vậy trong lúc bạn đương ngồi nói chuyện với ai, bạn nên đợi người ta đi rồi, hãy cạy ghét móng tay. Chớ trước mặt người ta, bạn đừng cạy móng tay; bàn

lầm, và mặc cở chết.

Một lần tôi ngồi nói chuyện với một ông Hiệu - trưởng Trường Thực, quen biết nhiều. Giữa câu chuyện có lẽ ông chợt thấy mồ hôi đầu ngón tay của ông đóng ghét đen thui, ông vội vàng lấy cái định ghim rồi đè bàn tay trên bàn mà cạy ghét. Tôi không hiểu tại sao ông làm như thế trước mặt một người bạn gái, mà ông không ngượng. Dù là bạn gái hay bạn trai cũng thế, chúng ta không bao giờ nên phô bày cái bần thỉu của ta ra cho người khác thấy. Làm như thế là mình không trọng mình và cũng không biết trọng người bạn.



* CHỒNG HIỆN HỒN

Một bà nọ cầu cơ để gọi hồn người chồng vừa chết để hỏi :

— Phải mình đó không ?

— Phải, anh đây.

Bà nọ lại hỏi : « Mình có được hạnh phúc không ? »

— Nh hạnh phúc lắm ! »

— Mình có được sung sướng thanh thoát no ấm như lúc còn sống ở với em không ?

— Anh sung sướng và vui vẻ, thanh thoát lắm !

Bà nọ rất an lòng. Lại hỏi :

— Thế hiện giờ đây mình ở đâu ?

Hồn ma đáp : « Anh đang ở địa ngục đây ! »

C.

CÔ GÁI ĐIỆN



TRUYỆN TÀU CỦA TÙ-VU

* BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-BẮC

VII

(tiếp theo P.T. số 20)

THẾ là tôi ở đây, thầm-thoắt đã qua một tuần lễ. Trong bảy, tám ngày trời đó, trừ một vài bạn, tôi được gặp ông bà Thê-tư-Lãng, lúc giờ ăn, còn ngoài ra, có hỏi như chẳng mấy khi tôi được giáp mặt ông bà. Thường thường, chỉ có mỗi một mình tôi ngồi ăn ở trong cái phan-sanh vô cùng hoa mĩ. Riêng với ông

Thê-tư-Lãng, tôi lại ít khi được hâu chuyện, mà, cũng chẳng bao giờ, ông có hề hỏi qua tôi, về cái công việc của tôi, nó đã tiến hành ra sao và tới đâu. Một đôi khi, tôi ngồi nói chuyện với thái - thái Thê-tư-Lãng, thì bà toàn đàm - đạo với tôi về những vấn - đề ở đâu đâu, nó chẳng dính dáng mấy may tới việc cô tiều-thư con bà. Hình

như bà cũng chẳng an bài đê
tôi có dịp giáp mặt cô. Tôi có
cái ấn-tượng, một khi bà đã
trao cho tôi tấm ảnh của cô,
thì là đủ, đê cô, tai qua, bệnh
khỏi, vậy.

Ngày, ngày, tôi thay quần áo
chỉnh-tề, tôi phòng chửa sách,
đê phiên duyệt một mớ những
sách ốc tạp-nhap. Tôi đâm chán
ngán, nên chẳng có tâm sự
nào đê đọc sách nữa. Phiên
duyệt sách chán rồi, tôi đi
bách bộ vòng quanh trong phòng.

Tất cả đồ vật trong gian
phòng này, đều có vẻ thân
thuộc với tôi. Ngoài ba chiếc
ngăn kéo có khóa, ở bàn viết,
mà tôi chẳng hề mở ra coi, còn
tất cả các ngăn khác, đều thuộc
quyền sử dụng của tôi, nên
tôi đem mấy thíc linh tinh bỏ
vào đó, rồi tôi ngồi ngay ở đấy,
đê phiên - duyệt hết pho sách
này, tôi pho khác ; có hôm, tôi
viết vài lá thư chẳng quan
trọng gì ; và ăn chửa xong, tôi
dành một giấc ngủ hơn một giờ.
Cuộc sinh-hoạt của tôi, tự-hồ
rất nhàn - hả, nhưng tâm tôi
không yên ; lúc nào, tôi cũng
áy-nay; lo âu ; tôi không còn
biết tinh sao, làn sao, cho vừa
lòng, đẹp ý nữa.

Trên chiếc bàn con, có đê
một máy điện-thoại ; nhiều lần,
tôi định bụng gọi y-sư Xa-lap
Mỹ, đê nói chuyện, nhưng tôi
đãm do chán, rồi lại thôi, không
đãm làm phiền ông, vì, công
việc này, ông đã từng nói, ông

giao nó cho tôi và tôi có toàn
quyền hành động. Sau cùng, tôi
gọi giây nói cho một người
khán-hộ, đê hỏi về tình hình
của ông lão bệ:h-nhân, ở y-viện,
mà bấy nay, tôi vẫn thường
quan tâm tới.

Buổi chiều, cuối tuần, y-sư
Xa-lap-Mỹ phái người mang đến
cho tôi, hai khâu súng tay và
một sấp máy chục viên đạn, đó
là món khi-gift mà y-sư đã linh
ở cảnh-sát-sanh vè cho tôi.

Nhân đó, tôi mới nghĩ tới
việc tôi phải làm tờ báo-cáo cho
y-sư, nhưng, tôi biết báo-cáo
những gì bấy giờ ? Cầm quan
hút trong tay, tôi phân-vân nghĩ
ngợi, tôi thấy vô cùng thất-vọng
và khổ tâm. Viết xong vài trang
giấy, tôi không thể không, lòng
tự bảo lòng, tôi đã nói nhiều
điều sai hẳn sự thực. Cứ thế,
viết xong rồi xé đi, xé đi rồi
lại viết, rút cục, tôi viết quách
ngay một lá thư xin từ chức,
vì, ngày giờ đã khá lâu, mà
công việc tôi đảm-nhận, chẳng
tiến hành được một tí, một ly
nào, gọi là có ; như thế, thà tôi
xin thôi đi, đê cho người ta
tim một người khác, có đủ tài
năng hơn mình.

Bắt đầu lá thư, tôi nói đê y-
sư rõ, tôi đã hầu chuyện thái-
thái Thê-tu-Läng và bà có cho
tôi biết về trạng huống đã qua
của cô con bà. Tiếp đó, tôi đã
phân-triết minh bạch bệnh tinh
của cô, mà cái nguyên-nhân
chính của cái bệnh tinh - thán
kia, hoàn toàn do cái không khí

quá nghiêm-túc của cái gia-dinh
cô-diển ấy, mà ra. Tất cả
những biến thái của hành vi của
tiêu-thư, chẳng qua, chỉ là sự
phản-kháng đối với cái hoàn
cảnh buồn thảm, vắng lặng kia ;
sau nữa, là do sự phát tiết của
các hoạt-lực của tuổi xuân.

Thứ đến, tôi báo cho y-sư rõ,
cho đến bây giờ, tôi cũng chưa
hè được giáp mặt-tiêu-thư Thê-
tu-Lang. Kề ra, theo với cá-tính
của tôi, cái không khí trầm muộn
ở đây, là cả một sự áp bức, nó
làm cho tôi, ngày ngày, muốn
tiến hành một ý-định gì, cũng
không sao làm nổi. Có lẽ, tôi
không có đủ năng lực chẳng, vậy,
tốt hơn hết, xin y-sư hãy mau
mau chiêu tuyển lấy một người
khác, có co-linh, có một khói
óc hoạt-bát hơn tôi, vì, tôi e
rắng, rồi đây, không những tôi
chẳng y-tri nổi cõi tiêu thư đó,
mà, chính tôi, tôi cũng đến cơ,
mắc phải bệnh loạn óc nốt, chứ
chẳng không !

Sau đó, tôi bèn giao bức thư
cho ông quản-gia, để ông đem
gởi đi giùm tôi. Ngày ngày hôm
sau, y-sư Xa-lap-Mỹ trả lời tôi
bằng điện-thoại, ông khuyên tôi
nên nhẫn耐 và nỗ lực tiếp tục
công việc, vì, đó không phải là
một công tác phải làm xong,
chiều hôm, sớm mai, hay, dăm
mười bửa.

Tôi còn biết nói sao bây giờ ?
Vâ lái trước đây, tôi chẳng đã
ký với y-sư, một tờ chí nguyện
thư, mà trong đó, tôi đã hứa

bút ký tên hẳn hoi. Không những
thế, y-sư đối với tôi, bao giờ
cũng hết sức thành ý và tín-
nhậm ở tôi ; ông luôn luôn cõi
lệ tôi, và tôi phải đem hết
dũng khí ra, để hoàn thành
trách nhiệm.

Từ đó, mỗi ngày, tôi phải
não óc, để cố tìm ra lấy một
biện pháp, mà thi hành nhiệm
vụ.

Ước chừng vào khoán bửa
thứ mười ba, mười bốn giờ đó,
lúc đó trời đã khuynh, ở ngoài,
trăng sáng vắng vặc, tôi đương
ngồi ở trong phòng, mê man
đọc một cuốn sách nói về
bệnh tinh thần, thì bỗng, ở cửa
sổ, có ánh đèn chiếu qua, và,
gần đó, có tiếng máy rú của xe
hơi. Tôi bèn đứng lên, đi ra
phia cửa sổ, nhìn ra ngoài ;
tôi vừa kịp trông thấy rõ chiếc
xe màu xanh, chạy vụt ra đường
cái ; chiếc xe này, tôi nhận rõ
là xe của tiêu-thư Thê-tu-Lang.
không sai.

Ngay lúc ấy, tôi định bụng
di đuổi theo cô ta, nhưng, tôi
đương bàn bộ dò ngủ, nếu tôi
mặc được quần áo vào, thế
nào cũng mất nhiều thời giờ ;
phản thi, chiếc xe dành cho
tôi, tôi chưa hề dùng qua nó, sao
tránh cho khỏi sự bỡ ngỡ, mờ
măm, như vậy, tôi sẽ không tài
nào đuổi kịp cô. Vì các lẽ ấy,
tôi dành chờ tới một dịp khác
vậy, và trong khi đương tả tư,
hữu tưởng, hốt nhiên, tôi vựt nhớ
tới Hải Lan, cái cô con gái hồn

cận của tiêu thư Thê tư Lãng mà từ hôm tôi gặp ở tiêu sảnh của thái thái, tôi đã quên khuấy bẵn đi. Hải Lan, trong nhà này, quả là một người khá trọng yêu, đối với nhiệm vụ của tôi hiện thời; chẳng có thể mà thái thái đã dặn tôi, muốn cần biết điều gì, cứ việc hỏi cô em. Sở dĩ tôi đã không nhớ tới Hải Lan là vì, từ bữa đó, nhẫn nay, tôi nào có được giáp mặt cô đâu.

Sáng ngày hôm sau, khi ăn điểm tâm xong, tôi bèn nhờ người quản gia đi mời Hải Lan tới chỗ phòng chứa sách. Cô tiến tới trước mặt tôi, một cách rất tự nhiên; có một điều tôi nhận thấy rõ, là hình như cô đã chuẩn bị từ lâu để gặp tôi. Cô cúi đầu chào tôi, tôi cười đáp lại và niềm nở mời cô ngồi, cô ung dung ngồi xuống chiếc ghế, đối diện với tôi. Tôi nói :

— Cô Hải Lan! có lẽ, cô đã rõ cái sứ mệnh của tôi ở đây, thì phải?

— Thưa tiên sinh cô, tôi đã được thái thái nói cho biết cả đầu đuôi.

— Chắc cô đã rõ, từ hôm tôi đến đây, tôi nay, tôi chưa được hỏi kiến tiêu thư.

— Thưa tiên sinh, việc ấy quả thực là khó khăn, vì, tiêu thư không muốn gặp, bất cứ ai...

— À, thế cô đã có bàn bạc gì với tiêu thư về tôi, một người lạ mới tới biệt thự này, không?

— Thưa cô, vì Thái thái có nói qua rằng, lão già mới dùng một

người để chỉnh lý các thư văn ở phòng sách ở đây, nhưng, tiêu thư chẳng lấy thế làm lạ, mà cũng chẳng hề có một phản ứng gì cả.

— Cô ạ, thiệt tình, tôi không hiểu sự sinh hoạt của tiêu thư ra sao? Xin cô làm ơn cho tôi rõ, hàng ngày, tiêu thư làm những việc gì?

— Có khi, tiêu thư nằm cả ngày ở giường; có khi, tiêu thư suốt ngày ở ngoài, không về nhà, ít lâu nay, hôm nào, tiêu thư cũng dậy rất muộn, ấy, cứ đến nửa đêm, thi đánh xe đi.

Thế tiêu thư không dùng bữa ở nhà sao?

— Thưa có chứ, nhưng, chúng tôi phải để phần cơm của tiêu thư ở trên phòng, lúc nào tiêu thư muốn ăn thì dọn ra.

Tôi lặng thinh không nói gì nữa, dòng tư tưởng của tôi, cơ hồ như bị ngưng động lại. Hải Lan, đương cặp mắt kinh nghi, nhìn tôi, về phần tôi, tôi bị cái gương mặt mỹ lệ của cô thôi miên bời lầu. Bỗng, một thứ linh cảm làm tôi thức tỉnh trở lại. Tôi nói:

— Cô Hải Lan ạ!

— Tiên sinh muốn nói gì, kia a?

— Cô ạ, quả tình trước khi tôi đảm nhận công việc này, tôi có ngõ đâu tôi ngần ấy sự khốn nan, ngay đến việc hội kiến với tiêu thư thôi, cũng đã vò cùng phiền nhiễu, khó khăn rồi. Không biết cô có nhận thấy không? Chứ, sự sinh hoạt ở trong cái hoàn cảnh

vày, có một nỗi buồn thảm rất
đôi là khốc hại. May mắn trước
đây, tôi đã có biên thư cho y sĩ
Xa lạp Mỹ, để xin từ chức, nhưng
ông nhất định không nghe. Tôi
lấy chân tinh nói thật với cô, tôi
không còn có một tí sức lực nào
để chửa chạy cho cái bệnh của
tiêu thư Thê tư Lăng. Tôi sợ, chưa
biết chừng, chính tôi cứ ở mãi

nơi đây, tôi cũng sẽ bị cái bệnh
tinh thần quái ác kia áp đảo nốt,
cô nghe chưa?

.....

Hải Lan chỉ lặng yên. Cô quay
đi nơi khác, để tránh cái nhìn
soi sói của tôi.

(Còn tiếp)



★ SƠ MẠC CỜ

Tý bảo cậu chủ nhỏ :

— Ông kia, đi ngủ mà cậu ăn mặc chừng chực như thế làm gì.
Lại đội cả mũ nữa.

— May không biết. Tối qua, tao nằm mơ thấy đi giữa phố
mà lại tràn trường, ngực đến chết. Mặc thế này, có đi, chẳng
sao nữa.

★ NGHỆ THUẬT TRÀO LỘNG

Đô đốc Byrd, vừa mất đôi năm rồi. Vốn là một nhà thám
hiểm tiếng tăm lừng lẫy. Buổi no, ông đến dự tiệc ở nhà một
bạn thân. Khi ông đứng lên để khiêu vũ với bà chủ nhà, ông
chủ nhà đã làm quan khách cười ấm lên khi ông bảo :

Đô đốc ơi, lần này, nhớ đừng thám hiểm nhé.

★ NHÀ NGHÈ

Nhà báo phỏng vấn vợ một văn-sĩ viết truyện trinh thám :

— Lúc ông nhà viết, bà luôn luôn ở bên cạnh ông ?

— Vâng, vì những truyện trinh thám anh ấy viết rất khủng khiếp
nên anh không dám ngồi một mình.

T. L. L.

• y-hoc pho-thong •

XIN MỜI CÁC BÀ
CÓ BẦU

ĐI THĂM THAI



Chia

MỐI buồi sáng ở nhà thương Tù-Dú, đường Cống Quỳnh Saigon, có hơn một trăm bà, trẻ có, đứng tuổi có, đến chờ đợi, ngồi ngang, đứng, nằm, ngav tại phòng nhện bệnh sát bên chỗ cửa ra vào, có nhiều bà bụng đã khá to, có bà bụng chưa vượt mặt, có bà bụng còn nhỏ, phải khéo nhìn mới thấy, tất cả chờ đợi tới lượt để bác sĩ thăm thai.

★

Thăm thai là gì? Thăm thai là công việc và cũng là bồn phận đầu tiên và tối quan trọng của các bà đã có bầu. Bác sĩ thăm thai cho các bà mẹ tương-lai này, sẽ căn dặn những điều về ăn uống, đi đứng, làm lụng, nghỉ ngơi... nghĩa là tất cả những điều cần-

★ HOANG.HOA

thiết để giữ gìn và nuôi nấng cái thai trong bụng.

Ngoài ra bác sĩ còn chỉ bảo cho những bệnh tật đè dề phòng hay là nếu đã có, thì đè chừa chạy ngay.

Nói tóm lại, thăm thai là đè giữ gìn, săn sóc người có thai, tốt sao cho lúc sinh nở được dễ dàng, ít tổn sức, đè cho hạ sinh được một đứa trẻ «tươi tốt» và đè bà mẹ dù suba nuôi con, dù sức chảm nom đứa trẻ sơ sinh, làm tròn thiên chức mà Tạo-héa đã ban cho. Một đôi khi có những điều ngan trái lúc sinh nở thì đè thăm thai cũng là một dịp may đè trù liệu đè phòng và nếu chẳng may, kết quả không tốt lắm, thì thăm thai biết trước cũng là một cách giảm bớt những đắng cay, đau khổ...



* THĂM THAI NHƯ THẾ NÀO ?

Khi các bà mới vào một Y-viện, trước tiên các bà khai lý lịch cho một người thư ký hoặc ngay chính cho bác sĩ phụ-trách tại đó. Các bà đừng e lệ gì, vàxin khai thật rõ ràng, rành mạch, đè việc thăm thai, hoặc chữa bệnh sau này mới dễ dàng và có hiệu quả.

Bà sẽ cho biết tên, tuổi, nghề nghiệp của bà (có nhiều nghề nghiệp ảnh hưởng tới ván đè thai nghén).

Bà cho biết bà đã sanh đè bao nhiêu lần : bao nhiêu lần sanh đủ tháng, bao nhiêu lần sanh non, bao nhiêu lần sảy thai và có bao nhiêu con hiện nay còn sống.

Bà lại cho biết ngày đầu tiên của kỳ kinh nguyệt cuối cùng, trước khi thụ thai. Ngày này tính theo dương lịch. Tuy nhiên, nếu bà chỉ nhớ ngày ta thì cũng được, vì rồi người ta sẽ giờ lịch ra đè tính lại.

Bà che biết thêm về ông nhà, nghề-nghiệp và tình trạng sức khoẻ, cùng tình trạng sức khoẻ của ông bà cụ sinh ra bà và các anh em, chị em. Nếu một người nào có bệnh truyền nhiễm, nhất là những bệnh như ho lao, giang mai... thì được ghi chú rất cẩn thận.

Tiếp theo chính tự bà sẽ khai tất cả những bệnh tật đáng kè của bà từ trước như : ho lao, hoa liều nếu có, sốt rét ngã nước, ban đỏ, lèn đậu (trái) ...

Bà cũng kè thêm bà đã phải mồ lầu nào chưa, những lần trước sanh đè có dễ-dàng không, kè lại tất cả những lần sanh trước

và bà tả rõ hơn về kỳ thi'util-thai này, tắt kinh, nôn mửa, nhức đầu, sưng chân, tay v.v...

Một người y tá sẽ đưa bà đi cân, và do áp lực mạch máu của bà. Những con số này giúp rất nhiều cho bác-sĩ. Sau đó người y-tá sẽ lấy nước tiểu của bà để thử xem có đường hay an-bu-min (lòng trắng trứng) không, và thử máu để xem có mầm bệnh hoa liều và cũng để, nếu trường hợp bà mất máu, muối truyền máu thì biết rõ ngay máu của bà thuộc loại nào.

Bây giờ đến lượt bác sĩ khám xét bà. Việc khám xét này tỉ mỉ và gồm có khám sức khoẻ của bà, bác-sĩ khám lần lượt từ trên xuống dưới : mắt, mũi, miệng, răng (nhất là răng). Nếu bà có một cái răng hư, xin mời đến ngay một nha-y để chữa, vì sự thụ thai ảnh hưởng rất nhiều về răng, có thể làm cho đau nặng thêm). Bác-sĩ lại khám họng, khám cổ (để xem tuyến nội tiết Tyrôit (Thyroïde) rồi khám vú.

Bác-sĩ lại nghe tim, nghe phổi, sờ xem gan và tụy tạng (rate) có bị sưng không ?

Sau cùng bác-sĩ khám thai tức là khám bụng và xương chậu (bassim).

Bác-sĩ đo chiều cao dạ con, nghe cái thai đập, khám xương chậu để xem xương chậu có bé quá hay siêu vẹo không, cũng cần phải sờ mó (toucher) để xem dạ con và phần trong của xương chậu.

Sau cùng bác-sĩ dặn dò bà những điều cần thiết và thế là xong việc thăm thai.

★
Rồi theo lời dặn của bác-sĩ, lại xin bà đến ngày bác-sĩ đã định để thăm thai nữa, lần này thì nhanh hơn.

Bà di cân, thử áp lực mạch máu, thử nước tiểu, do chiều cao của dạ con (chiều này cứ theo thời gian mà lớn dần) nghe thai.

Bà cho biết đại cương về tình trạng sức khoẻ của bà, và bà cho biết ngay bà đã thấy những triệu chứng nào khác thường không, thí dụ như ra huyết, đau đớn, nhức đầu, sưng chân, tay, mặt mũi (phù), táo bón v.v..

Những lần thăm thai về sau rất nhanh chóng, nếu trong người bà không có gì khác thường.

★
Xem như vậy việc thăm thai

cần thiết là nhường nào. Xin mời tất cả các bà có bầu đi thăm thai, vì chỉ có đi thăm thai, các bà mới thấu triệt việc dưỡng thai, cũng như có đi thăm thai, các bà có thể hỏi những điều mà các bà không biết rõ, hoặc nhiều khi không tiện hỏi như vấn đề giao hợp. (Thực ra thì có thể giao hợp đến gần ngày sanh nếu sự đi lại đó thật là dịu dàng, không dụng chạm gì đến thai, nhưng thông thường, chỉ đến tháng tam là cùng. Trong trường hợp người đàn bà dễ sớm hoặc hay sảy thai, phải ngừng từ tháng thứ tư, thứ năm).

Các bà có thể thăm thai khi thấy mình thụ thai, và từ đó cứ mỗi tháng đi thăm một lần, đến tháng thứ bảy trở lên thì thăm hai lần và từ tháng thứ chín thì tuần nào cũng phải thăm thai.

Đề kết luận, muốn sinh nở được dễ dàng, muốn cho cái thai được «tươi tốt», muốn cho về sau này mẹ khỏe, con mạnh, muốn tránh tất cả những sự không may xảy ra như đẻ non, thai ngược, hư thai, ra huyết nhiều v.v... Nghĩa là, muốn cho «mẹ tròn cõi vuông» thì với tất cả các bà có bầu, dù thế nào, cũng xin mời các bà đi thăm thai.



★ DANH NGÔN

Hạnh phúc là được yêu tất cả. Thiên tài, là đem mình phản phát cho tất cả. (Le bonheur, c'est d'aimer tout. Le Génie, c'est de se donner à tout).

Emile VERHAÉREN
(Thi sĩ Pháp)

★ BỜI ĐÁNG CHÂN HAY KHÔNG ĐÁNG CHÂN ?

Một thanh niên đến hỏi bác sĩ chuyên chữa về tâm bệnh:

— Tôi thấy trong người uে-oái, không thích sốn , đòi đối với tôi là một cục hình, bình thần kinh của tôi đã đến mức cuối cùng rồi... Tôi buồn bã tâm thần... Làm sao chữa khỏi được, thưa bác-sĩ ?

— Chỉ có một cách là anh nên đi xem hát cho khuây khỏa... À ! anh nên đi xem điều, có chú hè nọ diễn hay tuyệt, cười vò bụng lận, vui lâm ! Người chết còn phải cười nữa... Chú hè ấy tên Ba-Tò...

— Ba Tò ? ! Bình nhân thở dài. Nhưng chính là tôi đây !!!



* Cô PHƯƠNG THU

MÓN ĂN HUẾ

Trong Phở-Thông 20, tôi đã trình bày với các bạn về hai món: canh bì ngô và măng kho, nấu theo lối đồ chay, kỳ tí, tôi sẽ trình bày lại hai món ăn này nấu theo lối đồ mặn thường ngày.

P.T.

* CANH BẦU

VẬT LIỆU:

Khúc bầu độ chừng một gang tay (thứ non).

10 con tôm, một muỗng nước mắm.

2 củ hành, 2 đồng bạc ruốc, Muối, tiêu, ớt bột, vài cọng hành lá.

CÁCH LÀM:

Bầu gọt vỏ, hớt ruột, xong

đem rửa sạch vớt ra để cho ráo nước khi ấy hãy xắt ra từng sợi nhỏ (độ lớn hơn sợi bún một chút). Tôm lột sạch vỏ tao với hành, ớt, tiêu, nước mắm, muối, đồ vào một tí nước, chờ sôi, tôm thấm đều hãy đồ thêm nước ruốc đánh tan với nước chế thêm vào.

Nấu, chờ nước sôi đều, bỏ bầu vào. Xem chừng bầu vừa chín tới phải nhắc xuống ngay, chừ để bầu chín quá không ngon. Xong, lấy hành lá xác nhô bỏ vào, múc ra bát đón ăn.

* CÁ THÈ KHO RAU RĂM

VẬT LIỆU:

Chục con cá thè,

Một ít rau răm, một miếng thịt ba chỉ vừa bằng hai ngón tay, 1 muỗng cà phê muối,

Nước mắm, 1 miếng đường den bằng củ hành.

Một ít xì dầu, tiêu, ớt bột.

CÁCH LÀM :

Cá làm xong, rửa sạch vớt ra để ráo nước.

Thịt xác lát mỏng, sấp vào trán rồi sấp cá vào, đoạn sấp một lớp rau răm ở trên, rắc ít muối, tiêu trên mặt (tùy theo nhiều hay ít, sấp thứ tự như vậy). Xong đập đáy, đồ nước mắm, ớt bột, đường, xì dầu, và chế vào một ít nước lạnh. Đậy vung lại, bắc lên lò kho, lửa vừa vừa đừng cho đồ lắm. Xem chừng cá vàng thấm, vừa khô là được.

* CANH NẤM MỐI

VẬT LIỆU :

- 1 chén nấm mồi,
- 1 miếng thịt heo bằng ba ngón tay,
- 10 con tôm, 1 muỗng ruốc nước mắm,
- 1 muỗng ruốc (lọc lấy nước)
- 1 muỗng mỏ, — tiêu, ớt, muối hành, ngọt.

CÁCH LÀM :

Nấm mua về cạo vỏ đen ở

ngoài cho thật sạch đem rửa nước muối xong xả lại nước lạnh, vớt ra để cho ráo nước.

Thịt nạc xắt nhỏ, tôm lột sạch vỏ. Lấy soong đồ mở vào bắc lên bếp, đỗ thịt, tôm, hành, tiêu muối, ớt, nước mắm, một ít nước lạnh, xào chừng đều thì đồ nấm vào tao cho thật thấm mới đồ thêm nước và ruốc vào. Chờ sôi hơi lâu lâu một chút đồ nấm chín thấm hẵn duống xi ống, khi ấy lấy hành, ngọt, xắt nhỏ bỏ vào rồi múc ra dọn ăn.

* CON KẾT CẨM

Người chồng ra tinh mua được một con két tuyệt đẹp đem về nhà bảo vợ cất. Đến trưa, bác trù về nhà ăn cơm liền hỏi vợ :

— Con chim tôi đem về lúc này đâu?

Người vợ trả lời :

— Tôi rõ-ti đê ăn cơm đây!

— Rõ-ti? ? Trời ơi, chim ấy là con két biết nói rồi đây!

Uòng quá!!!

— Ai biết đâu! Lúc tôi bắt nó, sắp rõ-ti, sao nó không nói cho tôi biết?

* LOAN HỘ VÀ ĐÀ ĐẢO

Trong một bối cảnh kịch, từ và kịch đến các diễn viên đều dở cổ, Khán giả huýt gió la chô. Chỉ có một khán giả ngồi giữa đang vỗ tay nhiệt liệt.

Một khán giả ngồi cạnh tức mình hỏi:

— Vả kịch tồi như thế, ai cũng huýt gió đả đảo hết mà sao ông lại vỗ tay?

— Không phải đâu! Tôi vỗ tay khen những khán giả huýt-gió quá, vì tôi không biết huýt-gió!

C.

Phê bình sách

TÙ THỨC

của Đoàn-Thêm

* NGUYỄN VĨ



Cảm-giác đầu tiên
đập mạnh vào tôi,
khi tôi cầm quyền
Thơ này, là sách
được trình bày và
ẩn loát tuyệt đẹp. Từ trước đến
nay, tôi chưa thấy mấy quyền sách
được thực hiện với một kỹ-thuật
và một thẩm mỹ tinh xảo đến thế.
Người ta cầm quyền ăn phàm
trong tay với một cảm giác
em dịu, mát-mẻ, một niềm quý
mến nâng niu, âu-yếm.

Xem hình thức trang-hoàng
cũng đoán biết có lẽ tác-giả có
một tâm hồn nghệ-sĩ và thi-sĩ
thanh-tao, tế nhị.

Lúc tiếp nhận tập sách biểu
này, tôi chưa được hân
hạnh quen biết ông Đoàn-Thêm:
ông già hay trẻ, học lực ông đến
bực nào, tính tình ông ra sao,
mối sống của ông như thế nào,
ông làm nghề gì, hay chỉ là nghề

làm... thơ ? Cho nên tôi không
biết ông quả thật có tâm hồn nghệ
sĩ Thi-sĩ hay không ?

Tôi xin thú thật rằng chính tại
vì quyền thơ « TÙ THỨC »
của ông in rất đẹp và trình bày
dễ thương quá nên tôi mới chịu
khó đọc thật nhiều đoạn, chứ thoát
tiên mở ra xem thấy sách dày
đến 362 trang giấy lớn, lớn hơn
cở 21×27 , và gồm đến 2129
câu thơ, tôi đã thấy không có đủ
thì giờ để thưởng thức quyền thơ
tràng giang đại hải này.

Thơ hay ? Dở ? Tôi chưa
biết, nhưng trước hết tôi đã
ngạc-nhiên : Chuyện chàng Tù-
Thức hồi xưa lạc lối lên Tiên
gặp nàng Giáng-Hương và lấy
nàng làm vợ, rồi sau trở xuống cõi
trời, thì thật là một câu chuyện
nên thơ, nhưng cốt truyện có gì
gay cấn lắm đâu mà Thi-sĩ
Đoàn-Thêm đã làm đến 2129
câu thơ ?

Đã có nhiều người lấy đề tài này làm thơ theo Đường luật nhưng cũng chỉ đến 10 bài bắt đầu là đã đủ lắm rồi.

Ông Đoàn Thêm đã gợi được cho tôi nỗi - niềm thắc-mắc ấy, khiến tôi phải tò mò đọc qua mấy đoạn, xem anh chàng Tù-Thức của Thi-sĩ Đoàn-Thêm có đi lạc đường vào một thế-giới xa lạ nào khác nữa chăng ?

Vì thì giờ rất ít-oi, nên mỗi khi cầm đến quyền sách nào mới, tôi có tật xấu là chỉ đọc ba bốn trang đầu, ba bốn trang giữa, và vài ba trang chót để xem giá-trị của quyền sách như thế nào đã, rồi nhiên hậu mới quyết định đọc hết cả quyền, hay là không đọc nữa. Với quyền « TÙ-THÚC » tôi cũng làm như thế.

Và tôi đã nhận thấy nhà thơ Đoàn-Thêm có một trí tưởng-tượng mãnh-liệt và phong-phú không ngờ.

Thí-dụ như tác-giả cho chúng ta biết rằng Tù-Thức sau khi đã đi lạc lối đến cõi Tiên của bà Tây-Vương-Mẫu, gặp nàng Tiên Giáng-Hương và chính-thức kết hôn với nàng, lại đưa nàng đi viếng « xã giao » các « Bạn-hữu ở thương-giới » như Bùi-Hàng, Vân-Anh, Chúc-

Nữ, Ngưu-Lang, Thần-Nữ Vu Giáp Vu-Sơn, v. v. và cả cô Hằng-Nga nữa :

Quảng-Hàn vắng vắng sáo Tiên
Hằng-Nga đón khách, cung-
tiền vén mây.

Cợt dùa :

— Loan phượng non Tây
Chắc xao lảng bạn, vì ngây
ngất tình !
Riêng em một bóng mặt h'nh,
Gương vui tam mượn chén
quỳnh đầy voi.

Cô Hằng - Nga than thản
trách phận, mà lại còn tỏ tình
quyến-luyến Tù-Thức, và có
diệu-bộ lảng-lor :

Ngã nghiêng lơi-là nói cười,
Mắt đưa Tù-Thức, miệng cười
Giáng-Hương

Rồi một đêm cô à gấp người
yêu di lang-thang ngoài đường,
cặp trai gái say sưa trao-dồi
chuyện tình. Vợ Tù-Thức
là Giáng-Hương dì rình, bắt gặp,
rồi xông ra một tần-tuồng ghen
tương, lời qua tiếng lại, y như
ở cõi đời gió bụi của chúng ta
vậy.

Đây, nàng Tiên Giáng-Hương
mắng nàng Tiên Hằng Nga :
— Nghe sách dưới trần,
Còn dạy nǚ-nhan
Gìn vàng giữ ngọc chó gần
nam-nhi l

Hằng-Nga đáp :

— *Coi phàm, thành - kiến sá
 chi ?*
*Người đoán-chính, kè đà nghi,
Chẳng tin thì cũng nè vì cõ-
 giao !*

Giáng-Hương :

— *Cầm kỳ phong-tao,
Luân lý ra vào
Lầu cao tiếp khách, lẽ nào dưới
 hoa ?*

Hằng-Nga :

— *Lòng ngay, sao nghĩ thót
 tà ?*

Giáng-Hương :

— *Cành chim lá giỗ, gõn xa
 tiếng đồn !*

Hằng-Nga mắng lại :

— *Máu ghen quáng mắt, mê
 hồn !*
v. v...

Còn chàng thì :

*Chán tai tiếng bắc tiếng chì,
Về phòng, Thức ngủ li-bì mặc
 Hương,
Hương còn thòn - thót bên
 giút.org,
Một tan, hai hợp, không nhường
 ái-ân.*
v. v...

Lại một đêm Tây Vương Mẫu mở hội Dao-Trì, có đông đủ quần-Tiên dự hội. Tiệc tan, có mấy ông Tiên rủ nhau đi chơi trên sóng, Long-Vương nghi ngờ

Bát-Tiên có ý định xâm-lăng bờ cõi, liền xuất-quân ra trận. Cuộc chiến tranh nổ bùng ở Tiên-giới, lửa cháy ngùn ngụt, núi Thái-Sơn bị sụp đổ lấp cả biển Đông-Hải :

*Hồ-lô khói lửa xa bay,
Bè đông sóng dữ, đến ngày
 cạn khô.
Thạch-nham, kim-động ra tro,
Bùng bùng đáy biển như lò
 máu sôi.*

Tử-Thúc chứng kiến cuộc tàn sát ở cõi Tiên, giống như ở Hậ-giới, buồn lòng, bỏ Giáng-Hương đè đi lang-thang, lại gặp Hồ-Công, ông Tiên ở Thành-Hóa. Nhờ vào cái bầu thàn của Hồ-Công mà Tử-Thúc mới thấy rõ sự biến-chuyễn của Lịch-Sử loài người phàm trần, và đường tiến hóa của nhân loại đến Chân-Thiện-Mỹ. Bây giờ Tử-Thúc mới nhận chán được rằng « con người phải hòa minh vào đời sống của nhân loại, để góp sức giúp người theo đường tiến hóa, chớ không thì cầu an vị kỷ và tọa hưởng khoái lạc ».

Vì vậy mà Tử-Thúc « giác ngộ », mới bỏ Giáng-Hương đè về cõi Tục.

Chàng thuyết cho nàng nghe :
*— Hãy ưng thuận ít ngày tạm
 biệt.*

*Anh giúp dời, nhiệt huyết thay
đương sôi.*

*Bại hay thành, khi mái tóc bạc
rật,*

*Còn thiên phúc, sẽ hồi thương
giới...*

**Giáng-Hương cũng đề cho Tứ
Thức về.**

Tứ Thức trở về quê hương
cũ thì cuộc đời đã biến đổi nhiều,
nào là quân Tàu áp bức dân
Việt, Lê-Lợi khởi nghĩa và đã
phục hồi độc lập v.v...»

Rồi Tứ Thức không thích trở
lên cõi Tiên nữa, nhất định ở lại
trần gian, mặc dầu Giáng Hương
có gửi cho chàng một bức thư
dài 44 câu, bằng thơ từ tuyệt
liên ngâm đại khái như 4 câu
thơ đâu :

*Hạ bút cang trường vĩnh biệt
nhau,
Mực hòa nước mắt, nên lòng
đau,
Chữ không in nết, lời sal ý,
Bạch lạp thương tâm rò lệ sầu.
· · · · · · · · · · · ·*

Và 4 câu thơ chót :

*Sứa túi, hoa tiên gửi mấy
hang,
Sát cầm vắng vắng tiếng tình
tang
Bồng Doanh khói phủ, giăng
tròn khuyết,*

**Hình bóng theo nhau giấc mộng
vàng l**



Như vậy, cốt truyện Tứ Thức
rất nên thơ của thuở xưa, ông
Đoàn-Thêm biến đổi không còn
nên thơ nữa. Trên cõi Bồng Lai
đã xảy ra một cuộc ghen tuông
gay cấn trong giới Tiên Nữ, và
chiến tranh ác liệt trong giới
Tiên ông !

Đúng về địa hạt Thơ, nói thật
tôi không tin rằng mấy cuộc dàn
cảnh trên kia có thể làm thỏa thích
thi-khiếu của độc giả. Theo thiền ý
của tôi, truyện truyền ký của Tứ
Thức cứ nên đề ý nguyên như
xưa, đề giữ lấy phong vị ảo huyền
tinh anh của nó, chứ sửa đổi như
thế nó sẽ trở nên phàm tục
mất, còn gì!

Phải nhìn nhận rằng Thi sĩ
Đoàn Thêm kết thúc quyền thơ
« TỨ-THỨC » của ông bằng
một triết lý quốc - gia và xã - hội
thật đáng khen, toát ra mạnh mẽ
trong nhiều câu thơ rất đẹp, như
sau đây :

(Tứ - Thức nói với Giáng -
Hương)

*Biệt Tiên cùng, em chàng am
tường
Nhưng cảnh ngộ bi thương
khốc-hại.*

*Đời rực rỡ, lung bừng, êm ái.
Vauen vạn xuân, em hái vạn
bông tươi,
Lặng xiêm y, ca múa, sớm khuya
cười,
Sao thấu nỗi con người trần -
thế?
Người mưu sinh, lao tâm, bại
thế,
Nhục vinh cùng tàn phế suy
vong...*
(trang 283).

Thành thật tôi rất thích những
câu thơ như thế, vì chúng phô
diễn được cảnh mâu thuẫn giữa
những kẻ sống

“*Đời rực rỡ lung, bừng êm ái*”

Và những

“*Người mưu sinh, lao tâm, bại
thế,
Nhục vinh cùng tàn phế suy
vong*

Thi-sĩ Đoàn Thêm, mà có một
ông bạn cho tôi biết là hiện đương
lãm Đồng lý văn phòng Bộ trưởng
phủ Tòng Thống và phó Đồng lý
Văn phòng Tòng Thống, lại
còn cho Từ Thức nói với nàng
tiên Giáng Hương :

*Lánh non tiên vui thú riêng
mình,
Nhớ đồng loại, tự khinh và tự
trách
Xa cõ-lý băng-khuông hồn-
lữ khách,*

*Xót thương người đời rách
lầm than,
Lũy tre xanh bên xóm chắt đìêu
tàn...*

Những câu thơ như thế rất
đáng mến, bởi Thi-sĩ Đoàn-
Thêm đã khéo khai-thác đề-tài
Từ-Thức lên Tiên, và diễn-tả
tâm-sự băn-khoăn của những kẻ
“*Lánh non tiên vui thú một
mình*”

mà

“*Xót thương người đời rách
lầm than,*



Những câu thơ khác cũng rất
đẹp, rất thiết tha mỗi tình yêu
mến Quê hương và lưu-luyến
xã-hội loài người :

*Thôi, tiếc chí vang bóng ngày
qua.*

*Hay vui thú yên hè non nước
Việt!*

*Luật tuân-hoàn giảng còn tròn
khuết,*

*Chuyện thường tình, ly biệt
mấy ai không?*

*Sướng thân ta, bất tất phải
Doanh Bồng?*
(trang 335)

*Lo gìn-giữ tình-anh truyền-
thống.*

Bốn ngàn năm sức sống dâng
trào,
Đức thiêng ngũ nhạc vời cao,
Nghĩa nhân hồn nước, cẩn lao
phép nhà
(trang 343)

Đi tìm sinh thư một mình,
Ngàn trùng chí thay lộ trình
vắng tanh !
★ (trang 357)

Nhưng dù vậy, tôi thiết tưởng,
như tôi đã nói trên kia, chuyện
Tử-Thúc nên đề ý nguyên như
xưa, cốt giữ lấy thi-vi thần tiên
ảo-mộng rất quyến-rú của nó.

Tôi hơi buồn, và cảm-giác
một u-hoài man-máy, bùi-ngùi,
khi thấy ông Đoàn Thêm biến-
đổi một thi-sĩ Tử-Thúc phiêu-lưu
thơ mộng của thời xưa thành
ra một công-dân Tử-Thúc có tư-
tương-cấp tiến của thời nay.

Lịch-sử đương kim của các
quốc-gia dân-tộc đã đầy rẫy
những thực-tế tàn-nhẫn bi-thương
lắm rồi, sao nhà Thơ không giữ
lại trong khu vườn văn-nghệ của
ta xưa một động Dao-trì, một
giải suối Đào-nguyên, để think
thoảng anh em mình rảo bước
đến đây tìm đôi chút giải sầu ?

Trong lúc hầu hết chúng ta đều
não nức mong muốn lên ở. Cung-Trảng,
không phải đề tìm
mỏ vàng hay mỏ dầu lửa, mà
chính là đề thoát ly mau

mau ra khỏi đời sống ô-trọc, già
dối, tham tàn, ham danh hám lợi
giữa bụi trần này, sao ông bạn
Thi sĩ lại còn xúi dục Tử-Thúc
bỏ cảnh tiên mà trở về rẽo
đất Việt nam đề sống cho

* Nghĩa nhân hồn nước, cẩn
lao, phép nhà ?

Không ! Tôi nhất định không
đồng ý với ông về diêm đó !

Nhưng về nghệ thuật làm thơ
tùi tôi thành thật khen tặng ông.
Tập thơ TỬ THÚC là một thi
phẩm lớn lao sáng tác với rất
rất nhiều nhiệt hứng. Trên hai nghìn
câu thơ gồm gần-đủ các loại, từ
thể Đường thi bát cú, tứ tuyệt
liên ngâm cho đến cả thơ mới,
thơ tự do, ông khéo chuyền mạch
thơ ru dương và phong phú tùy
theo thi hứng mà không hề vướng
vấp. Loại thơ nào phù hợp với
hoan cảnh này. Thỉnh thoảng
cũng có răm ba câu thơ khôi hài
lỗi giọng, nhưng rất nhiều câu
thơ đẹp, sắp xếp tài tình, mài
đũa tinh vi.

* Đề làm một tác-phẩm thí-nghiệm,

* Ông muốn thành một sản-phẩm tay thầy »

« Pour un coup d'essai,
« Il veut un coup de maître »
Nhưng, chắc chắn ông sẽ
thành-công.

V.N.

CHUYỆN VUI



DỞ I Đông-châu có quan thái-thú Tây - môn - Báo được bồ ra trấn thủ đất Nghiệp-dô.

Bình sinh ông ta vẫn không tin những chuyện dị-doan mê tín.

Lúc đến Nghiệp-pô-vị tân thái-thú thấy phong cảnh tiêu điều, ruộng nương hoang phế và dân cư thưa thớt, liền triệu các cụ già đến hỏi.

Các cụ đều nói :

— Dân ở đây thưa thớt không phải thiếu ruộng, hay mất mùa, nhưng chỉ khô một nỗi là Hà-Bá lấy vợ !

Nghé chuyện quái lạ thái-thú hỏi :

— Hà-bá lấy vợ như thế nào ?

Một trong các cụ vội nói :

— Sông Chương - thủy phát

nguyên từ Cô-linh qua Sa-thành, rồi chảy đến Nghiệp-dô gọi là sông Chương-hà. Hà-bá là vị thần cai quản con sông ấy. Thần thích vợ đẹp. Mỗi năm bắt dân làng phải nộp một người con gái. Chúng tôi chịu nộp thì năm ấy mưa thuận gió hòa, hoa màu tươi tốt. Nếu không thì thần phạt bằng cách dâng nước lên làm hại ruộng nương nhà cửa.

Thái thú hỏi :

— Ai nêu ra việc ấy ?

— Bọn đồng cốt và hào trưởng ở làng chúng tôi xướng thủy ra việc ấy. Dân làng sợ nạn lụt phải bị đói rét nên phải chịu theo. Mỗi năm các hào trưởng cùng bọn đồng cốt bắt dân làng

* THU PHONG

HÀ BÁ LẤY VỢ

phải nộp mấy trăm vạn quan tiền, một phần dùng về việc cưới vợ cho Hà bá, còn một phần thì chia nhau.

— Chúng nó chia nhau, mà dân làng không phản đối sao?

— Nếu chúng tôi có hỏi đến thì bọn ấy viện cớ rằng bọn đồng cốt lò việc cúng tế còn hào trưởng trong làng có công thâu góp nên phải ăn tiêu số tiền ấy. Việc đóng góp thì chúng tôi không dám phản nản; nhưng có một điều rất khò là cứ đầu năm bọn đồng cốt hè thấy nhà nào giàu có mà có con gái thì chúng bảo người con gái ấy đáng làm vợ Hà bá. Nếu gia đình nạn nhân chịu lo tiền cho chúng thì chúng mới tha. Còn nếu nhà nào nghèo thì bọn chúng bắt phải nộp con gái. Bọn chúng còn lập một nhà trai cung ở gần bờ sông. Hễ bắt được con gái thì chúng nhốt vào đấy, đe đợi ngày tốt liền đem đưa con gái ấy ngồi trên chiếc bè kết bằng cỏ, rồi dàn ra giữa dòng sông, bè di được một vài dặm thì tự nhiên chìm mất.

Phần đồng dân làng ở đây không chịu được nạn ấy nên phải trốn đi xứ khác lìa ăn cá.

Vì vậy nên làng càng ngày càng vắng vẻ.

Quan thái thú lại hỏi:

— Làng các người có khai nào lụt không?

— Năm nào chúng tôi cũng chịu nộp con gái nên thần không bao giờ trách phạt.

— Nếu thần đã linh thiêng như thế thì hôm nay có lẽ nộp, các ngươi hãy đến cho ta biết, để ta đến dự.

Các cụ dạ rồi lui ra.

Đến lúc nộp, các cụ đến chờ vị thái thú hay. Nghe đã đến kỳ vị thái thú vội mặc áo quần chỉnh tề dẫn vài chục tên quân theo các cụ lão đến bờ sông.

Lúc quan dân đã tụ đông đủ, bọn hào trưởng đưa ra một bà đồng đã già, vẻ mặt có vẻ đanh ác, theo sau bà ta có gần hai mươi đệ tử, tất cả đều mặc quần áo sặc sỡ, tay cầm hương khói tỏa nghi ngút.

Lúc ấy vị thái thú kêu bà đồng ấy vào hỏi:

— Người có thể cho ta xem mặt vợ Hà bá chăng?

Bà cởi dạ, liền sai một đệ tử đi vào nhà cung trai dẫn ra một người con gái ốm yếu. Vị thái thú thấy người con gái ấy đi ra có vẻ sợ hãi, nước mắt chảy dài, liền bảo bà đồng:

— Hà bá là một vị thần linh-hiền, các người phải tìm người con gái nào thật tuyệt thế giai nhân mới xứng đáng làm vợ ngài được, còn như người này ốm yếu quá chắc thần không chịu nhận. Vậy ta nhờ người xuống nói với Hà-bá rằng, quan thái-thú là Tây-môn - Báo xin tìm người khác đẹp đẽ hơn người con gái này, đến sáng mai sẽ dâng.

Vị thái-thú liền sai mấy tên lính đến ôm bà đồng ném xuống dòng sông đang cuồn cuộn chảy.

Thấy thế mọi người đều thất kinh. Vị thái-thú vẫn thản nhiên ngồi đợi. Một lúc sau không thấy bà đồng trở lại. Vị thái-thú nói:

— Bà ấy già cả nên đi không xong việc, liền ngó các đệ tử của bà ta :

— Ta nhờ các người chịu khó xuống bảo bà ấy lên gấp kèo quan thái-thú đợi.

Nghé thế các đệ tử nhìn nhau run lập cập.

Vị thái-thú quát :

— Đì nhanh lên ! Các người xuống bảo bà ta lên gấp để trả lời cho ta rõ, nếu trễ nãi ta sẽ chém đầu tất cả.

Bọn đệ tử ấy đang khóc lóc thì thái-thú đã ra lệnh cho bọn lính đến ôm ném cả xuống sông.

Đợi một lúc lâu cũng chẳng thấy bọn ấy trở lên. Vị thái-thú ra vẻ sót ruột :

— Sao mà lâu thế kia ! Chắc bọn ấy xuống ăn nói không xong nên Hà-bá giận giam lại cả chứ gì ? Vậy lần này phải nhờ đến các hào trưởng thì việc mới xong được,

Nghé thái-thú nói thế bọn hào trưởng mặt mày tái mét, chúng vội quỳ xin thái-thú dung mạng.

Thái-thú tỏ ra vẻ giận dữ :

— Hà-bá ở chỗ nào đâu ?

Bọn hào trưởng khóc lóc kêu xin :

— Xin thái-thú dung mạng. Xưa nay chúng tôi bị bọn đồng cốt gạt gẫm nên nghe theo. Còn việc cưới hỏi ấy thật không phải do chúng tôi bày ra.

— Từ lâu nay bọn bây theo lũ đồng cốt đã sát hại biết bao trình nữ, đặt điều đè mê hoặc nhân quần, hại làng hại nước, nếu dung bọn bây, về sau ắt sinh biến. Đè ta cho bọn bây đi theo bà đồng xuống làm mai cho thủy thần luôn thè. Nói xong liền ra lệnh cho bọn lính ném lũ hào trưởng xuống sông.

Dân chúng thấy thái-thú trừ xong bọn hào trưởng đều vui mừng đến lạ tạ.

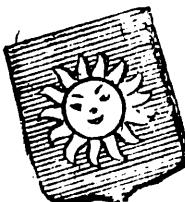
Thái-thú nói :

— Nạn cưới vợ Hà-bá ta đã trừ xong, từ rày về sau, ai xướng ra việc ấy thì hãy nhìn gương lũ hào trưởng và bà đồng lúc này !

Dân chúng dạ van rân rồi vui vẻ ra về. Từ ấy nạn cưới vợ Hà-bá cũng mất hẳn.

Mình ơi!

Ma ?



* DIỆU HUYỀN



NG Tú bực mình lắm,
ông là người không
nóng tính, nhưng lần
này ông đồ quạu.

Tại vì chiếc xe máy dầu trên ấy
ông chờ bà Tú đi Biên hòa chơi
tảng chủ nhặt, vừa ra khỏi Lăng
ông Bà Chiểu độ 3 cây số thì tự
nhiên không chạy được nữa. Ông
phải bảo bà Tú xuống, để ông xem
vì sao ông đẹp mãi bàn đạp hết
sức mạnh mà máy cứ không nổ? Ông
Tú lui cui sửa chữa gần một
tiếng đồng hồ vẫn chưa ra sao
cả. Trời nắng chang chang. Bà
Tú ngồi dưới bóng cây, lấy đồ
đan ra đan để giết thời giờ. Bà
im lặng nãy giờ, bỗng lên tiếng:

— Mình ơi !

Ông Tú đang cầm chiếc kềm
tháo bù-лоong, không buồn đáp
Bà Tú lại gọi:
— Mình ơi !



Ông Tú quay :

— Ông cái gì ?

— Người ta cầu cơ gọi hồn ma về nói chuyện, có đúng không, mình nhỉ ? Đó là mê tín dị đoan, hay là sự thật ? Khoa học có thể giải thích được những chuyện lừa lung ấy không ?

— Thôi ! Thôi ! Đè yên cho anh sửa cái xe máy dầu đã, em ơi !

— Nhưng sửa thì cứ sửa, nói chuyện với em thì cũng nói được vậy, chó có gì đâu mà mình gắt gỏng với em ?

— Mình điên à ?

Ông Tú vặn ra được cái bù-luong rồi, lấy que nhò thọc vào một lỗ ống xăng. Ông vừa cùi sát mắt xuống ngó vào cái lỗ ấy, vừa hỏi lại :

— Hả ? Mình không điên chứ ?

Bà Tú rung rưng nước mắt, tức mình bỏ que đan xuống :

— Em hỏi thế có gì là điên mà Mình mắng em ? Hôm nay, mình không lịch-sự với em tí nào cả.

— Người ta đang bù dầu bù éc về cái máy bị nghẹt xăng giữa đường, mà mình hỏi chuyện cầu cơ, ma-quỷ, thì là điên rồi chứ còn gì !... Về nhà hỏi, không được sao ?... Ngồi yên đấy mà xem anh sửa cái máy cho xong đè còn

đi Biên-Hòa chứ !

Bà Tú không nói rằng gì hết, vùng-vắng đứng dậy, làm thinh bỏ đi về phía Bà Chiểu. Ông Tú gọi :

— Mình ơi !

Bà Tú không quay lưng, cứ việc đi thẳng, ông Tú phải chạy theo níu bà lại :

— Mình trẻ con lắm. Ông Tú dỗ bà, vuốt ve, mơn-trớn, và đưa bà vào ngồi trong bóng mát vườn cao-su gần đấy. Ông ráng lôi chiếc xe máy dầu đến gần vợ, ngồi xuống tiếp-tục tháo các máy móc ra sửa chữa. Ông vừa làm vừa hỏi hỏi-dùng :

— Nào ? Thế bây giờ Mình muốn cầu-cơ, kêu hồn ma về để nói chuyện với mình phải không ?

Bà Tú còn giận-dỗi, cúi đầu đan, không nói. Ông Tú tẩm-tẩm cười, biết tính vợ hay làm nũng, nhưng lại thích học-hỏi. Ông bảo :

— Anh rất ngạc-nhiên rằng trong một nghịch cảnh như thế này mình cũng muốn anh nói những chuyện không dính-líu gì đến chiếc xe máy dầu này cả. Nhưng mình muốn biết chuyện cầu-cơ, chuyện hồn ma hiện về, thì anh cũng sẵn-sàng để cho mình biết trước rằng sáng nay hai đứa

mình không đi Biên-Hòa được như ở nhà đã sắp đặt, và cuộc du hành đến đây là chấm dứt. Nếu trong vài giờ nữa anh không sửa được cái xe máy dầu này thì 12 giờ trưa anh phải vác nó lên vai, cuốc bộ về Saigon. Anh tin rằng sẽ không có một hồn ma nào hiện về để vác giùm cho anh đâu. Mình muốn anh nói chuyện tại sao Cầu Cơ có hồn ma về trong lúc đó chiếc xe mô-tô già lụ-khụ của anh cứ một mực ngâm câm, không hề nói cho anh biết tại sao nó không bồ bình bịch nữa !

Bà Tú, bây giờ túm tím cười duyên :

— Tại Mình không nói chuyện với em, cho nên cái xe nó cũng không thèm nói gì với mình đó.

Ông Tú từ nay giờ vừa nói vừa xem xét lại các bộ phận xe máy dầu, bây giờ ngừng mặt lên cười, đưa hai bàn tay dính đầy dầu nhớt, ngó vợ :

— Nếu vậy thì anh nói. Câu chuyện mình hỏi đó không dính líu đến chiếc xe máy dầu lụ khụ 90 đời này, nhưng nó dính líu với Mặt Trăng và các Thế giới khác bà con với Mặt Trăng.

— Sao lại huyền bí vậy ? Em hỏi về khoa học cơ mà !

— Ủ thi khoa học. Nhưng đúng hơn là một nửa khoa học,

một nửa huyền bí.

— Thế nào là nửa khoa học nửa huyền bí ?

— Vì khoa học chỉ mới có định phóng hỏa tiễn lên Trăng và có lẽ trong một thời gian không lâu sẽ đồ bộ được cả lên sa Hỏa, lên Hỏa tinh, Thổ Tinh Thủy Tinh. v.v...

Nhưng khoa học chưa giảng giải được những huyền bí liết quan giữa các thế giới mờ mịt xăm với Thế giới địa cầu của chúng ta. Những huyền bí ấy như chuyện Cầu-Cơ chẳng hạn vẫn có thể chứa đựng một phần nào các yếu tố khoa học. Chỉ vì KHOA HỌC CỦA LOÀI NGƯỜI trên Trái Đất này CHUA TIẾN ĐẾN MỘT TRÌNH ĐỘ CAO SIÊU có thể THẤU TRIỆT ĐƯỢC CÁC VĂN ĐỀ HUYỀN BÍ ĐÓ THÔI. Vì mặc dầu đến thế kỷ nguyên tử, thế kỷ Vệ tinh nhân tạo, khoa học vẫn còn ở thời kỳ mò mẫm trong các địa hạt khác, huyền bí, chưa thám hiểm được, chưa khám phá được, chưa quan niệm rõ ràng được. Mình nghe không ? Có ông Bác học nào, ông Bác sĩ nào, ông Học giả thông thái nào dám quả quyết rằng khi người ta chết, LINH-

HỒN CÚNG CHẾT HAY KHÔNG ? Hay là nó phiêu bạt nơi nào ? Nó đi đến một thế giới nào ? Như vấn đề Cầu Cơ chẳng hạn, hay là vấn đề Hồn Ma hiện về, có nhiều nhà Bác học, Khoa học, nói chắc rằng không có, bêu môi cho rằng đó là mê tín dị đoan. Nhưng họ nói thế mà họ có **CĂN CỨ TRÊN ĐỊNH LUẬT KHOA HỌC NÀO VỮNG CHẮC HAY KHÔNG ?** Hay họ chỉ dựa trên vài ba **LÝ LUẬN THÔ SƠ, ĐƠN GIẢN**, không đủ bảo đảm chân lý khoa học, cái **CHÂN LÝ TUYỆT ĐỐI MÀ CHUA CÓ NGUYÊN TẮC KHOA HỌC NÀO KIÈM SOÁT ĐƯỢC ?** Mình nghe không ? Thành thử, ở ngay giữa thời đại nguyên tử lực, và hỏa tiễn, những chuyện huyền bí như chuyện Hồn ma hiện về, chuyện cầu cơ, giáng bút, ai tin cũng chưa hẳn là tin lắm, ai không tin cũng chưa hẳn là hoàn toàn đúng theo chân lý. Có điều này chắc chắn, không ai chối cãi được, là hiện nay khoa học đang thắc mắc về một câu hỏi : **TRONG VŨ TRỤ, CÓ RIÊNG GÌ QUÀ ĐẤT CỦA CHÚNG TA, MÓI CÓ**

NGƯỜI Ở HAY KHÔNG ? Nhiều nhà bác học tiến bộ nhất của Âu Mỹ hiện nay lại úc đoán rằng : trong vũ trụ còn **HUYỀN BÍ BAO LA** kia, rất có thể còn những **HÀNH TINH KHÁC CHÚA ĐƯNG NHỮNG THẾ GIỚI LOÀI NGƯỜI KHÁC.**

— Sao hôm Trung Thu Mình nói với em rằng trên mặt Trăng là một vệ tinh của Trái Đất, không có người ở, không có đời sống ?

— Anh nói rằng trên trăng không có đời sống giống như đời sống của trái đất chúng ta, không có loài người ở giống như loài người chúng ta (Đó là chỉ nói một nửa Mặt trăng mà ta thấy sáng đó thôi, còn một nửa khác, ở phía bên kia thì kính viễn vọng (Télescope) chưa nhìn thấu được), nhưng có nhà khoa học nào dám quả quyết rằng trên Trăng không có một «giống người» nào KHÁC không ? Khoa học ngày nay đã tiến đến một mức thật là quá cao, thì những lời úc đoán kia không phải là biểu diễn một trí thông minh mê sảng, u muội đâu.

Trước đây 2000 năm, LU-CRÈCE đã viết như thế này :

« Tất cả vũ trụ mà hiện mắt ta trông thấy được đây không,

phải là duy nhất trong thiên nhiên, và chúng ta phải tin rằng, ở những miền khác của không-gian, có những quả đất khác, những sinh vật khác, những giống người khác... »

Khoa-học ngày nay, trải qua 2000 năm, tuy nói là tiến bộ, nhưng cũng chỉ đem những con số không-lồ ghi những khoảng cách hàng mấy chục triệu kí-lô-mét để xác-nhận một lời nói mơ-mộng của nhà Thi-sĩ La-tinh mà thôi !

— Như vậy nghĩa là khoa-học đã cho biết các hành-tinh khác cũng là những thế-giới như thế-giới của Trái Đất và có những giống người khác sống trên những hành-tinh ấy ?

— Khoa học chỉ đặt ra vấn đề chư chưa giải quyết. Nhưng đồng thời khoa-học cũng đưa ra những ức thuyết làm căn-bản tạm thời để nghiên-cứu, tìm tòi khám phá. Khởi điểm của những ức thuyết ấy là vũ-trụ mông-mênh vô cùng, gồm có mấy triệu triệu triệu các hành tinh lơ-lửng giữa không gian vô tận vô biên, và trái đất của chúng ta ở đây chỉ là một hột cát nhỏ xíu trong cuồng phong tinh-tú ấy, hay là một « ngôi sao » trong ức triệu triệu triệu những « ngôi sao » kia !

Như vậy, nếu quả đất đã có.. một thế-giới loài người, thì làm sao không tin được rằng các « Quả đất » khác, nghĩa là các « Ngôi Sao » mà từ mặt đất xa xôi chúng ta trông thấy lí tí trên vòm trời ban đêm, các hành tinh, định tinh, hằng hà sa số kia đều cũng có các giống người khác, các đời sống khác ? Khoa học đã nghiên cứu tìm kiếm... cũng như anh đang tìm kiếm tại sao cái xe máy đầu của anh không chạy...

Ông Tú cười, bỏ cái kẽm xuống. Từ nay giờ vừa nói ông vừa lui cui, tháo hết cái bù-loong này đến cái bù-loong khác, xem xét, sửa chữa, rồi lắp lại. Lắp xong, ông đứng dậy, cố sức đạp thật mạnh, đạp ba bốn lần, mồ hôi rịn ra từng giọt trên mặt ông. Vài tiếng nõ « bụp... bụp » rồi tắt. Bà Tú trông thấy chổng mệt nhọc, liền bảo :

— Thôi Mình, nó không chạy thay kệ nó. Hơi đâu mình sửa ! Mình vào bóng mát ngồi với em, nghỉ cho khỏe. Tụi mình chơi ở đây, cũng được, không cần đi Biên Hòa.

— Còn cái của nợ này, tính sao đây ?

— Chỗc nữa, tụi mình thuê xe thồ môt chờ nó về Sài-gòn, rồi mình đưa cho thợ sửa.

— Mình nói nghe được.

Ông Tú đè chiếc xe nặng nề
dưa bên lề đường. Ông vào bóng
mát vườn cao su, ngồi cạnh vợ.
Bà Tú lấy khăn tay lau những giọt
mồ hôi trên mặt chồng. Ông dưa
lưng vào gốc cây, lấy đĩa thuốc,
châm lửa, hút. Bà Tú hỏi, với
cái giọng hiền từ nhỏ nhẹ của
một thiếu phụ cưng yêu chồng,
23 tuổi.

— Rồi sao nữa, Mình?

Ông Tú lim dim như buồn
ngủ:

— Rồi... các nhà Thiên-văn-
học trú danh đã bảo rằng trong
Thái dương hệ (Système Solaire)
có hai hành tinh có thè có những
loài người ở.

— Thái dương hệ là gì?

— Là 9 hành tinh xoay chung
quanh Mặt Trời (Thái-dương)
và cùng chịu ảnh hưởng trực
tiếp của sức nóng Mặt Trời.
Và đây là « quý danh » của
chín « ông Sao » ấy, kè theo thứ
tự ở gần Mặt-Trời. 9 Hành-tinh
(Planètes) này lại còn có tất cả
31 Vệ-tinh (Satellites) :

— 1 — THỦY-TINH (Mercure)
— Không có Vệ-tinh.

— 2 — KIM-TINH (Vénus) —
Sao Thái-Bạch — Sao Hôm :
(Sao Mai) — Không có Vệ-tinh.

— 3 — QUẢ ĐẤT (Terre)

— Có 1 Vệ-tinh là (Mặt-
Trăng)

— 4 — HỎA - TINH (Mars)

— Có 2 Vệ-tinh.

— 5 — MỘC - TINH (Jupiter)

— Có 11 Vệ-tinh.

— 6 — THỒ - TINH (Saturne)

— Có 10 Vệ-tinh.

— 7 — ỦY-RA-NUÝT (Uranus)

— Không có Vệ-tinh.

— 8 — PLUY-TÔNG (Pluton)

— Không có Vệ-tinh.

— 9 — NẾP-TUYN (Neptune)

— Có 7 Vệ-tinh.

THỦY-TINH gần Mặt-Trời
hơn hết...

— Gần hơn hết là bao nhiêu?

— Khoảng cách trung-bình là
45 triệu ki-lô-mét... Hành-tinh
số 9, NEPTUNE, xa Mặt-Trời
hơn hết, nghĩa là 4.501 triệu
ki-lô-mét.

— Còn Quả-Đất xa Mặt-Trời
bao nhiêu, bà Mình?

— Độ 149 triệu 504,000
ki-lô-mét, là khoảng-cách trung-
bình. Thủỷ-Tinh, gần Mặt-Trời
nhất, tức-là ngôi Sao mà chúng
ta thấy hiện ra long-lanh trên
đường chun Trời vào khoảng 2
giờ, hoặc 2 giờ 15 phút khi Mặt-
Trời mọc, và 2 giờ, hoặc 2 giờ 1
phút sau khi Mặt-Trời lặn. Thủỷ-

tinh cũng là Hành-tinh bé nhỏ nhứt, nó là đứa em-út của Thái-dương hệ : đối với Trái-Đất, nó nhỏ hơn 20 lần. Còn Hành-tinh Neptune xa Mặt-Trời hơn hết (trong Thái-dương-hệ), thì phải đóm trong telescope (kinh viễn-vọng) mới thấy nó. Vả lại, nhà Thiên-Văn-học Leverrier cũng mới khám-phá ra được nó hồi năm 1846 mà thôi.

— Lúc này Mình nói tất cả 9 «ngôi sao» ấy, tức là 9 Hành-tinh của Thái-dương hệ, xoay chung quanh Mặt Trời, và thợ-lanh ánh sáng của Mặt Trời..?

— Nói «sức-nóng» của Mặt Trời thì đúng hơn, vì ánh-sáng tức là sức nóng của Mặt Trời.

— Vâng, 9 hành tinh trong hệ-thống Thái-dương ấy có các giống người ở cũng như Quả-Đất hay sao ?

— Các nhà Thiên-Văn học cho rằng nếu Trái-Đất, là Hành-tinh thứ 3 của Thái-dương-hệ, mà hiện đang có loài người chung ta ở, thì không có lý nào các hành-tinh khác của Thái-dương hệ lại không có các giống người khác ở? Vì thế, các nhà Thiên-văn-học trứ danh nhất của Trái-Đất đã cố công tìm-tòi, nghiên cứu, và đã đưa ra ức-thuyết rằng Hỏa-tinh (Mars) và kim-tinh (Vénus —

Sao Hôm) rất có thể có các giống người ở, và ở hai « Ngôi Sao » ấy, có thể có hai Thế giới cũng như ở Trái Đất, và có thể « Văn minh » cũng như chúng ta, hoặc là cao hơn chúng ta.

— Căn cứ vào đâu, Thiên-văn-học úc đoán như thế, hả mình ?

— Căn cứ vào các điều kiện sinh nở của sinh vật trên trái đất như DUỐNG KHÍ (oxygène) ĐẠM KHÍ (azote) thán khí (gaz carbonique) mây, nước, v.v., mà Thiên-văn-học đã tìm thấy có đầy đủ ở trên hai « Ngôi Sao » Hỏa-tinh và Kim-Tinh.

Cũng như người ta đã biết chắc rằng Mặt Trăng là Vệ-tinh duy nhứt của Trái-Đất, không có nước, không có không khí, thì không thể nào có một loài người giống như loài người chúng ta trên Đĩa-cầu ở trên Trăng được. Nhưng Thiên - văn học chưa dám quyết chắc rằng ở trên Trăng không có một giống người khác với những yếu-tố sinh hoạt khác hẳn với chúng ta.

— Mình nói ở trên Hỏa-tinh và Kim-Tinh, có các yếu-tố sinh sống như ở Trái Đất, còn mấy Hành Tinh khác không có?

— Hiện nay, các nhà Thiên-văn-học đang nghiên cứu về vấn-

đè đó, và chúng ta có thể tin chắc một vài điều quan-trọng : khoa-học của loài người đã tiến lên một mức khá cao, đã tìm ra được nguyên-tử lực, đã có thể chế-tạo các hỏa-tiễn để phóng lên Mặt Trăng, (Mình còn nhớ : Khoảng cách trung-bình giữa Đĩa-cầu và Nguyệt-cầu là 384.000 ki-lô-mét) và cũng đã xác định một số các yếu-tố làm căn-bản những quan-sát, thí-nghiệm và kết-luận về tính chất của các hành-tinh của Thái-dương-hệ. Theo những kết luận ấy, chúng ta biết rằng ở Hòa-Tinh và Kim-Tinh, có thể có các loài sinh-vật, các loài « Người » và hai « Ngôi Sao » ấy là hai thế giới « Sống » như Thế-giới Đĩa-cầu, chó không phải hoang-vu như Nguyệt-cầu (Mặt trăng). Đây là chúng ta chỉ nói về 2 trong số 9 Hành-Tinh của Thái-dương-hệ mà thôi, chứ chưa nói đến muôn ~~trí~~ triệu triệu « Ngôi Sao » khác, — nghĩa là các Hành-Tinh khác, các Thế-giới khác, của các Hệ-thống khác hơn là Mặt Trời, đang quay cuồng trong vũ-trụ và tận vô-biên. Ban đêm, ngó lên « vòm trời », chúng ta thấy muôn ~~trí~~ triệu « Ngôi Sao », đó là muôn ~~trí~~ triệu Hành-Tinh, hoặc Định-Tinh, Muôn ~~trí~~ triệu « Thế-

giới », ở cách xa nhau hàng muôn ~~trí~~ triệu ki-lô-mét, và còn những muôn ~~trí~~ triệu « Ngôi Sao » khác mà mắt trần chúng ta không thấy được, mà kính viễn-vọng mạnh nhất của Hoàn-Cầu cũng chỉ thấy mờ mit mà thôi. Trở về Thái-dương-hệ (Système Solaire), chúng ta đã biết rằng hiện nay, ngoài Đĩa cầu của chúng ta đang ở, còn có Hòa-Tinh và Kim-Tinh là hai « Đĩa-cầu » khác, hay là hai Thế-giới, có các giống người khác sống. Năm 1939, Hòa-Tinh đi gần Trái Đất, các nhà Thiên-văn-học có dịp quan-sát kỹ lưỡng, có thấy nước và những cái mương rộng đến 32 ki-lô-mét và dài 5.000 ki-lô-mét. Có lẽ đó là những con sông lớn chăng ? Mình nên nhớ rằng « Hòa-Tinh » chỉ là một danh từ Thiên-văn-học, không có nghĩa là một hành tinh có lửa, (vì trong Thái-dương-hệ chỉ có Mặt Trời là một Hỏa cầu mà thôi). Cũng như Kim-Tinh không phải là Hành-Tinh của Kim, hay là Thủy-Tinh là của Thủy, Mộc-tinh là của Mộc, v. v...

Kim-Tinh, thì địa thế giống như địa thế của Trái Đất. Nó xoay một vòng chung quanh Mặt Trời trong Khoảng từ 225 ngày đến 288 ngày, cũng như Trái

Đất xoay một vòng 365 ngày, giáp một năm. Kim-Tinh cũng có một lớp mây bọc chung quanh, và có nhiều thán khí (gaz carbonique), có đường khí, có nước.

Như vậy, người ta có thể tin rằng ở trên Kim Tinh (Sao Hỏa) cũng có một loài người ở mọi Thế-giới có lẽ văn minh như chúng ta, hay là đã tiến bộ hơn chúng ta nhiều. Nhà bác-học Lefebvre quả quyết rằng : «Những giống người ở trên các Thế-giới khác chắc là không khác gì chúng ta mấy, về hình dạng cũng như về trí óc thông minh». Nhiều nhà Thiên văn học khác cũng quyết đoán rằng các giống người ở các thế giới khác, của các Hành tinh khác, cũng phải có đầu, mình, tay chân, mắt, mũi, và lục phủ ngũ tạng, như loài người trên Địa cầu.

Bà Tú nghe say mê câu chuyện Thiên văn học của Ông Tú. Ăn que đan và tấm áo đan xuống đất, bà dìu dàng hỏi chồng :

— Mình khát nước không? Em cắt cam Mình ăn nhé?

Ông Tú ngạc nhiên và vui mừng :

— Mình có đem cam theo sao?

— Có 4 trái, mình à. Em dề phòng tụi Mình đi chơi nắng khát nước.

Ông Tú âu yếm khen vợ :

— Mình thật là một vị Ngọc Nữ.

Bà Tú sung sướng vừa gọt cam, vừa hỏi :

— Rồi sao nữa, Mình? Thế ra bây giờ em mới biết rằng không phải riêng gì trên mặt Địa cầu này mới có loài người. Từ trước, em cứ tưởng rằng chỉ có Trái đất của chúng ta ở mới có Loài người. Trái đất là trung tâm diêm, và loài người là chúa tể cả Vũ trụ.

Ông Tú im lặng, lấy một điếu thuốc, đánh quẹt châm thuốc hút, rồi thong thả nói :

— Trái Đất của chúng ta chỉ là một hạt bụi, và loài người chỉ là một cái bóng. Ăn thua gì, đối với vô tận vô biên !

Bà Tú gọt xong quả cam, đưa Ông Tú. Ông Tú cắn một miếng, liền nhăn mặt la lên :

— Chua quá, Mình ơi! Chua quá! Chua quá!

Bà Tú cười ngặt nghẽo :

— Đè em gọt trái khác.

— Mình cho anh trái nào ngọt- ngọt, rồi anh nói Mình nghe câu chuyện này tức cười lắm.

Ông Tú vừa ăn trái cam ngọt, vừa nói :

— Một nhà Bác-học Anh, tên là Thomas Dick, có xuất bản

năm 1837 một quyển sách về các giống người trên các Hành-tinh, mà không biết ông căn cứ vào đâu, ông tính cách nào thành ra những con số kinh khủng.

Theo ông thì Hành-tinh nào cũng có người ở, và ông cho dân số mỗi Hành-tinh như sau đây :

THỦY TINH, dân số 8.960
triệu người.

KIM TINH, dân số 53.500
triệu.

QUẢ ĐẤT, Dân số 800
triệu.

HỎA TINH, 15.500 triệu.

MẶT TRĂNG, 4.200 triệu.

v.v....

Tông cộng cả thảy các Hành-tinh và Vệ-tinh của Thái dương hệ, theo những bài tính của Thomas Dick, là:

703.079.744.000.000 người !

Ông Tú có tật ăn cam cầm nguyên trái cam cắn ăn, chứ không thích ăn từng múi, dù cam chua cùn, vậy, cho nên ông đe nhiều nước cam lỏng thòng xuống hôi bên miệng. Bà Tú lấy khăn lau sạch cho ông, rồi ông nói tiếp:

— Chúng ta biết con số kinh-khung đó dè vui chơi, chứ còn việc kiểm tra dân số trong các hành-tinh xem có đúng hay không.

thì họa may có Ông Trời mới kiềm tra nòi..., nếu có cả Ông Trời !

Ông Tú nói đến đây thì bỗng dừng một người bạn của ông đi Thủ Đức về, lái chiếc xe hơi, vừa đến. Trông thấy ông Tú bà Tú, người bạn ngừng xe chào :

— Chà ! Hai ông bà pik-nik ở đây hả ? Tình tự quá nhỉ !

Ông Tú nói cho bạn biết về vụ cái xe máy - dầu bịパン. Người bạn coi xe, đạp mạnh mấy cái rồi cười :

— Xe anh chẳng có hư hỏng gì cả. Đè tôi làm nó nồ cho anh coi.

Nói xong, anh ta lấy một thùng xăng dự trữ trong xe hơi của anh, đem qua đồ chừng ba lít vào bình xăng của xe máy dầu. Ông Tú đạp mạnh trên bàn đạp, xe nồ. Ông cười ngó vợ :

— Phải rồi. Té ra tại không có xăng, chứ không phải tại xe hỏng máy !

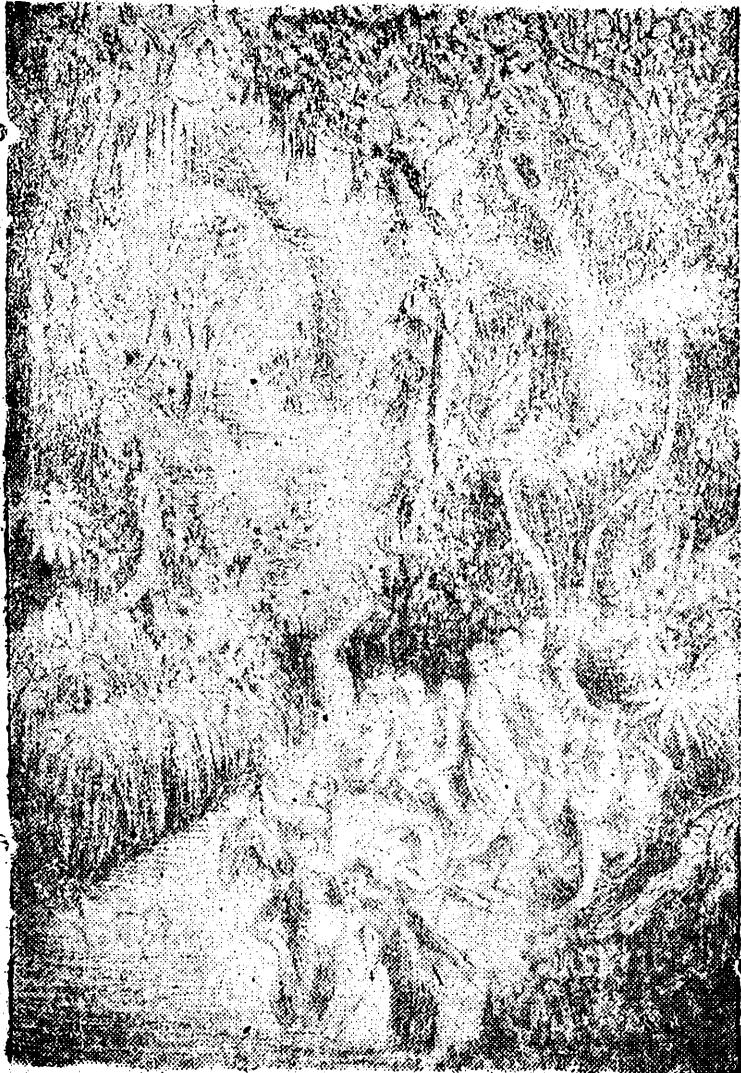
Bà Tú phì cười :

— Trước khi ra đi Mình không đồ xăng à ?

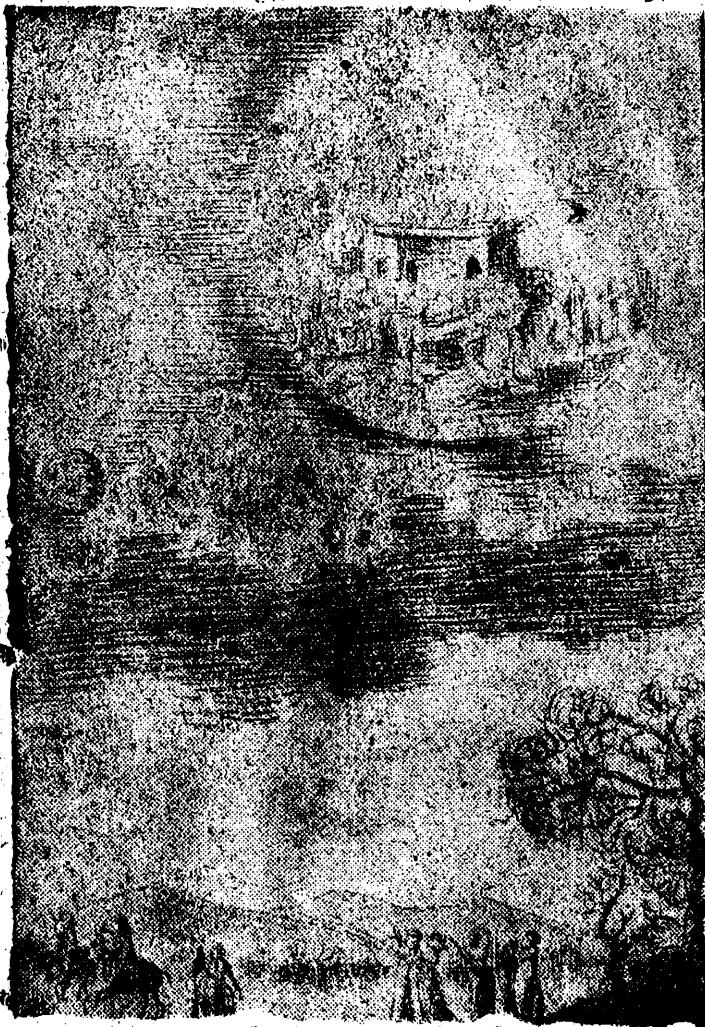
— Có lẽ anh quên đấy.

Bà Tú cười Ông Tú quá lâng trí.

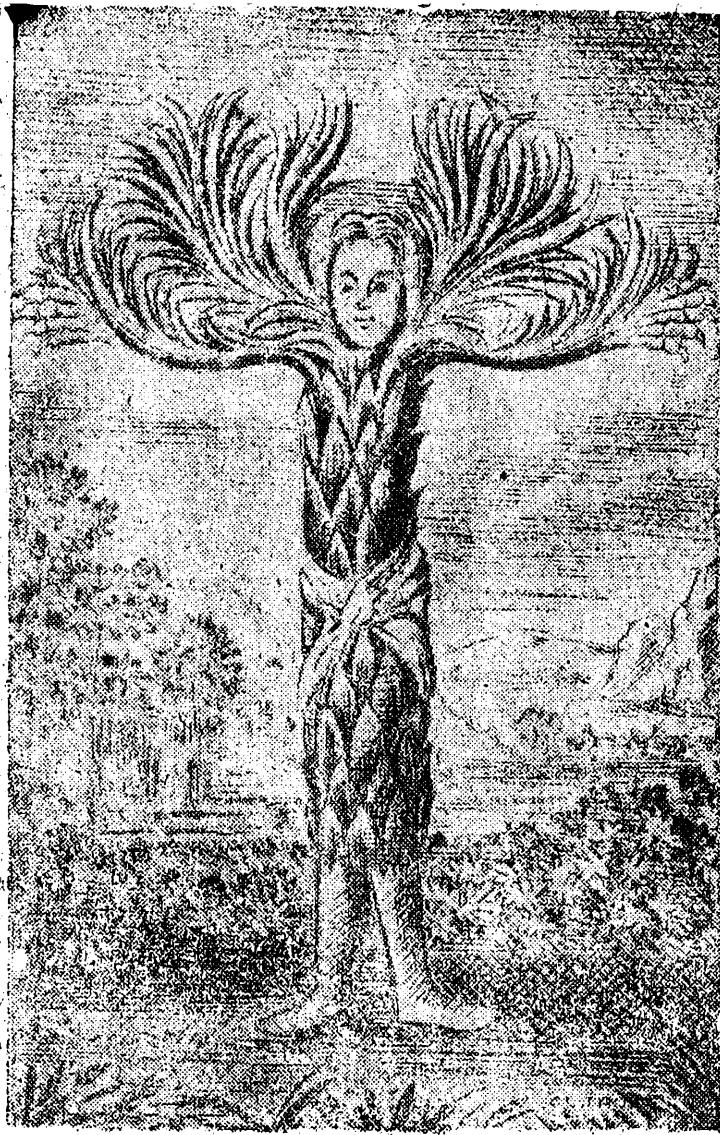
Về nhà trưa hôm ấy, ông Tú kiểm trong tủ sách một quyển, lấy dở ra chỉ cho bà Tú xem những trang ảnh sau đây :



*Ngoài và phong cảnh & sao Kim-Tinh, theo trí tưởng tượng
của nhà Đại văn sĩ Thiên văn học CAMILLE FLAMMARION*



Người ở trên cung Trăng, theo một bức họa Pháp hồi thế kỷ XVIII.

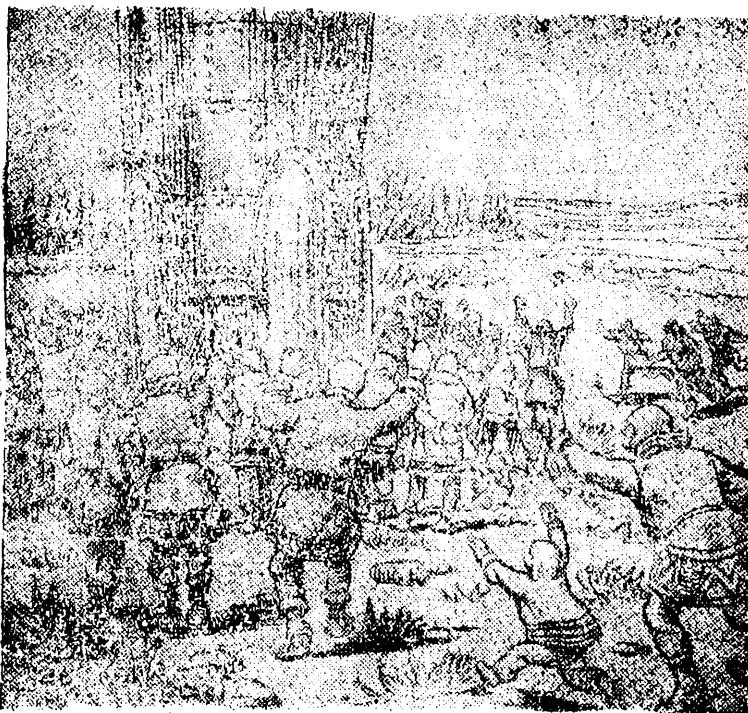


*Người-Cây ở sao Thủy Tinh (Mercurie), theo bức vẽ của nhà
bác học Đức GOLDBERG.*



*Người ở trên Mặt-Trời, theo sách của hai nhà bác-học FAURE
và GRAFFEGNY.*

Một nhà bác-học Mỹ tả cảnh tượng một hỏa-tiễn liên tinh của Quả Đất bắn lên sao Hỏa tinh (Mars) được dân chúng Hỏa tinh tiếp đón.



Ông Tú chỉ vợ xem xong mấy bức tranh kỳ di trên kia, rồi kết luận :

— Dĩ nhiên, không ai bắt buộc Mình phải tin rằng những nhân vật ấy là có thật, ở trên các thế giới khác. Đó chẳng qua là những ghi chép của những tưởng tượng khôi hài ngoài chân lý khoa học. Nhưng theo những nguyên

tắc xác đáng của Thiên-văn-học hiện-đại, người ta biết rằng trong 9 Hành Tinh của Thái dương hệ, có lẽ Hỏa Tinh và Kim Tinh là hai thế giới có người..., có đời sống văn minh, và... biết đâu họ đã tiến bộ hơn ta nhiều?

Bà Tú cởi áo dài treo trên tủ, và tủm tỉm cười :

— Câu chuyện Thiên văn-học

của mình nói hôm nay, em nghe thích quá. Nhưng Thiên văn học có liên quan gì đến chuyện cầu cơ, Giáng bút, và hồn ma hiện về, mà em hỏi Mình hồi sáng ?

— Liên quan chứ ! Vì chính anh cũng đã thấy ma rồi, anh đã thấy cả Yêu Tinh nữa, và anh đã thí nghiệm nhiều lần trong các đêm cầu cơ, giáng bút, (quan sát tường tận với óc phê bình, chứ nhứt định không mê tín đoán) cho nên anh muốn tin rằng : Ngoài thế giới ta-bà của trái đất chúng ta đang sống đây, có lẽ phải có một thế giới nào đó, ở một Hành tinh nào đó, là nơi sống của những... không phải là những hình người như chúng ta, mà là những ... giống người khác có thể thàn giao kết cảm với Địa cầu BẰNG MỘT TỬ LỰC (fluide magnétique) rất mạnh, rất huyền bí mà KHOA HỌC CỦA THẾ KỶ XX CHUA KHẨM PHÁ RA ĐÓ THÔI. Nếu Kim Tinh và Hỏa Tinh quả thật có các giống người văn minh tiến bộ như loài người trên Địa cầu, thì rất có thể có những Hành Tinh khác hay các vệ tinh nào đó là những thế giới của các loại « Thần Tiên » hay « Yêu ma » chẳng ? Gạt bỏ hẳn những hình

thức nhảm nhí và lạc hậu của mê tín dị đoan ra ngoài vòng suy nghiệm của trí óc thông minh, chúng ta tự bắt buộc phải nhận nhận nhiều chuyện hồn ma hiện về, hoặc cầu Cơ giáng bút là SỰ KIỆN CỦ THÈ (des faits concets) chứ không phải sự kiện tưởng tượng (non des faits imaginaires), vì một khi CHÍNH MẮT CHÚNG TA THẤY RỎ RÀNG MỘT HÌNH MA, MỘT « CON YÊU TINH », chính chúng ta đã dự vào những cuộc cầu cơ thí nghiệm, do một nhóm người học thức, có óc khoa học, hoàn toàn không mê tín dị đoan, hoàn toàn không bị ai lừa bịp, thì những sự tiết lộ hiển hiện ra trước mắt ta, những tiết lộ siêu nhân siêu thực (révélations extra-humaines, extra-terrestres) là những bằng chứng đích xác nhứt buộc ta không có quyền hoài nghi hay công kích nữa. Trong truyền tích đời xưa, có TÈ THIỀN ĐẠI THÁNH bay được ra ngoài Trái đất, đó có thể là một chuyện tưởng tượng. Nhưng ngày nay, một con chó tên là LAIKA, và một con khỉ tên là ABLE cũng đã bay được trong một hỏa tiễn lên trên ngoại tùng không khí.

Bà Tú nhoẻn một nụ cười :
→ Tề Thiên Đại Thánh cũng
là một con khỉ !

— Hài rồi. Con'khi ABLE chỉ
cụ thè hía trong thực tế khoa học
cái việc mà con khỉ Tề Thiên
Đại Thánh đã làm trong tưởng
tượng của truyền 'ich hoang
đường. Theo đó, chúng ta có thè
nói rằng những chuyện Ma quỷ
hiện về, những chuyện cầu cơ
giáng bút, những chuyện Thần
Tiên, bây giờ chúng ta không tin,
cho là huyền hoặc dị đoan, nhưng
biết đâu qua Thế kỷ XXI, khoa
học càng tiến lên càng khám phá
dần dần các hiện tượng huyền bí
và sẽ đứng trước những sự thật
phi thường, mà trí thông minh
còn thấp kém của chúng ta đãi
nay chưa thấu triệt đến nơi đến
chốn,

Ông Tú nói dồn dập thì bỗng

nghe ngoài đường phố có tiếng
rao :

— Ai ăn tiết canh vịt không ?
Ông Tú lật đật chạy ra cửa sổ
kêu :

— Tiết canh vịt !

Ông quay vào bà Tú đang
nằm trên võng :

— Mình ơi, trưa nay ăn tiết
canh vịt thế cơm, nhé ? Mình
đồng ý không ?

Bà Tú túm tim cười :

— Đồng ý.

— Thế thì hoan hô mình !

Mình nằm võng nghỉ một tí,
đè em ra mua. Mình có hoan hô
luôn thịt vịt và cháo vịt không ?

— Hoan hô lắm chứ !

Diem Nguyen

* THƯƠNG EM

Người mẹ mang đứa con ham ăn :

— Con không mặc cờ à ? Con ăn hết cái bánh to thế này mà
không nghĩ gì đến em con sao ?

Con.— Có chứ, con nghĩ đến em nhiều lắm !

Mẹ.— Con nghĩ sao ?

Con.— Con nghĩ là : con sợ em con nó về trước khi con ăn
cái bánh !

SÁCH MỚI XUẤT BẢN

* NGƯỜI CHỨNG THỬ NHẤT

Tác giả Phạm-dinh-Khiêm, tựa của Giám-mục Phạm-ngoè-Chī và của Ông Trương-bửu-Lâm, Giám-đốc Viện Khảo-Cồ — Tinh-Việt xuất-bản.

Một cuốn sách khảo-cứu về lịch-sử tôn-giáo, người Tự-đạo đầu tiên của Thiên-Chúa-Giáo, ở Trung-Việt, hồi đầu thế-kỷ thứ XVII, là ông André Phú-Yên. Tác-giả biên khảo rất công-phu, theo rõi từ những chi-tiết nhỏ, và điều đáng khen là cùng một lúc ông làm sống lại vài nhân-vật trọng yếu trong lịch-sử đương-thời như : CHÚA SÃI, CHÚA THUỘC, HOÀNG-TỬ KÝ, Trần-thủ NGUYỄN-PHÚC-VINH, bà VƯƠNG-THÁI-PHI, NGỌC-LIỀN CÔNG-CHÚA và TỔNG-THỊ một dâm-hậu trong cung chúa Nguyễn, nữ giàn-diệp của Chúa Trịnh, hai phen gày ngoại-xâm nội biến định lật đỗ các chúa đương thời.

Tác-giả đã có công thâu thập nhiều tài-liệu tôn-giáo, chính-trị, và hình ảnh từ La-Mã, Ba-Lê, Lisbonne, Áo-môn, và đã thành công xứng đáng trong tác-phẩm khảo-cứu về một đoạn lịch-sử của đạo Gia-tô ở Việt-Nam dưới thời Nguyễn-Trịnh.

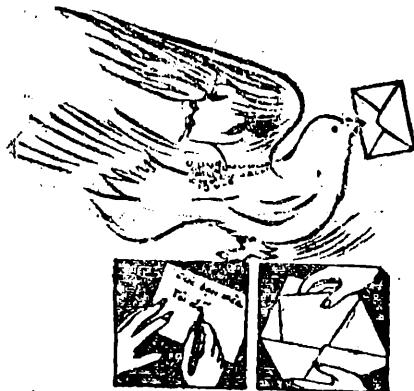
Bìa trinh-bày rất đẹp, sách dày 258 trang — Giá 70 đồng.

* ANH VIỆT TRÍCH ĐIỂM

Của Nguyễn-dinh-Bảo — Nhà xuất-bản DẠ-QUANG, 170 Lê-Lai Saigon.

Một quyển sách phiên-dịch ra Việt-văn, các đoạn văn hay nhất của các văn-sĩ danh tiếng của Anh, Mỹ, như Mark Twain, Pearl Buck, Frank Norris, Charles Dickens, v.v... Các bạn học Anh-ngữ và các bạn học-sinh T.H.D.N.C. và Tú-tài nên học quyển này.

50 bài, 140 trang in giấy tốt — giá 25 đồng.



ĐÁP BẢN

BỐN

PHƯƠNG

* **BẠCH YẾN**

★ Bạn Nam Tuấn — Vũng Tàu.

1) Câu « *Cái gì của César, hãy trả lại cho César* » là câu châm ngôn của Pháp (Il faut rendre à César ce qui appartient à César) có nghĩa là : Cái gì của ai thì phải trả lại cho người đó.

César là tên một vị Hoàng đế độc tài của đế quốc La-Mã Julius César, (101 — 44 trước Thiên Chúa)

2) Cách viết và đọc mẫu tự Hy Lạp đại khái như sau :

A (Alpha ≈ a) Α (Lambda ≈ l)

B (Beta ≈ b) Μ (Mu ≈ m)

Γ (gamma ≈ gh) Ν (Nu ≈ n)

Ε (Epsilon ≈ é) Ο (Omicron ≈ o)

Ζ (Dzéta ≈ dz) Π (Pi ≈ p)

Η (Eta ≈ ê) Τ (Tau ≈ t)

Ι (ota l ≈ i) Ρ (Rau ≈ r)

Κ (Kappa ≈ k) Χ (Khi ≈ kh)

Δ (Delta ≈ ô) v.v... .

★ Bạn Thiếu Khanh — Sài Gòn.

Muốn lấy một bài thơ để phô biến thành nhạc phải xin phép tác giả bài thơ ấy. Rất tiếc chúng tôi không được biết địa chỉ của nữ sĩ T.T.KH.

★ Ông Nguyễn Thành Lịch — Vũng Tàu.

Giá báo dài hạng một năm là 220 đồng — 6 tháng 110 đồng — 3 tháng 55 đồng. Nhưng tiện hơn là ông mua ngay nơi **Đại lý báo** ở Địa phương.

★ Bạn L.V. Hý — Huế

1) Bài nói về hai nhóm *Nam Phong* và *Phong Hóa* là một bài phê bình trong phạm vi văn học sử đầu thế kỷ XX, cũng như những bài phê bình khác, cùng trong phạm vi ấy, sẽ lần lượt đăng san, về các văn nhân thi sĩ Việt Nam trải qua các thời đại. Trong loạt bài ấy vẫn đề chủ quan đã được gạt bỏ hẳn ra ngoài.

2) Việc Bộ Quốc Gia Giáo Dục hiện thời đếm vài ba nhà văn vào chương trình giáo huấn là thuộc về trách nhiệm riêng của một Bộ ấy, không trực tiếp liên quan đến Văn học sử Việt Nam hiện đại, và cũng không có gì đảm bảo cho sự lựa chọn ấy cả.

★ Bạn Huỳnh Minh Thông — Saigon

Giai thoại Tú Trung trã đùa Nguyễn công Trứ có phần đúng hơn theo như bài của bạn Lương Trọng Minh đăng trong P. T. số 18.

★ Cô Quách thị Thu-Đạm — Quảng Trị

- 1) Ông N. V. không có làm chánh chủ khảo ở Huế
- 2) Muốn khá Pháp văn, ngoài những giờ học ở trường, cô nên xem sách bằng tiếng Pháp cho thường, sẽ tiến bộ.
- 3) Hàng B. G. I. của người Pháp.

★ Bạn Phạm Đường — Vĩnh Điện

Muốn in ảnh vào sách báo thì chụp lại ảnh ấy vào bản kẽm (geliché) với các máy móc riêng, rồi in bản kẽm đó lên báo.

★ Bạn Lê hoàng Minh — Gia Định

1) Khuynh hướng hiện tại của ông N. V. là phụng sự văn hóa Việt Nam.

2) Bạn hỏi lại Ty học Chánh, ở đấy sẽ trả lời rõ ràng và đầy đủ các chi tiết về việc hạn tuổi thi.

3) Cô Diệu Huyền là cô Diệu Huyền.

★ Bạn Nguyễn Thuật — Quảng Nam.

Ông Nguyễn-Vỹ không phải là « thân sinh của ông Nguyễn-Quối, giáo sư Quốc học Huế ».

★ Em D. Huyền — Nữ sinh — Vĩnh Điện.

1) Muốn học mau thuộc và nhớ lâu những tiếng từ ngữ (Vocabulaire) em nên vừa đọc vừa viết những tiếng ấy trên bản đèn nhiều lần.

2) Bị xô mũi vì thời tiết thay đổi bất thường. Em có thể dùng Huile goménolée nhỏ vào mũi.

3) Bé bối : bùa bối.

4) Thanh niên nam nữ đến tuổi dậy thì thường hực minh và các mạt mụn, nhất là những người có làn da nhạy cảm thường bị mọc mụn, muốn tránh nên giữ gìn da mặt cho thật sạch, rửa bằng nước ấm.

★ Một bạn đọc ở Cần Thơ.

Rất cảm ơn thư bạn. Về địa chỉ của cô Thanh-Nhung, chúng tôi không được biết rõ.

★ Bạn Xuân Thành — Huế.

1) Câu : «Đời vua Thái Tổ, Thái Tông,

Con bể, con bồng, con dắt, con mang

là một câu phong dao mà chúng ta không thể biết được xuất xứ, vì không nói rõ là đời Lý Thái Tổ, hay Lê Thái Tổ.

2) Bài thơ «Bán than» của ông Nguyễn Án (cuối thế kỷ XVIII).

★ Bạn Phạm Trọng Tâm Sài Gòn.

Ngục Trà-Khê ở tỉnh Phú Yên, do đường Tuy hòa di lên huyên Cửng Sơn, rồi lên mãi tận miền rừng rú hẻo lánh của dân tộc thiểu số Ra-dê. Ngục này lập ra từ hồi bắt đầu thế giới chiến tranh để giam giữ những tù chính trị «nguy-hiểm»

★ Bạn Ngô Nguyên — Phan Thiết

Bắt cứ bạn muốn mua sách gì, bạn nên viết thư hỏi nhà sách Xuân Thu số 23 đường Tự Do Saigon, ở đây người ta sẽ trả lời đầy đủ cho bạn. Ở tòa báo chúng tôi không thể mua hộ sách cho bạn được vì bạn nhiều việc lắm. Mong bạn thông cảm cho

★ Bạn Võ Thuận Hưng — An Giang

1) Tất cả thư từ thuộc về Tòa soạn, bạn cứ gửi đè Ông Giàm đốc chủ bút.

2) Ngữ gục tiếng Pháp là Somnoler. Chữ Bailler là Ngáp chữ không phải Baillir như trong thư bạn viết.

★ Bạn Hồ Trọng Tiến — Huế

1) Tơ Trời là những sợi tơ sương (sương rất mỏng) thường rơi vào buổi sáng mát dịu của mùa Thu ở miền nhiệt đới. (Rosé matinale) ở các nơi lạnh như Bắc Việt sương rơi dày đặc và mịt mờ, gọi là sương mù (Brume).

2) Bút sa gà chết là câu tục ngữ Việt Nam có nghĩa là : hạ bút

xuống ký một giấy tờ quan trọng, tức là đã nhận lãnh hết trách nhiệm của chữ ký ấy. Theo tục lệ ta mỗi lần bán ruộng đất, hay nhà cửa, người mua phải giết gà làm thịt để sửa soạn bửa tiệc thết đãi người bán và người làm chứng hay người môi giới. Ngày nay tục lệ ấy cũng vẫn còn.

3) *Bánh vẽ* : là cái bánh vẽ trên giấy chứ không phải cái bánh thật, có ý nói lời hứa suông, phỉnh gạt,

4) *Xã tắc* . Các vua xưa cho xây đắp ở kinh đô và mỗi tỉnh một cái nền gọi là nền Xã, để thờ thần đất, tượng trưng cho đất của dân ô ; và nền Tắc để thờ thần nông, tượng trưng cho nghề nông là nghề sống của Dân, Xã tắc nghĩa rộng là Đất nước, Quốc gia. Người ta cũng hay nói Sơn Hà Xã Tắc để chỉ quê hương.

★ **Bạn Nguyễn từ Đắc -- Đề Tú văn hóa - Nha trang.**

Phò Thống từ số 1 đến 11 đã hết, khi nào có chúng tôi sẽ loan tin trên báo. Chúng tôi sẽ gửi các số báo kế tiếp đến bạn khi nào nhận được tem. Mỗi số báo là 10 đồng

★ **Bạn Hoàng tâm Việt -- Chí hòa**

Bạn nên đến hỏi ở Nha Bảo An, chúng tôi không được biết rõ các chi tiết bạn hỏi về ngành ấy.

★ **Bạn An Châu -- Châu đốc, hỏi :**

Khi một vị Tổng thống hay một chánh khách quan trọng đến viếng một nước nào thì nước ấy tặng bằng TIỀN SĨ LUẬT KHOA danh dự là có nghĩa gì ? Việc này bắt nguồn từ nước nào ?

ĐÁP : Đây là tục lệ ngoại giao của người La-mã. Khi có một chánh khách quan trọng ở ngoại quốc đến viếng nước mình, chính phủ mình muốn tỏ ý tôn trọng vì ấy nên tặng cho họ một bằng cấp vì danh dự, khỏi phải thi. Tiếng La mã gọi là HONORIS CAUSA. Thi dụ như ông Lý thừa Vâng là TIỀN SĨ VÌ DANII DỰ của trường Đại Học Sài Gòn, nói theo tiếng La tinh thông dụng hiện nay khắp các nước; ông Lý thừa Vâng là DOCTEUR HONORIS CAUSA của Trường Đại học Sài Gòn.

HỎI . Phái họa «da da» chủ trương như thế nào ? Ai là thủy tổ phái họa ấy ?

ĐÁP ; Danh từ DAIDA trong Văn học sử Pháp chính nó không có nghĩa gì cả. Do một nhóm văn nghệ sĩ cố ý đặt ra danh từ vô nghĩa ấy vào khoảng năm 1919 với một chương trình hoàn toàn không xây dựng gì cả (volontairement négatif) chủ trương phả bỏ hẳn mọi liên

quan giữa tư tưởng và văn chương, nghệ thuật. Nhóm văn nghệ này gồm có TRISTAN TSARA, PHILIPPE SOUPOULT (*Rose des vents*), PICABIA, RIBEMONT DESSAIGNES (*l'Empereur de la Chine*), ELUARD (*Répétitions*), BRÉTON (*Champs magnétiques*), ARAGON (*Feu de joie, anicet*). Lối văn cũng như lối vẽ của nhóm này, là có ý làm cho huyền bí (*mystification*) chứng tỏ sự ly dị triệt để giữa danh từ và ý nghĩa, không cần ý nghĩa, vì vậy mà câu văn khó hiểu, cũng như bức tranh tối nghĩa.

2) *yotonai* là tiếng Nhật, nghĩa là không tốt (*Yoto* : tốt ; *nai* : không).

3) Ba chữ tắt H. M. S. trên các chiếc tàu thủy của nước Anh, có để ba chữ bên hông tàu : H.M.S. tức là Her (hay là His) Majesty's Ship (Tàu của Anh Hoàng).

★ Bạn Bùi Trần Thái, Gia Định.

UNESCO là do những nhà Anh ngữ này kết thành : United Nations Educational Scientific and Cultural Organisation (Tổ chức văn hóa khoa học giáo dục của Liên hiệp quốc) Tổ chức này thành lập năm 1945 tại London (Anh) và có trụ sở ở Paris (Pháp).

★ Bạn Trung Khanh – Đà Nẵng.

TỊCH : sổ sách ; TỊCH BIÊN hay là TỊCH KÝ nghĩa là ghi chép các giá sản của người bị tòa kết án, vào sổ sách của thừa phát lại để surg công hoặc để bán.

TỊCH THU ; ghi chép giá sản của người bị tòa kết án, vào sổ sách để thu về làm của nhà nước.

★ Bạn Tô thanh Nguyên – Sóc Trăng

1) Hai chữ tắt F. M. tức là Franchise Militaire (quyền miễn trừ phiếu của binh sĩ).

2) Thường các trận bão người ta thường đặt một cái tên để tiện gọi và dễ nhớ.

3) Mục « nhờ các bạn trả lời giùm » chúng tôi tạm gác vì bận quá nhiều công việc.



CÙNG CÁC BẠN TẶNG QUÀ PHÔ THÔNG TRUNG THU

★ Như chúng tôi đã loan tin trong P.T. số 20, có tất cả 627 bạn nhờ chúng tôi gửi Phông Trung thu tặng các bạn xa gần ở trong Nước và Ngoại quốc. Đến nay, NẾU BẠN NÀO KHÔNG NHẬN

ĐƯỢC XIN CHÚNG TÔI BIẾT TÊN VÀ ĐỊA CHỈ RỘ RÀNG,
của người nhận ĐỀ CHÚNG TÔI VIẾT THƯ HỎI NHÀ BƯU ĐIỆN.

* Nói ra, có một số bạn đã biên không đúng địa chỉ người nhận, nên bao tặng bị nhà Bưu điện gởi trả về tòa báo, mà chính các bạn gởi cũng không cho chúng tôi địa chỉ rõ ràng, thành thử chúng tôi không biết đâu mà gởi trả lại bạn. Vậy xin quý Bạn cho biết. Những địa chỉ ấy, xin biên ra sau đây:

Bạn Chung Xuân — Phú Thọ (Cholon) — Ngọc Mai Loan (Saigon) — Một người bạn ở Cholon — tặng bạn Phạm Bảo Nhật (trường P. Ký — (Saigon) — Cô Lê Hải (Saigon) — Nguyễn Văn Đức (Tuy Hòa) — Tâm (Cholon) — Trần Văn Vân (Giadinh) — Lê Thị Tiết (Cholon)

* Có một số khá đông (trên 120) nhờ chúng tôi gởi tặng bạn xa mà TRONG THƯ KHÔNH CÓ GỐI TEM. Có bạn lại nói trong thư là có gởi tiền (10, hoặc 20 đồng) mà trong thư không có tiền!

* Bạn nào có điều gì không vừa ý trong việc gởi báo Trung. Thu tặng bạn, xin cho chúng tôi biết, chúng tôi xin thành thật cảm ơn

Thân mến
PHÒ THÔNG

CÙNG CÁC BẠN GỎI THƯ, HOẶC GỎI BÀI

* Thư các bạn có thịnh tình gởi về Tòa Báo, chúng tôi đều nhận được, nhưng xin các bạn rõ rằng vì THƯ NHẬN MỖI NGÀY RẤT NHIỀU, có ngày trên 100 cái, nên chúng tôi không sao phúc đáp kịp trong mỗi số báo. Vậy nếu chúng tôi trả lời chậm trong mục «Đáp Bùn Bốn Phương», xin các bạn miễn thử cho. TRƯỚC HAY SAU CHÚNG TÔI ĐỀU LẦN LUỘT TRẢ LỜI HẾT. Bài cũng vậy, chúng tôi rất hoan nghênh và thành thực cảm ơn các bạn có hảo ý gởi bài lai cảo, hoặc thơ, để đăng báo. Chúng tôi đều nhận được cả và xin lần lượt coi đến và sẽ lựa chọn đăng lần. Xin các bạn thông cảm cho.

PHÒ THÔNG TẠP CHÍ



**TRẢ LỜI NGÀY THÁNG ÂM VÀ
DƯƠNG LỊCH**

* Ông Viết Điện — Dương nguyên công Trứ — Huế

Ngày 18-3-1931 là ngày thứ tư, nhâm ngày 30-1 năm Tân Vị, tháng Canh Dần, ngày nhâm Thân âm lịch.

❖ Một bạn đọc ở Nha-trang.

— Ngày 18-12-1940 D.L. là ngày 14-11 năm Canh Thìn, tháng Mậu Tý, ngày Kỷ Sửu âm lịch.

— Ngày 6-7-1943 \equiv 5-6 năm Quý Vị, tháng Kỷ Vị, ngày Ất Sửu.

— 17-8-1933 \equiv 17-7 năm Quý Dậu, tháng Kỷ Sửu, ngày Giáp Dần.

❖ Ông Quý, bến Lê quang Liêm — Cholon.

Ngày 15 tháng chạp năm Mậu Tý nhằm ngày thứ năm 13-1-1949 D.L.

— 25-12-1937 \equiv 23-11 năm Đinh Sửu, tháng nhâm Tý, ngày Bính Tuất.

— 30-11-1935 \equiv 5 tháng chạp năm Ất Hợi, tháng Kỷ Sửu, ngày Canh Thìn.

❖ Ô. Huỳnh xuân Nhựt — Nhà tiểu học — Saigon.

— Ngày 17-12-1920 D.L. \equiv 8-11- năm Canh Thìn, tháng Mậu Tý, ngày Kỷ Dậu.

— 8-2-1924 \equiv 4 tháng giêng năm Giáp Tý, tháng Bính Dần, ngày Bính Tý.

— 25-12-1911 \equiv 8-11 năm Tân Tỵ, tháng Canh Tý, ngày Bính Vị.

— 9-6-1944 \equiv 19-4 nhuận năm Giáp Thìn, tháng Kỷ Tỵ, ngày Giáp Thìn.

— 24-3-1949 \equiv 25-2 năm Kỷ Sửu, tháng Đinh Mão, ngày Quý Sửu.

— 2-4-1951 \equiv 26-2 năm Tân Mão, tháng Tân Mão, ngày nhuận Thân.

— 29-3-1952 \equiv 4-3 năm nhuận Thìn, tháng Giáp Thìn, ngày Giáp Tuất.

— 14-5-1957 \equiv 15-4 năm Đinh Dậu, tháng Ất Ty, ngày Bính Tuất.

Đổi chiếu theo tài liệu trong quyển « Concordance des calendriers lunaire et solaire de 1802 à 2010 par cordier et Nguyễn Đức Hoạt, imprimerie Chân phrông 30, Rue des stores Hanoi 1935 và quyển 2 « Lịch biều âm dương Việt Hoa trên 1.000 năm đổi chiếu của Nguyễn-Triệu sẽ xuất bản đầu năm 1960. »

❖ Ông Kính — Đà Nẵng.

Ngày 1-5-1931 thứ sáu, nhuận ngày 14-3 năm Tân Vị, tháng nhâm Thìn, ngày Bính Thìn.

❖ Bạn Ngọc Yến Tử — Bình Dương.

Ngày 19-1-1942, là ngày mồng một, tháng giêng, năm nhâm Ngọ, tháng Quý Mão, ngày nhâm Dần — 8 giờ tức là giờ Thìn.

* Ông Bùi trí Minh.— Minh Huệ — Saigòn.

— 13-12-1942 = 6-11 âm lịch năm nhâm Ngọ, tháng nhâm Tý, ngày Canh Tý.

— 26-12-1942 = 19-11 âm lịch uất nhâm Ngọ, tháng nhâm Tý, ngày Quý Sửu.

— 13-2-1940 = 6 tháng giêng năm Canh Thìn, tháng Mậu Dần, ngày Bình Tuất.

— 4-4-1942 = 19-2 âm lịch năm Nhâm Ngọ, tháng Quý Mão, ngày Đinh Hợi.

— 18 tháng giêng âm lịch năm Bính Thìn, nhâm ngày chúa nhật 20-2-1916 Dương lịch.

NGUYỄN TRIỆU

* Xã giao thương thức.

Của bạn Văn Hà, Nha Trang

Trong Phòng số 13 cô Bình Minh có dạy rằng : « Trên một chiếc xe hàng chật chội, khi thấy một người đàn bà bước lên xe, người đàn ông nên đứng dậy nhường chỗ cho người đàn bà lên mà không được thốt lời mời, vì như thế tự lờ ra là kém xã giao ».

Em nhận thấy như thế thật là bất tiện, vì khi người đàn ông đứng dậy mà không thốt lời mời thì...ai mà dám ngồi vào chỗ ấy, vì họ cứ ngỡ là chàng kia đứng dậy để...khỏi mồi hụng, và đỗ ra cửa sổ ngắm cảnh !

Thưa cô đó là sự thật mà em đã mục kích trên một chuyến xe lửa Nha Trang — Ninh Hòa. Người đàn ông chờ until nh không thấy cô kia ngồi nên phải qua toa khác, bấy giờ cô kia mới nhận là chàng đứng dậy không phải để giàn xương sống. Như vậy muôn người ta ngồi mà vô tình bắt người ta phải đứng.

Vậy ý kiến của cô về việc này ra sao ?

ĐÁP..

Một phụ nữ tinh ý, hiểu ngay cù-chí của người đàn ông, lúc người này đứng dậy nhường chỗ cho mình. Nhưng nếu muôn bộ thật ý định, người đàn ông có thể nói khó với người ta

« Mời bà hay cô ngồi, » cũng được, miễn là mình thành thật không có ý gì khác.

★ Y phục tối tân.

Của bạn Trịnh văn Hoàng — Huế.

....Tuy là người Huế, nhưng tôi đã ở Đà lạt khá lâu, tôi nhận thấy ở Đà-lạt học sinh hay mặc áo chemise màu đỏ thắm, xanh tay lên tận nách, và quần thì bó sát người, đóng đinh khắp cả như quần Texas. Thưa ông, lỗi phục sức này có thể vừa mắt được không? và những học sinh ấy bắt chước từ đâu cái mốt ấy? Theo ông, y phục đó có thể cho phép ta gọi con người mang nó là mất dạy không, hay là ta phải phục là học sinh Đà lạt tối tân, có khiếu thẩm mỹ?

Tôi còn nhận thấy rất nhiều học sinh Đà-lạt hút thuốc ngay & trường học, lúc rã chơi, lúc gặp thầy giáo đè, thì ngay trong lớp, xin quét lìa ngay nơi giáo sư, như thế có thể gọi là phép tự nhiên giữa thầy trò, hay là tự do hưởng thụ lành mạnh không?

ĐÁP. Về việc y phục, ở Đà lạt cũng như ở Sài Gòn, đó là một phong trào. Nếu các bạn học sinh thấy lố bịch thì dần dần các bạn sẽ bỏ. Còn học trò ở trong lớp mà hút thuốc, thì ngay ở bên Âu Mỹ, chúng tôi cũng ít thấy.

↗ Nỗi lòng của một giáo viên — Kiến hòa

...Đề tìm hiểu sự «Bướng bỉnh và vô giáo dục» của học sinh từ đầu mà ra; Nếu một nhóm giáo viên thuộc về khuynh hướng «Lương tâm chức nghiệp» đảm nhiệm các lớp trên.

Các lớp dưới rủi sa vào tay «Các ông ăn hại dạy dỗ, (Đây là một thiểu số), thi đâm học sinh và tội này nó sẽ ra sao? Tâm hồn trong trắng của chúng được rèn luyện bao nhiêu tật xấu : làm biếng, ngồi không nói chuyện v. v. Vì chính người điều khiển chúng có làm việc đâu, họ chỉ làm việc khi có ông Ty-Trưởng đến mà thôi. Gặp trường hợp này chúng tôi phải làm sao, thưa ông? Một niêm học quá ngắn ngủi liệu giáo chức có đủ thời giờ rèn lại đức tính của chúng không?

Tâm hồn ngày thơ đã bị hoen ố khó sáu chữa trong một thời gian ngắn. Ông thầy có cố gắng lèo lái đến đâu chỉ kết quả cốn con mà thôi, nỗi khổ tâm này biết rõ cùng ai! Nói lên sẽ bị động chạm, đánh cắn răng mà chịu.

Chính tôi là nạn nhân cảnh này, gào thét, hết la dù thử chúng vẫn tro tro, bắt chúng làm việc thì chúng uể oải, làm lấy có, vì thói quen nết xấu đã chôn sâu vào tâm hồn, bắt buộc học là một điều tối kỵ nhất. chúng về nhà đặt chuyện thầy khó, thầy này, nọ, kia, gây ra

mối ác cảm giữa phụ huynh và giáo viên.

Đây là một sự đáng thương tâm hơn nữa, nếu dạy dỗ có kết quả được sự tín nhiệm của phụ huynh, thì các bạn đồng nghiệp nói một người làm việc trong kinh bao nhiêu người khác không làm, cày cho lâm vẫn là trâu. (Lời của một trưởng giáo nói).

Học đường là nơi rèn luyện nhân tài, phải cần người có đạo đức hiền dũng, còn các ông trên đây chỉ là hàng người đòi lối nhà mồ phạm để họ hạc, làm hoen ô thành danh của giáo giới, vì các ông làm cho chúng tôi phải sầu hận trong việc làm của các ông.

Tôi mong rằng lời tâm sự này được các bạn hữu phương chiếu cố đến và bà giáo Phuộc Tuy thông cảm nỗi khổ tâm của tôi (Không phải, tôi thuộc hàng tàn tật lương tâm, hoặc áp dụng sai phương pháp sư phạm), tôi đã suy xét rất kỹ trước khi nói lên vấn đề này.

Tôi thành thật cảm ơn Ông Giám đốc đã cho phép tôi trúc bút tâm sự chôn tận đây lòng từ lâu, »

CÁO LỐI

Vì có nhiều bài cần đăng trong số này nên hai bài «truyện dài Kiến Trinh» của cô Văn Nga và «Những Người đời» mươi của Nguyễn Thủ Minh xin gác lại một kỳ.

Vậy xin cáo lỗi cùng các bạn đọc và hẹn tiếp tục vào số đến (22).

P.T. Tập chí

ĐÍN CHÍNH

Trong Phở Thắng số này, Bài Y học phở thông trang 87 của QUANG HOA mà thấy nhà in đã sơ sót để nhầm tên tác giả Hoàng Hoa xin lỗi là QUANG HOA.

Vậy xin cáo lỗi cùng tác giả và mong bạn đọc tự định chính ghi tên cho.

P.T.

SẮP PHÁT HÀNH NAY MAI :

VẬT-LÝ HỌC

ĐỆ NHẤT A VÀ B

Giáo khoa về toàn mìn

Phần I (Động lực học và năng lượng) của Nguyễn Cảnh
Như — Chu Phạm-Ngọc-Sơn và Chu Thị Hiền, Giáo sư
các trường Chu-văn-An và Pôtrus Ký soạn.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

NHA TỔNG GIÁM ĐỐC
KIẾN THIẾT VÀ THIẾT KẾ

DÔ-THỊ

Trực-thuộc Phủ Tống-Thống

Sở Xô-Số Kiến.Thiết

THÔNG-CÁO

Sở Xô-Số Kiến-Thiết trân trọng thông cáo :
Bắt đầu từ tháng giêng năm 1959 xô-số Kiến-thiết sẽ phát hành mỗi tuần một loại ghi theo số A, B, C, D, v.v... trong tháng. Mỗi loại 1.000.000 vé đánh số từ 000.000 đến 999.999 và nhất định mở vào ngày : THỨ SÁU HÀNG TUẦN.

CÁCH PHÂN PHỐI CÁC LÔ TRÚNG :

1	lô Đặc-Dắc trúng	1.000 000\$
5	lô trúng	100.000\$
5	—	50.000\$
60	—	10.000\$
200	—	5.000\$
1.000	—	1.000\$
1.000	—	500\$
10.000	—	100\$
55 lô an ủi		2.000\$

Tổng cộng : 12.326 lô trúng.

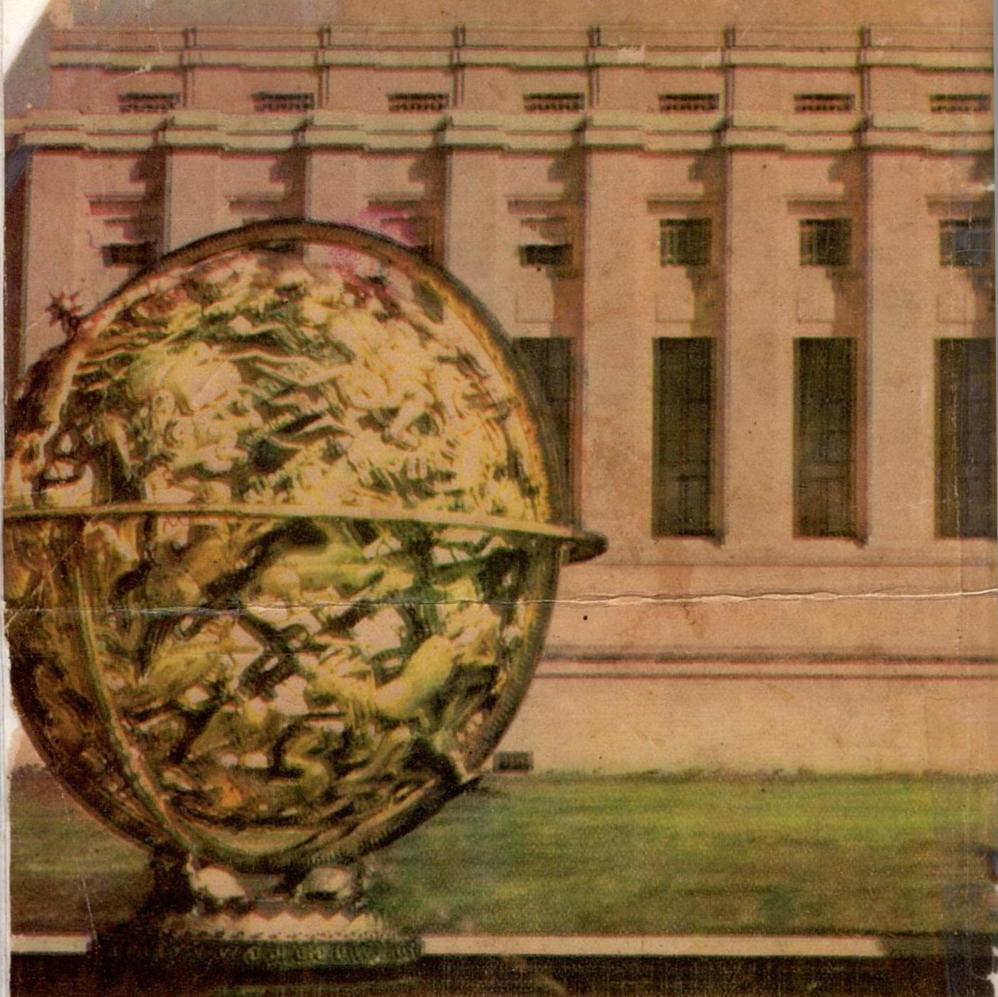
Saiyon ngày 26 tháng 9 năm 1958

Sở Xô-Số KIẾN-THIẾT

K. D. số : 273/NĐRKD — Saigon, ngày 10-10-1959
In tại nhà in TÂN-PHÁT — 293 Gia-Long — Saigon

NBT

Vương Liên-Hiệp-Quốc (với ve)



EL TRUNG